

Số: 64 /QĐ-TTQLĐHGT-KHVT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Hồ sơ mời thầu qua mạng (E-HSMT)

- Gói thầu** : Tư vấn khảo sát, lập thiết kế chi tiết.
Dự án : Đầu tư hệ thống điều khiển giao thông linh hoạt các trục giao thông chính trên địa bàn thành phố.
Địa điểm : Thành phố Hồ Chí Minh.

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH GIAO THÔNG ĐÔ THỊ

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29 tháng 11 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật đầu tư công theo phương thức đối tác công tư, Luật hải quan, Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật đầu tư công, Luật quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 04 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật đầu tư công; Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;



Căn cứ Nghị định số 17/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu;

Căn cứ Thông tư số 22/2024/TT-BKHĐT ngày 17 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch đầu tư về việc Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định về nhiệm vụ, quyền hạn thực hiện các chương trình, dự án đầu tư công của Thành phố Hồ Chí Minh; Quyết định số 23/2024/QĐ-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố điều chỉnh, bổ sung một số điều của quy định về nhiệm vụ, quyền hạn thực hiện các chương trình, dự án đầu tư công của thành phố hồ chí minh ban hành kèm Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2021 của ủy ban nhân dân thành phố;

Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 14 tháng 3 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố về chủ trương đầu tư dự án Đầu tư hệ thống điều khiển giao thông linh hoạt các trục giao thông chính trên địa bàn thành phố;

Căn cứ Quyết định số 837/QĐ-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2024 của Chủ tịch Ủy Ban nhân dân Thành phố về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2024 nguồn vốn ngân sách thành phố;

Căn cứ Quyết định số 6075/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Chủ tịch Ủy Ban nhân dân Thành phố về việc giao kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương;

Căn cứ Quyết định số 4382/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc phê duyệt Dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư dự án Đầu tư hệ thống điều khiển giao thông linh hoạt các trục giao thông chính trên địa bàn thành phố;

Căn cứ Quyết định số 07/2025/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 3320/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch Ủy Ban nhân dân Thành phố về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương;

Căn cứ Quyết định số 324/QĐ-SKHCN ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ về phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án

Đầu tư hệ thống điều khiển giao thông linh hoạt các trục giao thông chính trên địa bàn thành phố;

Căn cứ Quyết định số 31/QĐ-TTQLĐHGT-KHVT ngày 07 tháng 7 năm 2025 của Giám đốc Trung tâm Quản lý điều hành giao thông đô thị về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án Đầu tư hệ thống điều khiển giao thông linh hoạt các trục giao thông chính trên địa bàn thành phố;

Căn cứ Hợp đồng số 07 /HĐ-TTQLĐHGT-KHVT ngày 11 tháng 7 năm 2025 giữa Trung tâm Quản lý điều hành giao thông đô thị và Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Nhất Nguyên về việc thực hiện gói thầu Tư vấn Lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu thuộc dự án Đầu tư hệ thống điều khiển giao thông linh hoạt các trục giao thông chính trên địa bàn thành phố;

Căn cứ Hợp đồng số 08 /HĐ-TTQLĐHGT-KHVT ngày 11 tháng 7 năm 2025 giữa Trung tâm Quản lý điều hành giao thông đô thị và Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng đô thị Sài Gòn về việc thực hiện gói thầu Tư vấn thẩm định hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu thuộc dự án Đầu tư hệ thống điều khiển giao thông linh hoạt các trục giao thông chính trên địa bàn thành phố;

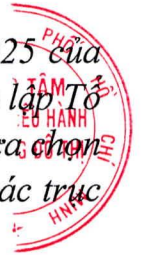
Căn cứ Quyết định số 3420/2025/QĐ- NN ngày 11 tháng 7 năm 2025 của Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Nhất Nguyên về việc thành lập Tổ chuyên gia, thực hiện gói thầu Tư vấn lập Hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thuộc dự án Đầu tư hệ thống điều khiển giao thông linh hoạt các trục giao thông chính trên địa bàn thành phố;

Căn cứ Quyết định số 307/QĐ-CGĐT-25 ngày 11 tháng 7 năm 2025 của Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng đô thị Sài Gòn về việc thành lập Tổ thẩm định, thực hiện gói thầu Tư vấn thẩm định hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu thuộc dự án Đầu tư hệ thống điều khiển giao thông linh hoạt các trục giao thông chính trên địa bàn thành phố;

Căn cứ E-Hồ sơ mời thầu gói thầu Tư vấn khảo sát, lập thiết kế chi tiết thuộc dự án Đầu tư hệ thống điều khiển giao thông linh hoạt các trục giao thông chính trên địa bàn thành phố do Tổ chuyên gia thuộc Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Nhất Nguyên lập;

Căn cứ Tờ trình số 3466/2025/TTr-NN ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Nhất Nguyên về việc trình phê duyệt E- Hồ sơ mời thầu gói thầu Tư vấn khảo sát, lập thiết kế chi tiết thuộc dự án Đầu tư hệ thống điều khiển giao thông linh hoạt các trục giao thông chính trên địa bàn thành phố;

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 2407/BCTĐ-HSMT ngày 16 tháng 7 năm 2025 của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng đô thị Sài Gòn về việc thẩm định và phê duyệt E- Hồ sơ mời thầu gói thầu Tư vấn khảo sát, lập thiết kế chi tiết thuộc dự án Đầu tư hệ thống điều khiển giao thông linh hoạt các trục giao thông chính trên địa bàn thành phố;



Xét đề nghị của Trưởng phòng kế hoạch vật tư.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt E-Hồ sơ mời thầu gói thầu Tư vấn khảo sát, lập thiết kế chi tiết thuộc dự án Đầu tư hệ thống điều khiển giao thông linh hoạt các trục giao thông chính trên địa bàn thành phố với các nội dung chính như sau:

- Tên dự án: Đầu tư hệ thống điều khiển giao thông linh hoạt các trục giao thông chính trên địa bàn thành phố.
- Địa điểm: Thành phố Hồ Chí Minh.
- Gói thầu: Tư vấn khảo sát, lập thiết kế chi tiết.
- Nguồn vốn: Nguồn ngân sách thành phố.
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi, trong nước, qua mạng.
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, hai túi hồ sơ.
- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý III/2025.
- Loại hợp đồng: Trọn gói.
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 60 ngày.

(E-HSMT đính kèm)

Điều 2. Căn cứ E-Hồ sơ mời thầu được duyệt, giao Phòng Kế hoạch vật tư chủ trì, phối hợp với Phòng Tài chính Kế toán, Đội Vận hành giám sát giao thông, Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng Nhất Nguyên và Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng đô thị Sài Gòn tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Phòng Kế hoạch vật tư, Phòng Tài chính kế toán, Đội Vận hành giám sát giao thông thuộc Trung tâm Quản lý điều hành giao thông đô thị và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *Uy*

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Ban Giám đốc Trung tâm;
- Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Nhất Nguyên;
- Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng đô thị Sài Gòn;
- Các phòng: P.TCKT;
P.KHVT; ĐVHGSGT.
- Lưu: VT. – PVT.

GIÁM ĐỐC



Đoàn Văn Tấn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

=====o0o=====

E- HỒ SƠ MỜI THẦU

DỰ ÁN : ĐẦU TƯ HỆ THỐNG ĐIỀU KHIỂN GIAO THÔNG LINH HOẠT CÁC TRỤC GIAO THÔNG CHÍNH TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ

GÓI THẦU : TƯ VẤN KHẢO SÁT, LẬP THIẾT KẾ CHI TIẾT

ĐỊA ĐIỂM : THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CHỦ ĐẦU TƯ : TRUNG TÂM QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH GIAO THÔNG ĐÔ THỊ

ĐƠN VI LẬP



CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG NHẤT NGUYÊN

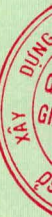
Địa chỉ: 116 Nguyễn Duy Cung - Phường An Hội Tây- TP.HCM

Điện thoại: 0989072766

Websit

e: www.nhatnguyen.vn - Email: nhatnguyentvxd@gmail.com

Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2025



SỞ XÂY DỰNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH GIAO THÔNG ĐÔ THỊ

E-HỒ SƠ MỜI THẦU

Số hiệu gói thầu : 3
và số E-TBMT

Tên gói thầu : Tư vấn khảo sát, lập thiết kế chi tiết

Dự án : Đầu tư hệ thống điều khiển giao thông linh hoạt các trục
giao thông chính trên địa bàn thành phố

Địa điểm : Thành phố Hồ Chí Minh

Phát hành ngày : Ngày 17 tháng 7 năm 2025

Ban hành kèm theo quyết định: Số 64/QĐ-TTQLĐHGT ngày 17/7/2025
- KHVT

<p>CHỦ ĐẦU TƯ TRUNG TÂM QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH GIAO THÔNG ĐÔ THỊ</p>	<p>Ngày 17 tháng 7 năm 2025 GIÁM ĐỐC</p>  <p>Đoàn Văn Tân</p>
<p>CƠ QUAN SOẠN THẢO CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG NHẤT NGUYÊN</p>	<p>Ngày 15 tháng 7 năm 2025 GIÁM ĐỐC</p>  <p>Vũ Văn Thực</p>

MỤC LỤC

Mô tả tóm tắt

Từ ngữ viết tắt

Phần 1. THỦ TỤC ĐẦU THẦU

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Phần 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

Chương V. Điều khoản tham chiếu

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng

Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng

Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng

MÔ TẢ TÓM TẮT

Phần 1. THỦ TỤC ĐẦU THẦU

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà thầu chuẩn bị E-HSDT. Thông tin bao gồm các quy định về việc chuẩn bị, nộp E-HSDT, mở thầu, đánh giá E-HSDT và trao hợp đồng. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

Chương này áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu dịch vụ tư vấn qua mạng, được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống.

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương này quy định cụ thể các nội dung của Chương I khi áp dụng đối với từng gói thầu.

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT

Chương này bao gồm các tiêu chí để đánh giá E-HSDT. Cụ thể:

- Mục 1: Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT được cố định theo định dạng tệp tin PDF/word và đăng tải trên Hệ thống;
- Mục 2: Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật được cố định theo định dạng tệp tin PDF/word và đăng tải trên Hệ thống;
- Mục 3: Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính là tệp tin PDF/Word do Chủ đầu tư chuẩn bị theo mẫu và đăng tải trên Hệ thống.

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Chương này bao gồm các biểu mẫu mời thầu, biểu mẫu dự thầu mà chủ đầu tư và nhà thầu sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của E-HSMT và E-HSDT.

Phần 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

Chương V. Điều khoản tham chiếu

Điều khoản tham chiếu bao gồm việc giới thiệu về gói thầu, phạm vi công việc; yêu cầu về báo cáo, thời gian thực hiện, kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu; trách nhiệm của Chủ đầu tư. Điều khoản tham chiếu được hiển thị dưới dạng tệp tin PDF/Word do Chủ đầu tư chuẩn bị và đính kèm lên Hệ thống.

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng

Chương này bao gồm điều khoản chung, áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn qua mạng, được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống.

Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng

Chương này bao gồm dữ liệu hợp đồng và Điều kiện cụ thể cho mỗi hợp đồng. Điều kiện cụ thể của hợp đồng nhằm chi tiết hóa, bổ sung nhưng không thay thế được Điều kiện chung của Hợp đồng.

Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng

Chương này gồm các biểu mẫu mà sau khi được hoàn chỉnh sẽ trở thành một bộ phận cấu thành của hợp đồng.

Phần 1. THỦ TỤC ĐẦU THẦU
Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

1. Phạm vi gói thầu	1.1. Chủ đầu tư quy định tại E-BDL phát hành bộ E-HSMT này để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu dịch vụ tư vấn theo phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ. 1.2. Tên gói thầu, dự án/dự toán mua sắm được quy định tại E-BDL .
2. Giải thích từ ngữ trong đấu thầu qua mạng	2.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm hết hạn nhận E-HSĐT và được quy định trong E-TBMT trên Hệ thống. 2.2. Ngày là ngày theo dương lịch, bao gồm cả ngày nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ, nghỉ Tết theo quy định của pháp luật về lao động. 2.3. Thời gian và ngày tháng trên Hệ thống là thời gian và ngày tháng được hiển thị trên Hệ thống (GMT+7).
3. Nguồn vốn	Nguồn vốn để sử dụng cho gói thầu được quy định tại E-BDL .
4. Hành vi bị cấm	4.1. Đưa, nhận, môi giới hối lộ. 4.2. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để gây ảnh hưởng, can thiệp trái pháp luật vào hoạt động đấu thầu dưới mọi hình thức. 4.3. Thông thầu bao gồm các hành vi sau đây: a) Dàn xếp, thỏa thuận, ép buộc để một hoặc các bên chuẩn bị E-HSĐT hoặc rút E-HSĐT để một bên trúng thầu; b) Dàn xếp, thỏa thuận để từ chối cung cấp hàng hóa, dịch vụ, không ký hợp đồng thầu phụ hoặc thực hiện các hình thức thỏa thuận khác nhằm hạn chế cạnh tranh để một bên trúng thầu; c) Nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm đã tham dự thầu và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT nhưng cố ý không cung cấp tài liệu để chứng minh năng lực, kinh nghiệm khi được Chủ đầu tư yêu cầu làm rõ E-HSĐT hoặc khi được yêu cầu đối chiếu tài liệu nhằm tạo điều kiện để một bên trúng thầu. 4.4. Gian lận bao gồm các hành vi sau đây: a) Làm giả hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu trong đấu thầu; b) Cố ý cung cấp thông tin, tài liệu không trung thực, không khách quan trong E-HSĐT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu. 4.5. Cản trở bao gồm các hành vi sau đây: a) Hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo sai sự thật; đe dọa hoặc gợi ý đối với bất kỳ bên nào nhằm ngăn chặn việc làm rõ hành vi đưa, nhận, môi giới hối lộ, gian lận hoặc thông đồng với cơ quan có chức năng, thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán; b) Cản trở Người có thẩm quyền, Chủ đầu tư, nhà thầu trong lựa chọn nhà thầu; c) Cản trở cơ quan có thẩm quyền giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán đối với hoạt động đấu thầu;

<p>d) Cố tình khiêu nại, tố cáo, kiến nghị sai sự thật để cản trở hoạt động đấu thầu;</p> <p>đ) Có hành vi vi phạm pháp luật về an toàn, an ninh mạng nhằm can thiệp, cản trở việc đấu thầu qua mạng.</p> <p>4.6. Không bảo đảm công bằng, minh bạch bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Tham dự thầu với tư cách là nhà thầu đối với gói thầu do mình làm Chủ đầu tư, hoặc thực hiện nhiệm vụ của Chủ đầu tư không đúng quy định của Luật Đấu thầu;</p> <p>b) Tham gia lập, đồng thời tham gia thẩm định E-HSMT đối với cùng một gói thầu;</p> <p>c) Tham gia đánh giá E-HSMT đồng thời tham gia thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu đối với cùng một gói thầu;</p> <p>d) Cá nhân thuộc Chủ đầu tư trực tiếp tham gia quá trình lựa chọn nhà thầu hoặc tham gia tổ chuyên gia, tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc là Người có thẩm quyền, người đứng đầu Chủ đầu tư đối với các gói thầu do người có quan hệ gia đình theo quy định của Luật Doanh nghiệp đứng tên dự thầu hoặc là người đại diện hợp pháp của nhà thầu tham dự thầu;</p> <p>đ) Đứng tên tham dự thầu gói thầu thuộc dự án do Chủ đầu tư là cơ quan, tổ chức nơi mình đã công tác và giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong thời gian 12 tháng kể từ ngày không còn làm việc tại cơ quan, tổ chức đó;</p> <p>e) Nhà thầu tư vấn giám sát đồng thời thực hiện tư vấn kiểm định đối với gói thầu do nhà thầu đó giám sát;</p> <p>4.7. Tiết lộ những tài liệu, thông tin về quá trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư, trừ trường hợp cung cấp thông tin theo quy định tại điểm b khoản 8 và điểm g khoản 9 Điều 77, khoản 11 Điều 78, khoản 4 Điều 80, khoản 4 Điều 81, khoản 2 Điều 82 của Luật này, bao gồm:</p> <p>a) Nội dung E-HSMT trước thời điểm phát hành theo quy định;</p> <p>b) Nội dung E-HSMT; nội dung yêu cầu làm rõ E-HSMT của Chủ đầu tư và trả lời của nhà thầu trong quá trình đánh giá E-HSMT; báo cáo của Chủ đầu tư, báo cáo của tổ chuyên gia, báo cáo thẩm định, báo cáo của nhà thầu tư vấn, báo cáo của cơ quan chuyên môn có liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu; tài liệu ghi chép, biên bản cuộc họp xét thầu, các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng E-HSMT trước khi được công khai theo quy định;</p> <p>c) Kết quả lựa chọn nhà thầu trước khi được công khai theo quy định;</p> <p>d) Các tài liệu khác trong quá trình lựa chọn nhà thầu được xác định chứa nội dung bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật.</p> <p>4.8. Chuyển nhượng thầu trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu ngoài giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ và khối lượng</p>
--

	<p>công việc dành cho nhà thầu phụ đặc biệt đã nêu trong hợp đồng;</p> <p>b) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu chưa vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng nhưng ngoài phạm vi công việc dành cho nhà thầu phụ đã đề xuất trong E-HSMT mà không được Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận;</p> <p>c) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm a khoản này;</p> <p>d) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm b khoản này mà vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng.</p>
<p>5. Tư cách hợp lệ của nhà thầu</p>	<p>5.1. Nhà thầu là tổ chức đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Hạch toán tài chính độc lập;</p> <p>b) Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản;</p> <p>c) Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định tại E-BDL;</p> <p>d) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Luật Đấu thầu;</p> <p>đ) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự.</p> <p>5.2. Nhà thầu là hộ kinh doanh đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật;</p> <p>b) Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;</p> <p>c) Đáp ứng điều kiện quy định tại điểm c và điểm d Mục 5.1 E-CDNT.</p>
<p>6. Nội dung của E-HSMT</p>	<p>6.1. E-HSMT bao gồm: E-TBMT và Phần 1, Phần 2, Phần 3 cùng với tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT (nếu có), trong đó bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p>Phần 1. Thủ tục đấu thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu; - Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu; - Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSMT; - Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu. <p>Phần 2. Điều khoản tham chiếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương V. Điều khoản tham chiếu. <p>Phần 3. Điều kiện hợp đồng và Biểu mẫu hợp đồng:</p>

	<ul style="list-style-type: none"> - Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng; - Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng; - Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng. <p>6.2. Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về tính chính xác, hoàn chỉnh của E-HSMT, tài liệu giải thích làm rõ E-HSMT hay các tài liệu sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT nếu các tài liệu này không được cung cấp bởi Chủ đầu tư trên Hệ thống. E-HSMT do Chủ đầu tư phát hành trên Hệ thống sẽ là cơ sở để xem xét, đánh giá.</p> <p>6.3. Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin của E-TBMT, E-HSMT bao gồm các nội dung sửa đổi, làm rõ E-HSMT, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) để chuẩn bị E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT cho phù hợp.</p>
<p>7. Sửa đổi, làm rõ E-HSMT</p>	<p>7.1. Trường hợp sửa đổi E-HSMT thì Chủ đầu tư đăng tải quyết định sửa đổi kèm theo các nội dung sửa đổi và E-HSMT đã được sửa đổi cho phù hợp (file đính kèm). Việc sửa đổi E-HSMT được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 10 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu và bảo đảm đủ thời gian để nhà thầu hoàn chỉnh E-HSDT; trường hợp không bảo đảm đủ thời gian như nêu trên thì phải gia hạn thời điểm đóng thầu.</p> <p>7.2. Trường hợp cần làm rõ E-HSMT, nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ đến Chủ đầu tư thông qua Hệ thống trong thời hạn tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu để Chủ đầu tư xem xét, xử lý. Chủ đầu tư tiếp nhận nội dung làm rõ để xem xét, làm rõ theo đề nghị của nhà thầu và thực hiện làm rõ trên Hệ thống trong thời hạn tối thiểu 02 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi E-HSMT thì Chủ đầu tư tiến hành sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT.</p> <p>7.3. Trường hợp cần thiết, Chủ đầu tư tổ chức hội nghị tiền đấu thầu để trao đổi về những nội dung trong E-HSMT mà các nhà thầu chưa rõ theo quy định tại E-BDL. Chủ đầu tư đăng tải thông báo tổ chức hội nghị tiền đấu thầu trên Hệ thống; tất cả các nhà thầu quan tâm được tham dự hội nghị tiền đấu thầu mà không cần phải thông báo trước cho Chủ đầu tư. Nội dung trao đổi giữa Chủ đầu tư và nhà thầu phải được Chủ đầu tư ghi lại thành biên bản và lập thành văn bản làm rõ E-HSMT đăng tải trên Hệ thống trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc hội nghị tiền đấu thầu. Việc nhà thầu không tham dự hội nghị tiền đấu thầu hoặc không có giấy xác nhận đã tham dự hội nghị tiền đấu thầu không phải là lý do để loại bỏ E-HSDT của nhà thầu.</p> <p>7.4. Trường hợp E-HSMT cần phải được sửa đổi sau khi tổ chức hội nghị tiền đấu thầu, Chủ đầu tư thực hiện việc sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT. Biên bản hội nghị tiền đấu thầu không</p>

	<p>phải là văn bản sửa đổi E-HSMT.</p> <p>7.5. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để kịp thời làm rõ E-HSMT theo đề nghị của nhà thầu.</p> <p>7.6. Nhà thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để cập nhật thông tin về việc sửa đổi E-HSMT, thay đổi thời điểm đóng thầu (nếu có) để làm cơ sở chuẩn bị E-HSDT. Trường hợp xảy ra các sai sót do không theo dõi, cập nhật thông tin trên Hệ thống dẫn đến bất lợi cho nhà thầu trong quá trình tham dự thầu bao gồm: thay đổi, sửa đổi E-HSMT, thời điểm đóng thầu, thời gian thương thảo hợp đồng và các nội dung khác thì nhà thầu phải tự chịu trách nhiệm và chịu bất lợi trong quá trình tham dự thầu.</p> <p>7.7. Đối với các gói thầu tư vấn đơn giản, gói thầu tư vấn có giá trị không quá 500 triệu đồng hoặc gói thầu tư vấn cấp bách cần thực hiện ngay do yêu cầu về tiến độ, thời gian sửa đổi E-HSMT thực hiện theo quy định tại E-BDL.</p>
8. Chi phí dự thầu	E-HSMT được phát hành miễn phí trên Hệ thống ngay sau khi Chủ đầu tư đăng tải thành công E-TBMT trên Hệ thống. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu. Chi phí nộp E-HSDT theo quy định tại E-BDL . Trong mọi trường hợp, Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà thầu.
9. Ngôn ngữ của E-HSDT	E-HSDT cũng như tất cả văn bản và tài liệu liên quan đến E-HSDT được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu bổ trợ trong E-HSDT có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, Chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung (nếu cần thiết).
10. Thành phần của E-HSDT	<p>E-HSDT bao gồm E-HSĐXKT và E-HSĐXTC:</p> <p>10.1. E-HSĐXKT bao gồm các thành phần sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn dự thầu trong E-HSĐXKT được đính kèm theo quy định tại Mục 11 E-CDNT; - Thỏa thuận liên danh được đính kèm theo Mẫu số 03 Chương IV (đối với trường hợp nhà thầu liên danh); - Đề xuất kỹ thuật theo quy định tại Mục 14 E-CDNT và các Mẫu thuộc Chương IV; <p>10.2. E-HSĐXTC bao gồm các thành phần sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn dự thầu trong E-HSĐXTC được đính kèm theo quy định tại Mục 11 E-CDNT; - Đề xuất về tài chính và các bảng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 11 E-CDNT và Mục 12 E-CDNT. <p>10.3. Các nội dung khác theo quy định tại E-BDL.</p>
11. Đơn dự thầu và các bảng biểu	Nhà thầu điền đầy đủ thông tin vào các Mẫu ở Chương IV. Nhà thầu kiểm tra thông tin trong đơn dự thầu và các bảng biểu được đính kèm để hoàn thành E-HSDT.
12. Giá dự thầu	12.1. Giá dự thầu là giá do nhà thầu chào trong đơn dự thầu thuộc E-

<p>và giảm giá</p>	<p>HSDXTC (chưa bao gồm giảm giá), bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu. Nhà thầu điền giá dự thầu từ Mẫu số 15 Chương IV vào đơn dự thầu.</p> <p>Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu. Giá trị giảm giá này được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục nêu trong Bảng tổng hợp chi phí.</p> <p>12.2. Việc phân tích chi phí thù lao cho chuyên gia được thực hiện theo quy định tại E-BDL.</p>
<p>13. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán</p>	<p>Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.</p>
<p>14. Đề xuất kỹ thuật</p>	<p>14.1. Đề xuất kỹ thuật không được nêu bất kỳ thông tin tài chính nào. Nếu đề xuất kỹ thuật của nhà thầu có những thông tin tài chính quan trọng thì nhà thầu phải chịu trách nhiệm về những bất lợi do việc để lộ thông tin tài chính trong đề xuất kỹ thuật (nếu có).</p> <p>14.2. Nhà thầu không được đề xuất phương án khác về nhân sự chủ chốt. Mỗi vị trí nhân sự chủ chốt chỉ được đề xuất một lý lịch chuyên gia.</p> <p>14.3. Đối với gói thầu áp dụng hợp đồng theo thời gian, trường hợp E-HSMT có yêu cầu, nhà thầu phải đề xuất thời gian làm việc của nhân sự chủ chốt không ngắn hơn thời gian quy định tại E-BDL.</p> <p>14.4. Trường hợp gói thầu đã áp dụng mời quan tâm, nếu có sự thay đổi về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu khi nộp E-HSDT và khi tham dự quan tâm thì phải cập nhật lại năng lực và kinh nghiệm của mình.</p>
<p>15. Thời hạn có hiệu lực của E-HSDT</p>	<p>15.1. E-HSDT có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn nêu tại E-BDL.</p> <p>15.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, Chủ đầu tư có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của E-HSDT. Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của E-HSDT thì E-HSDT của nhà thầu sẽ không được xem xét tiếp. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn E-HSDT không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của E-HSDT. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn được thực hiện trên Hệ thống.</p>
<p>16. Thời điểm đóng thầu</p>	<p>16.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm quy định tại E-TBMT.</p> <p>16.2. Chủ đầu tư có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng cách sửa đổi E-TBMT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của Chủ đầu tư và nhà thầu theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn.</p>
<p>17. Nộp, rút và sửa đổi E-HSDT</p>	<p>17.1. Nộp E-HSDT: Nhà thầu chỉ nộp một bộ E-HSDT đối với một E-TBMT khi tham gia đấu thầu qua mạng. Trường hợp liên danh, thành viên đứng đầu liên danh (theo thỏa thuận trong liên danh) thay mặt liên danh nộp E-HSDT sau khi được sự chấp thuận của tất cả các thành viên trong liên danh.</p>

	<p>17.2. Sửa đổi, nộp lại E-HSDT: Trường hợp cần sửa đổi E-HSDT đã nộp, nhà thầu phải tiến hành rút toàn bộ E-HSDT đã nộp trước đó để sửa đổi cho phù hợp. Sau khi hoàn thiện E-HSDT, nhà thầu tiến hành nộp lại E-HSDT mới. Trường hợp nhà thầu đã nộp E-HSDT trước khi Chủ đầu tư thực hiện sửa đổi E-HSMT (nếu có) thì nhà thầu phải nộp lại E-HSDT mới cho phù hợp với E-HSMT đã được sửa đổi. Trường hợp nhà thầu không nộp lại E-HSDT thì E-HSDT đã nộp trước thời điểm E-HSMT được sửa đổi sẽ không được mở, xem xét, đánh giá.</p> <p>17.3. Rút E-HSDT: nhà thầu được rút E-HSDT trước thời điểm đóng thầu. Trường hợp rút E-HSDT sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT thì nhà thầu bị đánh giá là không bảo đảm uy tín khi tham dự thầu và không được tiếp tục đánh giá E-HSDT. Khi rút E-HSDT, Hệ thống sẽ thông báo cho nhà thầu tình trạng rút E-HSDT (thành công hay không thành công). Hệ thống ghi lại thông tin về thời gian rút E-HSDT của nhà thầu.</p> <p>17.4. Nhà thầu chỉ được rút, sửa đổi, nộp lại E-HSDT trước thời điểm đóng thầu. Sau thời điểm đóng thầu, tất cả các E-HSDT nộp thành công trên Hệ thống (ngoại trừ E-HSDT của nhà thầu đã nộp trước thời điểm sửa đổi E-HSMT và nhà thầu không nộp E-HSDT mới để phù hợp với E-HSMT đã được sửa đổi) đều được mở thầu để đánh giá.</p>
<p>18. Mở E-HSĐXKT</p>	<p>18.1. Chủ đầu tư phải tiến hành mở E-HSĐXKT và công khai biên bản mở E-HSĐXKT trên Hệ thống trong thời hạn không quá 02 giờ, kể từ thời điểm đóng thầu. Trường hợp có 01 hoặc 02 nhà thầu nộp E-HSDT, Chủ đầu tư xem xét, xử lý tình huống theo quy định tại khoản 5 Điều 131 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu. Trường hợp không có nhà thầu nộp E-HSDT, Chủ đầu tư xem xét gia hạn thời điểm đóng thầu hoặc tổ chức lại việc lựa chọn nhà thầu qua mạng (hủy E-TBMT này và đăng tải E-TBMT mới) theo quy định tại khoản 4 Điều 131 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.</p> <p>18.2. Biên bản mở E-HSĐXKT được đăng tải công khai trên Hệ thống, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số E-TBMT; - Tên gói thầu; - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời điểm hoàn thành mở thầu; - Tổng số nhà thầu tham dự. <p>b) Thông tin về các nhà thầu tham dự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên nhà thầu;

	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian có hiệu lực của E-HSDXKT; - Thời gian thực hiện gói thầu; - Các thông tin liên quan khác (nếu có).
<p>19. Đánh giá E-HSDXKT</p>	<p>19.1. Tổ chuyên gia áp dụng phương pháp đánh giá theo quy định tại E-BDL để đánh giá E-HSDXKT.</p> <p>19.2. Quy trình đánh giá E- HSDXKT như sau:</p> <p>a) Bước 1: Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chuyên gia đánh giá trên cơ sở cam kết của nhà thầu trong đơn dự thầu đối với các nội dung: + Tư cách hợp lệ của nhà thầu; + Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu. <p>Trường hợp tổ chuyên gia phát hiện nhà thầu cam kết không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận trong đấu thầu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chuyên gia đánh giá về trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống của Nhà thầu.- Tổ chuyên gia đánh giá tính hợp lệ của thỏa thuận liên danh (đối với trường hợp liên danh). - Đối với nội dung về thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của nhà thầu được tổ chuyên gia đánh giá trên cơ sở thông tin kê khai, trích xuất trong E-HSDT và nhà thầu không phải đính kèm các tài liệu để chứng minh khi nộp E-HSDT. - Nhà thầu được đánh giá là đạt ở tất cả nội dung về tính hợp lệ thì được chuyển sang đánh giá về kỹ thuật. <p>b) Bước 2: Tổ chuyên gia đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại Mục 2 Chương III:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với nội dung đánh giá về hợp đồng tương tự, tổ chuyên gia căn cứ vào thông tin nhà thầu kê khai trong tài liệu đính kèm trong E-HSDT để đánh giá. Trường hợp nhà thầu không kê khai thông tin hợp đồng tương tự hoặc thông tin hợp đồng tương tự kê khai trong tài liệu đính kèm E-HSDT không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT, Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung hợp đồng khác đáp ứng yêu cầu của E-HSMT trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. - Đối với nội dung giải pháp, phương pháp luận: Tổ chuyên gia đánh giá trên cơ sở file đính kèm. - Đối với nội dung nhân sự chủ chốt: Tổ chuyên gia đánh giá theo thông tin nhân sự kê khai và trong tài liệu đính kèm. Đối với một vị trí nhân sự chủ chốt, E-HSDT chào thầu hoặc thiếu số lượng theo yêu cầu của E-HSMT thì không đáp ứng về kỹ thuật.

	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất hoặc phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá, nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật sẽ được mở E-HSĐXTC để đánh giá theo quy định tại Mục 20 E-CDNT và Mục 21 E-CDNT. - Đối với gói thầu áp dụng phương pháp dựa trên kỹ thuật: nhà thầu đạt điểm kỹ thuật cao nhất được mở E-HSĐXTC theo quy định tại Mục 20 E-CDNT để thương thảo theo quy định tại Mục 27 E-CDNT. - Nhà thầu có E-HSĐXKT không đáp ứng sẽ không được mở E-HSĐXTC để đánh giá. - Chủ đầu tư đăng tải danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật lên Hệ thống. <p>19.3. Nguyên tắc đánh giá E-HSĐXKT: Tổ chuyên gia đánh giá bao gồm: tư cách hợp lệ, nhà thầu không có nhân sự bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng, thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế, trường hợp nhà thầu không kê khai thông tin hoặc có kê khai nhưng không đúng, không đầy đủ, không đáp ứng theo yêu cầu của E-HSMT thì tổ chuyên gia sẽ đánh giá nhà thầu không đạt ở nội dung này. Trường hợp các thông tin mà nhà thầu cam kết, kê khai trong E-HSDT không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả đánh giá E-HSDT của nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận</p>
<p>20. Mở E-HSĐXTC</p>	<p>20.1. E-HSĐXTC của các nhà thầu có tên trong danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật hoặc nhà thầu đạt điểm kỹ thuật cao nhất (đối với phương pháp dựa trên kỹ thuật) sẽ được Chủ đầu tư tiến hành mở và công khai trên Hệ thống.</p> <p>20.2. Biên bản mở E-HSĐXTC được đăng tải công khai trên Hệ thống, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số E-TBMT; - Tên gói thầu; - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời điểm hoàn thành mở thầu; <p>b) Thông tin về các nhà thầu được mở E-HSĐXTC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên nhà thầu; - Giá dự thầu; - Tỷ lệ phần trăm (%) giảm giá (nếu có); - Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) (<i>Hệ thống tự động tính toán giá dự thầu sau giảm giá</i>) - Điểm kỹ thuật của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật, điểm kỹ thuật của nhà thầu xếp thứ nhất đối với phương pháp

	<p>dựa trên kỹ thuật;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian có hiệu lực của E-HSDXTC; - Các thông tin liên quan khác (nếu có).
21. Đánh giá E-HSDXTC và xếp hạng nhà thầu	<p>21.1. Đánh giá E-HSDXTC theo quy định tại Mục 3 Chương III;</p> <p>21.2. Sau khi đánh giá về giá, Tổ chuyên gia lập danh sách xếp hạng nhà thầu. Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời vào đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng theo quy định tại Mục 27 E-CDNT. Trường hợp thương thảo không thành công, Tổ chuyên gia báo cáo chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng. Trường hợp có một nhà thầu vượt qua bước đánh giá về giá thì không cần phải xếp hạng nhà thầu. Việc xếp hạng nhà thầu thực hiện theo quy định tại E-BDL.</p>
22. Bảo mật	<p>22.1. Thông tin liên quan đến việc đánh giá E-HSDT và đề nghị trao hợp đồng phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà thầu hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn nhà thầu cho tới khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong E-HSDT của nhà thầu này cho nhà thầu khác, trừ thông tin được công khai trong biên bản mở thầu.</p> <p>22.2. Trừ trường hợp làm rõ E-HSDT, đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng, nhà thầu không được phép tiếp xúc với Chủ đầu tư, tổ chuyên gia về các vấn đề liên quan đến E-HSDT của mình và các vấn đề khác liên quan đến gói thầu trong suốt thời gian từ khi mở thầu cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu.</p>
23. Làm rõ E-HSDT	<p>23.1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ E-HSDT theo yêu cầu của chủ đầu tư, kể cả về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm, nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, tài liệu về nhân sự cụ thể đã được đề xuất trong E-HSDT của nhà thầu. Đối với nội dung về tư cách hợp lệ, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của nhà thầu tham dự thầu. Đối với các nội dung về tính hợp lệ của E-HSDT (trừ nội dung về tư cách hợp lệ), đề xuất về kỹ thuật, tài chính, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của E-HSDT đã nộp, không thay đổi giá dự thầu.</p> <p>23.2. Trong quá trình đánh giá, việc làm rõ E-HSDT giữa nhà thầu và chủ đầu tư được thực hiện trực tiếp trên Hệ thống.</p> <p>23.3. Việc làm rõ E-HSDT chỉ được thực hiện giữa chủ đầu tư và nhà thầu có E-HSDT cần phải làm rõ. Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, kỹ thuật, tài chính, nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà thầu không thực hiện làm rõ hoặc có thực hiện làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của chủ đầu tư thì tổ chuyên gia sẽ đánh giá E-HSDT của nhà thầu theo E-HSDT nộp trước thời điểm đóng thầu. chủ đầu tư phải dành cho nhà thầu một khoảng thời gian hợp lý nhưng không ít hơn 03</p>

	<p>ngày làm việc để nhà thầu thực hiện việc làm rõ E-HSDT.</p> <p>23.4. Trường hợp E-HSMT có yêu cầu về cam kết, hợp đồng nguyên tắc thuê thiết bị, bảo hành, bảo trì mà E-HSDT không đính kèm các tài liệu này thì chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ E-HSDT, bổ sung tài liệu trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để làm cơ sở đánh giá E-HSDT.</p> <p>23.5. Nhà thầu không thể tự làm rõ E-HSDT sau thời điểm đóng thầu.</p> <p>23.6. Trường hợp có sự không thống nhất trong nội dung của E-HSDT hoặc có nội dung chưa rõ thì chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ trên cơ sở tuân thủ quy định tại Mục 23.1 E-CDNT.</p> <p>23.7. Trường hợp có nghi ngờ về tính xác thực của các tài liệu do nhà thầu cung cấp, Chủ đầu tư được xác minh với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung của tài liệu.</p>
<p>24. Hiệu chỉnh sai lệch đối với loại hợp đồng theo thời gian</p>	<p>24.1. Hiệu chỉnh sai lệch không áp dụng với loại hợp đồng trọn gói, hợp đồng theo đơn giá cố định, đơn giá điều chỉnh. Giá dự thầu mà nhà thầu đề xuất trong đơn dự thầu thuộc E-HSDXTC được coi là đã bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu theo phạm vi công việc nêu trong E-HSMT.</p> <p>24.2. Đối với hợp đồng theo thời gian, trường hợp có sự khác biệt giữa đề xuất về kỹ thuật và đề xuất về tài chính về số lượng nhân sự tham gia thực hiện gói thầu, số ngày công, số lượng trong từng hạng mục chi phí ngoài lương, số lượng trong các yếu tố đầu vào khác đã chào trong đề xuất kỹ thuật và đề xuất tài chính thì số lượng thuộc đề xuất về kỹ thuật là cơ sở để sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch. Việc hiệu chỉnh sai lệch trong trường hợp này được thực hiện theo số lượng, khối lượng nêu trong đề xuất kỹ thuật với đơn giá nêu trong đề xuất tài chính.</p>
<p>25. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu</p>	<p>25.1. Trường hợp sau khi đánh giá, có nhiều nhà thầu được đánh giá tốt nhất, ngang nhau thì xử lý theo thứ tự ưu tiên như sau cho đến khi lựa chọn được nhà thầu trúng thầu:</p> <p>a) Trao thầu cho doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ theo quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (nếu có);</p> <p>b) Trao thầu cho nhà thầu có điểm kỹ thuật cao hơn hoặc có số tiêu chí đánh giá về kỹ thuật ở mức chấp nhận được ít hơn đối với trường hợp gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất; trao thầu cho nhà thầu có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp hơn đối với gói thầu áp dụng phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá;</p> <p>c) Trao thầu cho nhà thầu có trụ sở chính ở địa phương nơi triển khai gói thầu;</p> <p>d) Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là thương binh, người khuyết tật có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực;</p>

	<p>đ) Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là dân tộc thiểu số có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực;</p> <p>e) Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là nữ giới có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực;</p> <p>g) Cho phép các nhà thầu này chào lại giá dự thầu để lựa chọn nhà thầu có giá chào thấp nhất. Nhà thầu không được chào giá cao hơn giá nhà thầu đã chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có). Việc chào lại giá dự thầu thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều 131 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP;</p> <p>25.2. Trường hợp thuộc đối tượng ưu đãi nêu tại Mục 25.1 E-CDNT, nhà thầu phải đính kèm tài liệu chứng minh trong E-HSDT.</p>
<p>26. Nhà thầu phụ</p>	<p>26.1. Nhà thầu phụ là tổ chức, cá nhân ký kết hợp đồng với nhà thầu để tham gia thực hiện một hoặc một số hạng mục công việc của gói thầu. Nhà thầu phải kê khai nhà thầu phụ và các hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ theo Mẫu số 10 Chương IV. Trường hợp tại thời điểm tham dự thầu, chưa xác định được nhà thầu phụ thì phải kê khai các hạng mục công việc dự kiến dành cho nhà thầu phụ.</p> <p>26.2. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSDT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ). Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT hoặc ký với nhà thầu phụ được Chủ đầu tư chấp thuận để tham gia thực hiện công việc gói thầu.</p> <p>26.3. Nhà thầu chỉ được sử dụng nhà thầu phụ thực hiện các công việc với tổng giá trị dành cho nhà thầu phụ không vượt quá tỷ lệ phần trăm (%) trên giá dự thầu của nhà thầu theo quy định tại E-BDL. Đối với trường hợp liên danh, từng thành viên liên danh chỉ được sử dụng nhà thầu phụ không vượt quá tỷ lệ phần trăm quy định tại Mục này trên giá trị phần công việc mà thành viên liên danh đó đảm nhận trong thoả thuận liên danh.</p> <p>26.4. Nhà thầu có hành vi chuyển nhượng thầu theo quy định tại khoản 8 Điều 16 của Luật Đấu thầu thì bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 125 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.</p> <p>26.5. Nhà thầu không được sử dụng nhà thầu phụ mà nhà thầu phụ này có tham gia cung cấp dịch vụ tư vấn cho gói thầu đó, bao gồm: lập, thẩm định E-HSMQT, E-HSMT; đánh giá E-HSQT, E-HSDT; thẩm định kết quả mời quan tâm, kết quả lựa chọn nhà thầu; tư vấn quản lý dự án, quản lý hợp đồng, tư vấn khác mà các dịch vụ tư vấn này có phân công việc liên quan trực tiếp tới gói thầu</p>

<p>27. Đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng</p>	<p>27.1. Nhà thầu được mời vào thương thảo hợp đồng phải nộp một bộ tài liệu chứng minh tính hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm cho chủ đầu tư để đối chiếu với thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSĐT.</p> <p>27.2. Đối với thông tin về thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, chủ đầu tư chỉ đối chiếu nếu nhà thầu cập nhật thông tin mà không đối chiếu trong trường hợp các thông tin trên do Hệ thống tự động trích xuất từ Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Hệ thống thuế điện tử.</p> <p>Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu (đối với trường hợp Hệ thống chưa cập nhật thông tin về nghĩa vụ nộp thuế) để đối chiếu khi được mời vào đối chiếu tài liệu. Nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế phải được thực hiện trước thời điểm đóng thầu. Nghĩa vụ nộp thuế là nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế nhà thầu kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế đã nộp tương ứng với số thuế phải nộp); trường hợp được chậm nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này. Trường hợp Hệ thống chưa trích xuất tự động thông tin về nghĩa vụ nộp thuế của nhà thầu thì nhà thầu nộp các tài liệu như sau:</p> <ul style="list-style-type: none">- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế. <p>27.3. Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng mà không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng trừ trường hợp bất khả kháng hoặc đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng nhưng không đáp ứng quy định của E-HSMT thì mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng mà không phải xếp hạng lại nhà thầu.</p> <p>Trường hợp phát hiện nhà thầu kê khai không trung thực (bao gồm cả số liệu về thuế do nhà thầu tự cập nhật không phù hợp với số liệu trên Hệ thống thuế điện tử) dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận quy định tại Mục 4.4 E-CDNT. Nhà thầu có tài liệu đối chiếu phù hợp sẽ được tiếp tục thương thảo hợp đồng.</p> <p>27.4. Việc thương thảo hợp đồng phải dựa trên các cơ sở sau đây:</p> <p>a) Báo cáo đánh giá E-HSĐT;</p>
--	---

- b) E-HSDT và các tài liệu làm rõ E-HSDT (nếu có) của nhà thầu;
- c) E-HSMT bao gồm điều kiện chung, điều kiện cụ thể của hợp đồng và các tài liệu làm rõ, sửa đổi E-HSMT (nếu có).

27.5. Nội dung thương thảo hợp đồng:

- a) Việc thương thảo bao gồm thảo luận điều khoản tham chiếu, phương pháp luận được đề xuất, điều kiện cụ thể của hợp đồng và hoàn thiện phần “Mô tả dịch vụ” của hợp đồng với điều kiện không làm thay đổi đáng kể phạm vi dịch vụ ban đầu theo điều khoản tham chiếu hay điều khoản của hợp đồng;
- b) Kế hoạch công tác và bố trí nhân sự;
- c) Tiên độ;
- d) Giải quyết thay đổi nhân sự (nếu có);
- đ) Bố trí điều kiện làm việc;
- e) Thương thảo về chi phí dịch vụ tư vấn trên cơ sở phù hợp với yêu cầu của gói thầu và điều kiện thực tế, bao gồm việc xác định rõ các khoản thuế nhà thầu phải nộp theo quy định của pháp luật về thuế (nếu có), phương thức nộp thuế (nhà thầu trực tiếp nộp thuế hoặc Chủ đầu tư giữ lại một khoản tiền tương đương với giá trị thuế để nộp thay cho nhà thầu theo quy định của pháp luật hiện hành), giá trị nộp thuế và các vấn đề liên quan khác đến nghĩa vụ nộp thuế phải được nêu cụ thể trong hợp đồng;
- g) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu;
- h) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.

Trong quá trình thương thảo, nhà thầu không được thay đổi nhân sự đã đề xuất trong E-HSDT, trừ trường hợp do thời gian đánh giá E-HSDT kéo dài hơn so với dự kiến trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu hoặc vì lý do bất khả kháng mà các vị trí nhân sự chủ chốt do nhà thầu đã đề xuất không thể tham gia thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp này, nhà thầu được thay đổi nhân sự khác nhưng phải bảo đảm các nhân sự dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm và năng lực tương đương hoặc cao hơn nhân sự đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi giá dự thầu.

27.6. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng, E-ĐKCT của hợp đồng.

27.7. Trường hợp thương thảo không thành công, Tổ chuyên gia báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo; trường hợp thương thảo với các nhà thầu xếp hạng tiếp theo không thành công thì tổ chuyên gia báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 29.1 E-CDNT.

27.8. Trường hợp vì lý do khách quan, bất khả kháng dẫn đến nhà

	<p>thầu không thể đến thương thảo hợp đồng trực tiếp với chủ đầu tư có thể xem xét, thương thảo qua mạng.</p> <p>27.9. Chủ đầu tư gửi thông báo thương thảo, đối chiếu tài liệu đến nhà thầu trên Hệ thống. Trong thông báo mời thương thảo, đối chiếu tài liệu phải ghi rõ địa điểm, thời gian thương thảo, đối chiếu tài liệu phù hợp để bảo đảm nhà thầu có đủ thời gian chuẩn bị và đến thương thảo, đối chiếu tài liệu theo yêu cầu của Chủ đầu tư.</p>
28. Điều kiện xét duyệt trúng thầu	<p>Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>28.1. Có E-HSDT hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III;</p> <p>28.2. Có đề xuất kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương III;</p> <p>28.3. Có giá dự thầu thấp nhất đối với phương pháp giá thấp nhất; có điểm kỹ thuật cao nhất đối với phương pháp dựa trên kỹ thuật; có điểm tổng hợp cao nhất đối với phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá;</p> <p>28.4. Có giá đề nghị trúng thầu không vượt giá gói thầu để làm căn cứ xét duyệt trúng thầu theo quy định tại E-BDL.</p>
29. Hủy thầu	<p>29.1. Các trường hợp hủy thầu bao gồm:</p> <p>a) Tất cả E-HSDT không đáp ứng được các yêu cầu của E-HSMT;</p> <p>b) Thay đổi về mục tiêu, phạm vi đầu tư trong quyết định đầu tư đã được phê duyệt đối với dự án hoặc thay đổi về mục tiêu, phạm vi mua sắm đối với dự toán mua sắm do sắp xếp đơn vị hành chính, tổ chức bộ máy nhà nước và các trường hợp bất khả kháng khác làm thay đổi khối lượng công việc, tiêu chuẩn đánh giá đã ghi trong hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu;</p> <p>c) E-HSMT không tuân thủ quy định của Luật Đấu thầu, quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu;</p> <p>d) Tổ chức, cá nhân khác ngoài nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.</p> <p>29.2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật về đấu thầu dẫn đến hủy thầu theo quy định tại các điểm c và d Mục 29.1 E-CDNT phải đền bù chi phí cho các bên liên quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật.</p>
30. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu	<p>30.1. Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống kèm theo báo cáo đánh giá E-HSDT trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu như sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số E-TBMT; - Tên gói thầu;

	<ul style="list-style-type: none"> - Giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt (nếu có); - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng. <p>b) Thông tin về nhà thầu trúng thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mã số thuế; - Tên nhà thầu; - Giá dự thầu; - Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có); - Điểm kỹ thuật; - Giá trúng thầu; - Thời gian thực hiện gói thầu; - Thời gian thực hiện hợp đồng. <p>c) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu.</p> <p>30.2. Trường hợp có yêu cầu giải thích lý do cụ thể nhà thầu không trúng thầu, nhà thầu gửi đề nghị trên Hệ thống hoặc gặp trực tiếp Chủ đầu tư. Chủ đầu tư có trách nhiệm trả lời yêu cầu của nhà thầu trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của nhà thầu.</p> <p>30.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 29.1 E-CDNT, trong thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu và trên Hệ thống phải nêu rõ lý do hủy thầu.</p>
<p>31. Tùy chọn mua thêm</p>	<p>Trước khi hợp đồng hết hiệu lực, Chủ đầu tư với nhà thầu thỏa thuận mua bổ sung khối lượng dịch vụ của gói thầu ngoài khối lượng nêu trong Chương IV với điều kiện không vượt quá tỷ lệ quy định tại E-BDL và đáp ứng quy định tại khoản 8 Điều 39 của Luật Đấu thầu. Phần công việc mua bổ sung phải tương tự với phần công việc nêu trong hợp đồng đã ký và đã có đơn giá. Khối lượng dịch vụ bổ sung này không được sử dụng để đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu. Đối với nhà thầu liên danh, việc phân chia trách nhiệm thực hiện khối lượng bổ sung theo tùy chọn mua thêm thực hiện theo tỷ lệ phân chia công việc theo hợp đồng đã ký, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.</p>
<p>32. Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng</p>	<p>Sau khi Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, gửi thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng thông qua Hệ thống, bao gồm thời gian hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo quy định tại Mẫu số 17 Chương VIII cho nhà thầu trúng thầu. Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng. Trường hợp nhà thầu trúng thầu không hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng thì nhà thầu sẽ bị loại. Thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng được tính kể từ ngày chủ đầu tư gửi thông báo chấp thuận này cho nhà thầu trúng thầu trên Hệ thống.</p>

33. Hoàn thiện và ký kết hợp đồng	<p>Hoàn thiện hợp đồng và ký kết hợp đồng thực hiện như sau:</p> <p>33.1. Việc hoàn thiện hợp đồng để ký kết hợp đồng dựa trên cơ sở sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none">a) Dự thảo hợp đồng;b) Các nội dung cần được hoàn thiện hợp đồng giữa Chủ đầu tư và nhà thầu trúng thầu;c) Kết quả lựa chọn nhà thầu được duyệt;d) Biên bản thương thảo hợp đồng;đ) Các nội dung nêu trong E-HSDT và văn bản giải thích làm rõ E-HSDT của nhà thầu trúng thầu (nếu có);e) Các yêu cầu nêu trong E-HSMT và văn bản làm rõ, sửa đổi E-HSMT (nếu có). <p>33.2. Sau khi nhận được thông báo trúng thầu, trong thời hạn quy định tại E-BDL, các bên tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng. Quá thời hạn nêu trên, nếu nhà thầu từ chối vào hoàn thiện, ký kết hợp đồng thì Chủ đầu tư xem xét, quyết định huỷ kết quả lựa chọn nhà thầu trước đó và quyết định lựa chọn nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng theo quy định tại Mục 27 E-CDNT. Trong trường hợp đó, nhà thầu sẽ được Chủ đầu tư yêu cầu gia hạn hiệu lực E-HSDT, nếu cần thiết.</p> <p>33.3. Trường hợp nhà thầu trúng thầu từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì Chủ đầu tư đăng tải thông tin nhà thầu vi phạm lên Hệ thống để các Chủ đầu tư, tổ chuyên gia có cơ sở đánh giá về uy tín của nhà thầu trong các lần tham dự thầu tiếp theo.</p> <p>33.4. Sau khi hoàn thiện hợp đồng, Chủ đầu tư và nhà thầu sẽ ký kết hợp đồng. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, E-HSDT của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.</p>
34. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu	<p>34.1. Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu, cơ quan, tổ chức được kiến nghị Người có thẩm quyền, Chủ đầu tư xem xét lại các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu.</p> <p>34.2. Trường hợp kiến nghị lên Chủ đầu tư, nhà thầu, cơ quan, tổ chức gửi kiến nghị trực tiếp trên Hệ thống. Trường hợp kiến nghị lên Người có thẩm quyền, nhà thầu gửi kiến nghị theo địa chỉ quy định tại E-BDL.</p>
35. Giám sát quá trình lựa chọn nhà thầu	<p>Khi phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp quy định của pháp luật đấu thầu, nhà thầu có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ giám sát theo quy định tại E-BDL.</p>

Chương II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU

E-CDNT 1.1	Tên Chủ đầu tư: Trung tâm Quản lý Điều hành Giao thông Đô thị
E-CDNT 1.2	Tên gói thầu: Tư vấn khảo sát, lập thiết kế chi tiết Tên dự án/dự toán mua sắm: Đầu tư hệ thống điều khiển giao thông linh hoạt các trục giao thông chính trên địa bàn thành phố
E-CDNT 3	Nguồn vốn: Ngân sách Thành phố.
E-CDNT 5.1 (c)	<p>Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định như sau:</p> <ul style="list-style-type: none">- Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp trên 30% với Chủ đầu tư: Trung tâm Quản lý điều hành giao thông Đô Thị, Đ/c: Số 02 đường Mai Chí Thọ, phường An Khánh, TP.HCM.- Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp với các nhà thầu tư vấn; không cùng có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên, cụ thể như sau:<ul style="list-style-type: none">+ Tư vấn lập E-HSMT: Công ty CP Tư vấn xây dựng Nhất Nguyên – Địa chỉ: Số 116 Nguyễn Duy Cung, phường An Hội Tây, TP.HCM.+ Tư vấn thẩm định E-HSMT: Công ty CP Đầu tư xây dựng đô thị Sài Gòn – Địa chỉ: Số 135/1 Phú Thọ Hòa, phường Phú Thọ Hòa, TP.HCM.+ Tư vấn đánh giá E-HSDT: Công ty CP Tư vấn xây dựng Nhất Nguyên – Địa chỉ: Số 116 Nguyễn Duy Cung, phường An Hội Tây, TP.HCM.+ Tư vấn thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu: Công ty CP Đầu tư xây dựng đô thị Sài Gòn – Địa chỉ: Số 135/1 Phú Thọ Hòa, phường Phú Thọ Hòa, TP.HCM. <p>Nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với nhà thầu tư vấn (đã nêu trên)¹.</p> <p>Trường hợp nhà thầu là đơn vị sự nghiệp công lập, nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với Chủ đầu tư, trừ trường hợp nhà thầu là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan quản lý nhà nước có chức năng, nhiệm vụ được giao phù hợp với tính chất gói thầu của cơ quan quản lý nhà nước đó.</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp nhà thầu, chủ đầu tư, nhà thầu tư vấn là công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên trong tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước thì được tham dự thầu của nhau theo quy định của pháp luật²: “(i) Nhà thầu là công ty thành viên, công ty con của tập đoàn, tổng công ty nhà nước có ngành, nghề sản xuất, kinh doanh chính phù hợp với tính chất gói thầu của tập đoàn, tổng công ty nhà nước đó. (ii) Nhà thầu là

¹ Chỉ đánh giá nội dung này đối với nhà thầu là đơn vị sự nghiệp.

² Trường hợp Luật Đấu thầu chưa được sửa đổi, Hệ thống trích xuất “(i) Nhà thầu là công ty thành viên, công ty con của tập đoàn, tổng công ty nhà nước có ngành, nghề sản xuất, kinh doanh chính phù hợp với tính chất gói thầu của tập đoàn, tổng công ty nhà nước đó. (ii) Nhà thầu là công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên trong tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước mà sản phẩm, dịch vụ thuộc gói thầu thuộc ngành nghề sản xuất kinh doanh chính của tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước và gói thầu này là của công ty con, công ty thành viên”. Trường hợp Luật Đấu thầu được sửa đổi, bổ sung thì Hệ thống trích xuất theo quy định của Luật Đấu thầu sửa đổi, bổ sung.

	<p>công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên trong tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước mà sản phẩm, dịch vụ thuộc gói thầu thuộc ngành nghề sản xuất kinh doanh chính của tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước và gói thầu này là của công ty con, công ty thành viên”;</p> <p>- Đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp có cùng một cơ quan trực tiếp quản lý, góp vốn khi tham dự thầu các gói thầu của nhau không phải đáp ứng quy định độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính giữa nhà thầu với chủ đầu tư.</p> <p>Tỷ lệ cổ phần, vốn góp giữa các bên được xác định tại thời điểm đóng thầu và theo tỷ lệ ghi trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập, các giấy tờ khác có giá trị tương đương.</p> <p>Trường hợp nhà thầu tham dự thầu với tư cách liên danh hoặc nhà thầu tư vấn được lựa chọn với tư cách liên danh, tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong liên danh được xác định theo công thức sau:</p> $\text{Tỷ lệ sở hữu vốn} = \sum_{i=1}^n X_i \times Y_i$ <p>Trong đó:</p> <p>X_i: Là tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong thành viên liên danh thứ i;</p> <p>Y_i: Là tỷ lệ phần trăm (%) khối lượng công việc của thành viên liên danh thứ i trong thỏa thuận liên danh;</p> <p>n: Là số thành viên tham gia trong liên danh.</p>
E-CDNT 7.3	Hội nghị tiền đấu thầu: Không.
E-CDNT 7.7	Thời gian sửa đổi E-HSMT đối với gói thầu tư vấn đơn giản, gói thầu tư vấn có giá trị không quá 500 triệu đồng hoặc gói thầu tư vấn cấp bách cần thực hiện ngay do yêu cầu về tiến độ: 10 ngày.
E-CDNT 8	Chi phí nộp E-HSMT: 330.000 VND.
E-CDNT 10.3	<p>Nhà thầu phải nộp cùng với E-HSMT các tài liệu sau đây:</p> <p>- Có bản sao có công chứng hoặc chứng thực: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đầu tư được cấp theo quy định của pháp luật hoặc Quyết định thành lập. Trường hợp nhà thầu có tên mới: do đổi tên doanh nghiệp; hoặc tách ra từ công ty mẹ; hoặc chuyển thể doanh nghiệp; hoặc sáp nhập thành doanh nghiệp mới... Nhà thầu khi tham gia đấu thầu phải cung cấp đầy đủ các hồ sơ pháp lý có liên quan (không chứng minh bằng năng lực của công ty mẹ).</p> <p>- Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế năm 2024: Nhà thầu nộp các tài liệu như sau: Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ hệ thống điện tử hoặc xác nhận của cơ quan thuế</p>

	<p>về việc thực hiện nghĩa vụ thuế;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu tại Chương 3; - Tài liệu chứng minh về nhân sự chủ chốt và thiết bị chủ yếu theo yêu cầu tại Chương 3. <p>Trường hợp liên danh từng thành viên liên danh phải cung cấp các tài liệu chứng minh nêu trên.</p>
E-CDNT 12.2	Phân tích chi phí thù lao cho chuyên gia: Không yêu cầu.
E-CDNT 14.3	Không áp dụng.
E-CDNT 15.1	Thời gian có hiệu lực của E-HSDT: ≥ 90 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.
E-CDNT 19.1	Phương pháp đánh giá E-HSDT là: Phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá.
E-CDNT 21.2	Xếp hạng nhà thầu: Nhà thầu có điểm tổng hợp cao nhất được xếp thứ nhất.
E-CDNT 26.3	Giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ: 10% giá dự thầu của nhà thầu
E-CDNT 28.4	Giá gói thầu để làm căn cứ xét duyệt trúng thầu: Bao gồm chi phí dự phòng cho các yếu tố rủi ro về khối lượng công việc và trượt giá có thể xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng tương ứng với trách nhiệm quản lý rủi ro giao cho nhà thầu; trường hợp gói thầu tư vấn đơn giản, thời gian thực hiện gói thầu ngắn, không phát sinh rủi ro, trượt giá thì chi phí cho các yếu tố rủi ro và chi phí trượt giá được tính bằng 0 (đồng).
E-CDNT 31	<ul style="list-style-type: none"> - Tùy chọn mua thêm: Không áp dụng. - Tỷ lệ tùy chọn mua thêm tối đa là: 0%.
E-CDNT 33.2	Các bên tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu.
E-CDNT 34.2	<p>- Người có thẩm quyền: Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh + Địa chỉ: 60 Trương Định, Phường Xuân Hòa, TP.HCM + Điện thoại: (028) 3932 5945 - (028) 3932 6214 + E-mail: sxd@tphcm.gov.vn</p> <p>- Bộ phận thường trực giúp việc cho Chủ tịch Hội đồng tư vấn: Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh + Địa chỉ: Số 32 Lê Thánh Tôn, Phường Sài Gòn, Tp. HCM. + Điện thoại: 028 39.333.223 + E-mail: stc@tphcm.gov.vn</p>
E-CDNT 35	Địa chỉ của tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ giám sát: Không áp dụng.

Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT

E-HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1) (Ví dụ: thời điểm đóng thầu là vào ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 thì nhà thầu phải chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm 2022);

2. Trường hợp nhà thầu liên danh thì trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục công việc nêu trong điều khoản tham chiếu, đề xuất kỹ thuật, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này;

3. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu;

4. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 E-CDNT;

5. Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống;

6. Có đủ điều kiện năng lực hoạt động theo quy định của pháp luật quản lý ngành và lĩnh vực: Không yêu cầu.

Trường hợp liên danh dự thầu, thành viên liên danh phải có đủ điều kiện năng lực hoạt động xây dựng tương ứng với lĩnh vực công việc đảm nhận trong liên danh.

Nhà thầu có E-HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong các bước tiếp theo.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

2.1. Việc đánh giá về kỹ thuật đối với từng E-HSDT được thực hiện theo phương pháp chấm điểm, trong đó phải quy định mức điểm tối đa đối với các tiêu chuẩn tổng quát, tiêu chuẩn chi tiết; quy định mức điểm tối thiểu đối với tiêu chuẩn tổng quát và chi tiết của các nội dung giải pháp và phương pháp luận, nhân sự chủ chốt. Đối với tiêu chuẩn về kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu, căn cứ tính chất gói thầu để xác định sự cần thiết quy định hoặc không quy định điểm tối thiểu đối với tiêu chuẩn tổng quát này. Việc đánh giá hợp đồng tương tự của nhà thầu liên danh căn cứ vào khối lượng công việc của từng thành viên trong liên danh đảm nhận.

Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật bao gồm các nội dung sau đây:

Bảng số 01 (Scan đính kèm)

STT	Tiêu chuẩn	Mức điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
1	Kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu (Từ 0 đến 15% tổng số điểm)	15,00		10,50
	<p>Kinh nghiệm thực hiện gói thầu Tư vấn khảo sát, lập thiết kế: Đã thực hiện hoàn thành Hợp đồng Tư vấn khảo sát, lập thiết kế hệ thống quan trắc giao thông và hệ thống điều khiển tín hiệu giao thông kết nối về Trung tâm hoặc Tư vấn khảo sát, lập thiết kế dự án Công nghệ thông tin có tính chất tương tự được nghiệm thu hoàn thành từ ngày 01/01/2020 trở lại đây.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với Nhà thầu độc lập phải đáp ứng yêu cầu nêu trên. - Đối với liên danh dự thầu: Kinh nghiệm của liên danh được tính bằng tổng kinh nghiệm của các thành viên trong liên danh tương ứng với phần công việc đảm nhận. Từng thành viên phải đáp ứng các yêu cầu trong phạm vi công việc đảm nhận. - Trường hợp hợp đồng thực hiện với tư cách là nhà thầu phụ, phải cung cấp bản chụp được chứng thực văn bản chấp thuận hoặc xác nhận của chủ đầu tư và chỉ tính phần công việc do nhà thầu thực hiện và đáp ứng yêu cầu nêu trên - Nhà thầu phải kèm các tài liệu sau đây: <ul style="list-style-type: none"> + Bản chụp có chứng thực hoặc công chứng Hợp đồng tư vấn; + Bản chụp có chứng thực hoặc công chứng Biên bản nghiệm thu hoàn thành hoặc xác nhận hoàn thành của chủ đầu tư hoặc 	12,00	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 04 gói thầu trở lên (100% điểm): 12,00 điểm; - 03 gói thầu (90% điểm): 10,80 điểm; - 02 gói thầu (80% điểm): 9,60 điểm; - 01 gói thầu (70% điểm): 8,40 điểm; - Không có gói thầu: 0 điểm. 	8,40

STT	Tiêu chuẩn	Mức điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
	biên bản thanh lý hợp đồng; + Bản chụp Hóa đơn GTGT; + Bản chụp tài liệu để chứng minh quy mô, cấp công trình.			
1.2	Thiết bị phục vụ gói thầu: - 04 máy vi tính - 01 Máy photo - 01 phần mềm thiết kế phù hợp gói thầu - 01 phần mềm lập dự toán - Thiết bị khảo sát địa hình: 01 máy toàn đạc và 01 máy thủy bình. <i>Ghi chú: Nhà thầu cung cấp đầy đủ: Bản chụp từ bản gốc hoặc bản chứng thực đối với hồ sơ, tài liệu để chứng minh sở hữu hoặc đi thuê đối với thiết bị, phần mềm (đối với thiết bị khảo sát địa hình: cung cấp giấy kiểm định hiệu chuẩn còn hiệu lực).</i>	3,00	- Bố trí đầy đủ, hợp lý thiết bị, phần mềm thực hiện gói thầu (trang thiết bị thuộc sở hữu của nhà thầu): 3,00 điểm; - Bố trí đầy đủ, hợp lý thiết bị, phần mềm thực hiện gói thầu (trang thiết bị, phần mềm không thuộc sở hữu của nhà thầu nhưng chứng minh được khả năng huy động): 2,10 điểm - Không đề xuất hoặc đề xuất không hợp lý hoặc thiếu thiết bị hoặc phần mềm: 0 điểm	2,10
2	Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu (5% tổng số điểm)	5,00		
2.1	Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu: Nhà thầu có bản cam kết đầy đủ các nội dung sau: - Nhà thầu không bị kết luận: a) Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng (nếu có) trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất khi được mời vào đối chiếu tài	2,00	- Có bản cam kết đầy đủ nội dung theo yêu cầu (100% điểm): 2,00 điểm; - Không có bản cam kết, hoặc cam kết không đầy đủ theo yêu cầu (0% điểm): 0 điểm.	

STT	Tiêu chuẩn	Mức điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
	<p>liệu, thương thảo hợp đồng (nếu có);</p> <p>b) Nhà thầu đã đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng (nếu có) nhưng từ chối hoặc không ký kết biên bản thương thảo hợp đồng, trừ trường hợp quy định tại khoản 8 Điều 43 của Nghị định 24/2024/NĐ-CP;</p> <p>c) Nhà thầu được lựa chọn trúng thầu nhưng không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung hoặc không ký kết hợp đồng, thỏa thuận khung;</p> <p>d) Nhà thầu đã ký thỏa thuận khung nhưng không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng hoặc không ký kết hợp đồng;</p> <p>đ) Nhà thầu rút hồ sơ dự thầu, hồ sơ yêu cầu sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất;</p> <p>e) Nhà thầu không nộp bản gốc bảo đảm dự thầu theo yêu cầu của chủ đầu tư, Chủ đầu tư hoặc không nộp tiền mặt, séc bảo chi, thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh theo quy định của pháp luật về đấu thầu;</p> <p>g) Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng;</p> <p>h) Nhà thầu từ chối hoặc không xác nhận về việc chấp thuận được trao hợp đồng trong thời gian tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày Chủ đầu tư mời nhà thầu xác nhận về việc chấp thuận được trao hợp đồng trên Hệ thống mạng đấu thầu</p>			

Gói thầu: Đầu tư hệ thống điều khiển giao thông linh hoạt các trục giao thông chính trên địa bàn thành phố

STT	Tiêu chuẩn	Mức điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
	<p>quốc gia đối với chào giá trực tuyến rút gọn.</p> <p>- Nhà thầu không vi phạm pháp luật về đấu thầu theo quy định của pháp luật.</p> <p>Đối với nhà thầu liên danh: từng thành viên trong liên danh phải có văn bản cam kết đầy đủ các nội dung trên.</p> <p>Trường hợp Chủ đầu tư phát hiện: Nhà thầu có vi phạm các nội dung trên thì được đánh giá là không đạt ở mục này.</p>			
2.2	<p>Uy tín của nhà thầu thông qua kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu:</p> <p>Nhà thầu có bản cam kết đầy đủ các nội dung sau:</p> <p>- Không có hợp đồng chậm tiến độ, công trình thiết kế đạt chất lượng, không xảy ra sự cố xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng, không vi phạm hợp đồng và bị chấm dứt hợp đồng.</p> <p>Trường hợp Chủ đầu tư phát hiện: Nhà thầu có vi phạm các nội dung trên thì được đánh giá là không đạt ở mục này.</p>	3,00	<p>- Có bản cam kết đầy đủ nội dung theo yêu cầu (100% điểm): 3,00 điểm;</p> <p>- Không có bản cam kết, hoặc cam kết không đầy đủ theo yêu cầu (0% điểm): 0 điểm.</p>	
3	Giải pháp và phương pháp luận	30,00		21,00
3.1	Hiểu rõ mục đích gói thầu	3,00		
3.1.1	Am hiểu chung về phạm vi, quy mô của công trình và mục đích của gói thầu nêu trong điều khoản tham chiếu	1,50	<p>- Đầy đủ chi tiết, phù hợp (100% điểm): 1,50 điểm;</p> <p>- Tương đối đầy đủ, chưa chi tiết (70% điểm): 1,05 điểm;</p> <p>- Không trình bày hoặc có trình bày nhưng không phù hợp (0% điểm): 0</p>	

STT	Tiêu chuẩn	Mức điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
			điểm.	
3.1.2	Trình bày am hiểu của nhà thầu về gói thầu: Phạm vi công việc, mục đích, nhiệm vụ gói thầu, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng.	1,50	- Đầy đủ chi tiết, phù hợp (100% điểm): 1,50 điểm; - Tương đối đầy đủ, chưa chi tiết (70%): 1,05 điểm; - Không trình bày hoặc có trình bày không phù hợp (0% điểm): 0 điểm.	
3.2	Cách tiếp cận và phương pháp luận	10,00		
	Đề xuất kỹ thuật bao gồm tất cả các hạng mục công việc quy định trong điều khoản tham chiếu. Các hạng mục công việc được phân chia thành những nhiệm vụ cụ thể một cách tương đối hoàn chỉnh và logic: đồng thời có phân công cho từng chuyên gia tư vấn thực hiện từng công việc cụ thể trong E-HSDT cho gói thầu	10,00	- Đầy đủ, chi tiết, phù hợp (100% điểm): 10,00 điểm; - Cơ bản đầy đủ, chi tiết, phù hợp (70% điểm): 7,00 điểm; - Không có hoặc có nhưng không phù hợp (0% điểm): 0 điểm.	
3.3	Sáng kiến cải tiến	1,00	- Có đề xuất, chi tiết, hợp lý (100% điểm): 1,00 điểm; - Đề xuất tương đối chi tiết, hợp lý (70% điểm): 0,70 điểm; - Không đề xuất hoặc có đề xuất nhưng không hợp lý (0% điểm): 0 điểm.	
3.4	Cách trình bày	1,00	- Trình bày khoa học, logic, dễ đọc, dễ theo dõi, đúng theo mẫu quy định	

Gói thầu: Đầu tư hệ thống điều khiển giao thông linh hoạt các trục giao thông chính trên địa bàn thành phố

STT	Tiêu chuẩn	Mức điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
			(100% điểm): 1,00 điểm; - Trình bày tương đối khoa học, tương đối logic, tương đối dễ đọc, dễ theo dõi, đúng theo mẫu quy định (70% điểm): 0,70 điểm; - Trình bày không khoa học, không logic, khó theo dõi, không đúng theo mẫu quy định: (0% điểm): 0 điểm.	
3.5	Kế hoạch triển khai	5,00		
	- Nêu rõ kế hoạch công việc, kế hoạch triển khai gói thầu. - Nêu rõ tiến độ giao nộp hồ sơ, sản phẩm.	5,00	- Mô tả, phân tích kế hoạch thực hiện, tiến độ giao nộp hồ sơ chi tiết (100% điểm): 5,00 điểm; - Mô tả, phân tích kế hoạch thực hiện, tiến độ giao nộp hồ sơ chưa chi tiết (70% điểm): 3,50 điểm; - Không đề xuất kế hoạch triển khai hoặc tiến độ giao nộp hồ sơ cho gói thầu (0% điểm): 0 điểm.	
3.6	Tiến độ thực hiện:	3,00		
3.6.1	- Tiến độ thực hiện hợp đồng: 60 ngày (không bao gồm thời gian thẩm định, phê duyệt của cấp thẩm quyền). Trong đó: + Thời gian khảo sát: 30 ngày.	3,00	- Rút ngắn thời gian thực hiện gói thầu từ 5 ngày trở lên (100% điểm): 3,00 điểm;	

STT	Tiêu chuẩn	Mức điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
	+ Thời gian thiết kế, dự toán: 25 ngày. + Thời gian nghiệm thu: 5 ngày. - Nhà thầu phải có bảng biểu mô tả kế hoạch thực hiện công việc và tiến độ nộp báo cáo. Phân khai rõ thời gian thực hiện các công tác nêu trên của gói thầu.		- Thời gian thực hiện gói thầu đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu (70% điểm): 2,10 điểm; - Thời gian thực hiện gói thầu không đáp ứng yêu cầu (0% điểm): 0 điểm.	
3.7	Bố trí nhân sự	2,00		
	Bố trí nhân sự	2,00	- Đủ số lượng và các nhân sự được đề cử đáp ứng yêu cầu HSMT (100% điểm): 2,00 điểm; - Bố trí thiếu nhân sự và nhân sự không đáp ứng yêu cầu (0% điểm): 0 điểm;	
3.8	Quy trình giám sát, quản lý bảo đảm chất lượng công trình - Đề xuất quy trình kiểm soát và trao đổi thông tin hiệu quả giữa chủ đầu tư và nhà thầu tư vấn - Quy trình kiểm tra chất lượng sản phẩm khảo sát, thiết kế từng bước trong mỗi bộ phận liên quan đến tổng thể gói thầu	5,00	- Quy trình quản lý chất lượng rõ ràng, hợp lý, khả thi (100% điểm): 5,00 điểm; - Quy trình quản lý chất lượng tương đối đầy đủ, chưa chi tiết (70% điểm): 3,50 điểm; - Không có hoặc có nhưng không phù hợp (0% điểm): 0 điểm.	
4	Nhân sự chủ chốt	50,00		35,00
	Vị trí	Số lượng		
4.1	Chủ nhiệm thiết kế	01	15,00	10,50

STT	Tiêu chuẩn	Mức điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
	<p>Yêu cầu tiên quyết: Nhân sự chỉ được xem xét đánh giá khi thỏa mãn các yêu cầu về chứng chỉ. Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tốt nghiệp từ đại học trở lên chuyên ngành Điện tử/Viễn thông/Công nghệ thông tin. <p>Nhà thầu gửi kèm E-HSDT các tài liệu sau để chứng minh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản scan màu từ bản gốc (hoặc chứng thực/công chứng) bằng cấp theo yêu cầu. Đối với chứng chỉ do tổ chức nước ngoài cấp: nhà thầu phải cung cấp bản dịch thuật được công chứng. - Hợp đồng lao động hoặc tài liệu để chứng minh thuộc biên chế của đơn vị (Đối với Nhân sự chủ chốt của nhà thầu); hoặc Tài liệu chứng minh khả năng huy động nhân sự (Đối với Nhân sự chủ chốt do nhà thầu huy động). 			
4.1.1	<p>Số năm kinh nghiệm (được tính từ ngày bắt đầu thực hiện công việc thiết kế theo hợp đồng cung cấp trong E-HSDT đến thời điểm đóng thầu):</p> <p>Nhà thầu gửi kèm E-HSDT các tài liệu sau để chứng minh số năm kinh nghiệm nhân sự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản scan màu từ bản gốc (hoặc chứng thực/công chứng): Hợp đồng tư vấn; - Tài liệu để chứng minh nhân sự có tham gia thực hiện hợp đồng đã nêu - Tài liệu chứng minh quy mô. 	5,00	<ul style="list-style-type: none"> - Số năm kinh nghiệm ≥ 10 năm (100% điểm): 5,00 điểm. - Số năm kinh nghiệm từ 07 năm đến dưới 10 năm (85% điểm): 4,25 điểm. - Số năm kinh nghiệm từ 04 năm đến dưới 07 năm (70% điểm): 3,50 điểm. - Số năm kinh nghiệm dưới 04 năm (0% điểm): 0 điểm 	

STT	Tiêu chuẩn	Mức điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu	
4.1.2	<p>Đã làm chủ nhiệm thiết kế hệ thống quan trắc giao thông và hệ thống điều khiển tín hiệu giao thông kết nối về Trung tâm hoặc đã làm chủ nhiệm/chủ trì thiết kế dự án Công nghệ thông tin có tính chất tương tự</p> <p>Nhà thầu gửi kèm E-HSDT các tài liệu sau để chứng minh kinh nghiệm nhân sự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản scan màu từ bản gốc (hoặc chứng thực/công chứng): Hợp đồng tư vấn; - Bản scan màu từ bản gốc (hoặc chứng thực/công chứng): Biên bản nghiệm thu hoặc Biên bản thanh lý hợp đồng tư vấn hoặc xác nhận hoàn thành của chủ đầu tư. - Tài liệu để chứng minh nhân sự có tham gia thực hiện các hợp đồng đã nêu (xác nhận của chủ đầu tư hoặc biên bản nghiệm thu) (Bản scan màu từ bản gốc (hoặc chứng thực/công chứng)) hoặc bản chụp Quyết định/văn bản của sở ban ngành có tên hoặc chữ ký của nhân sự đề xuất - Tài liệu chứng minh quy mô công trình. 	10,00	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 04 công trình (100% điểm): 10,00 điểm; - 03 công trình (90% điểm): 9,00 điểm; - 02 công trình (80% điểm): 8,00 điểm; - 01 công trình (70% điểm): 7,00 điểm; - Không có công trình: 0 điểm. 		
4.2	<p>Chủ nhiệm khảo sát địa hình</p> <p>Yêu cầu tiên quyết: Nhân sự chỉ được xem xét đánh giá khi thỏa mãn các yêu cầu về chứng chỉ.</p> <p>Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có chứng chỉ hành nghề khảo sát địa hình hạng III, còn hiệu lực. <p>Nhà thầu gửi kèm E-HSDT các tài liệu sau để chứng minh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản scan màu từ bản gốc (hoặc chứng thực/công 	01	10,00		7,00

STT	Tiêu chuẩn	Mức điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
	chứng) Chứng chỉ theo yêu cầu; - Bản scan Căn cước công dân/Căn cước. - Hợp đồng lao động hoặc tài liệu để chứng minh thuộc biên chế của đơn vị (Đối với Nhân sự chủ chốt của nhà thầu); hoặc Tài liệu chứng minh khả năng huy động nhân sự (Đối với Nhân sự chủ chốt do nhà thầu huy động).			
4.2.1	Số năm kinh nghiệm (được tính từ ngày bắt đầu thực hiện công việc khảo sát theo hợp đồng cung cấp trong E-HSDT đến thời điểm đóng thầu): Nhà thầu gửi kèm E-HSDT các tài liệu sau để chứng minh số năm kinh nghiệm nhân sự: - Bản scan màu từ bản gốc (hoặc chứng thực/công chứng): Hợp đồng tư vấn; - Tài liệu để chứng minh nhân sự có tham gia thực hiện hợp đồng đã nêu - Tài liệu chứng minh quy mô.	5,00	- Số năm kinh nghiệm ≥ 07 năm (100% điểm): 5,00 điểm. - Số năm kinh nghiệm từ 05 năm đến dưới 07 năm (85% điểm): 4,25 điểm. - Số năm kinh nghiệm từ 02 năm đến dưới 05 năm (70% điểm): 3,50 điểm. - Số năm kinh nghiệm dưới 02 năm (0% điểm): 0 điểm.	
4.2.2	Đã làm chủ nhiệm/chủ trì khảo sát địa hình. Nhà thầu gửi kèm E-HSDT các tài liệu sau để chứng minh kinh nghiệm nhân sự: - Bản scan màu từ bản gốc (hoặc chứng thực/công chứng): Hợp đồng tư vấn; - Bản scan màu từ bản gốc (hoặc chứng thực/công chứng): Biên bản nghiệm thu hoặc Biên bản thanh lý hợp đồng tư vấn hoặc xác nhận hoàn thành của chủ đầu tư. - Tài liệu để chứng minh nhân sự có tham gia thực hiện các	5,00	- Từ 04 công trình (100% điểm): 5,00 điểm; - 03 công trình (90% điểm): 4,50 điểm; - 02 công trình (80% điểm): 4,00 điểm; - 01 công trình (70% điểm): 3,50 điểm; - Không có công trình: 0 điểm.	

STT	Tiêu chuẩn	Mức điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
	<p>hợp đồng đã nêu (xác nhận của chủ đầu tư hoặc biên bản nghiệm thu) (Bản scan màu từ bản gốc (hoặc chứng thực/công chứng)) hoặc bản chụp Quyết định/văn bản của sở ban ngành có tên hoặc chữ ký của nhân sự đề xuất -</p> <p>- Tài liệu chứng minh quy mô công trình.</p>			
4.3	<p>Chủ trì thiết kế hạ tầng công nghệ thông tin</p> <p>Yêu cầu tiên quyết: Nhân sự chỉ được xem xét đánh giá khi thỏa mãn các yêu cầu về chứng chỉ. Cụ thể:</p> <p>- Tốt nghiệp từ đại học trở lên chuyên ngành Điện tử/Viễn thông/Công nghệ thông tin.</p> <p>Nhà thầu gửi kèm E-HSDT các tài liệu sau để chứng minh:</p> <p>- Bản scan màu từ bản gốc (hoặc chứng thực/công chứng) bằng cấp theo yêu cầu. Đối với chứng chỉ do tổ chức nước ngoài cấp: nhà thầu phải cung cấp bản dịch thuật được công chứng.</p> <p>- Hợp đồng lao động hoặc tài liệu để chứng minh thuộc biên chế của đơn vị (Đối với Nhân sự chủ chốt của nhà thầu); hoặc Tài liệu chứng minh khả năng huy động nhân sự (Đối với Nhân sự chủ chốt do nhà thầu huy động).</p>	01	7,00	4,90
4.3.1	<p>Số năm kinh nghiệm (được tính từ ngày bắt đầu thực hiện công việc thiết kế theo hợp đồng cung cấp trong E-HSDT đến thời điểm đóng thầu):</p> <p>Nhà thầu gửi kèm E-HSDT các tài liệu sau để chứng minh số</p>	3,50	<p>- Số năm kinh nghiệm ≥ 10 năm (100% điểm): 3,50 điểm.</p> <p>- Số năm kinh nghiệm từ 07 năm đến dưới 10 năm (85% điểm): 2,975</p>	-

Gói thầu: Đầu tư hệ thống điều khiển giao thông linh hoạt các trục giao thông chính trên địa bàn thành phố

STT	Tiêu chuẩn	Mức điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
	<p>năm kinh nghiệm nhân sự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản scan màu từ bản gốc (hoặc chứng thực/công chứng): Hợp đồng tư vấn; - Tài liệu để chứng minh nhân sự có tham gia thực hiện hợp đồng đã nêu - Tài liệu chứng minh quy mô. 		<p>điểm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số năm kinh nghiệm từ 04 năm đến dưới 07 năm (70% điểm): 2,45 điểm. - Số năm kinh nghiệm dưới 04 năm (0% điểm): 0 điểm 	
4.3.2	<p>Đã làm chủ nhiệm/chủ trì thiết kế hạ tầng công nghệ thông tin. Nhà thầu gửi kèm E-HSDT các tài liệu sau để chứng minh kinh nghiệm nhân sự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản scan màu từ bản gốc (hoặc chứng thực/công chứng): Hợp đồng tư vấn; - Bản scan màu từ bản gốc (hoặc chứng thực/công chứng): Biên bản nghiệm thu hoặc Biên bản thanh lý hợp đồng tư vấn hoặc xác nhận hoàn thành của chủ đầu tư. - Tài liệu để chứng minh nhân sự có tham gia thực hiện các hợp đồng đã nêu (xác nhận của chủ đầu tư hoặc biên bản nghiệm thu) (Bản scan màu từ bản gốc (hoặc chứng thực/công chứng)) hoặc bản chụp Quyết định/văn bản của sở ban ngành có tên hoặc chữ ký của nhân sự đề xuất - Tài liệu chứng minh quy mô công trình. 	3,50	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 04 công trình (100% điểm): 3,50 điểm; - 03 công trình (90% điểm): 3,15 điểm; - 02 công trình (80% điểm): 2,80 điểm; - 01 công trình (70% điểm): 2,45 điểm; - Không có công trình: 0 điểm. 	
4.4	<p>Chủ trì thiết kế cơ điện</p> <p>Yêu cầu tiên quyết: Nhân sự chỉ được xem xét đánh giá khi thỏa mãn các yêu cầu về chứng chỉ. Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có chứng chỉ hành nghề thiết kế cơ - điện công trình (hệ thống điện) hạng III trở lên, còn hiệu lực. 	01	4,00	2,80

STT	Tiêu chuẩn	Mức điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
	<p>Nhà thầu gửi kèm E-HSDT các tài liệu sau để chứng minh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản scan màu từ bản gốc (hoặc chứng thực/công chứng) chứng chỉ theo yêu cầu; - Hợp đồng lao động hoặc tài liệu để chứng minh thuộc biên chế của đơn vị (Đối với Nhân sự chủ chốt của nhà thầu); hoặc Tài liệu chứng minh khả năng huy động nhân sự (Đối với Nhân sự chủ chốt do nhà thầu huy động). 			
4.4.1	<p>Số năm kinh nghiệm (được tính từ ngày bắt đầu thực hiện công việc thiết kế theo hợp đồng cung cấp trong E-HSDT đến thời điểm đóng thầu):</p> <p>Nhà thầu gửi kèm E-HSDT các tài liệu sau để chứng minh số năm kinh nghiệm nhân sự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản scan màu từ bản gốc (hoặc chứng thực/công chứng): Hợp đồng tư vấn; - Tài liệu để chứng minh nhân sự có tham gia thực hiện hợp đồng đã nêu 	2,00	<ul style="list-style-type: none"> - Số năm kinh nghiệm ≥ 05 năm (100% điểm): 2,00 điểm. - Số năm kinh nghiệm từ 02 năm đến dưới 05 năm (70% điểm): 1,40 điểm. - Số năm kinh nghiệm dưới 02 năm (0% điểm): 0 điểm 	
4.4.2	<p>Đã làm chủ nhiệm/chủ trì thiết kế cơ điện.</p> <p>Nhà thầu gửi kèm E-HSDT các tài liệu sau để chứng minh kinh nghiệm nhân sự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản scan màu từ bản gốc (hoặc chứng thực/công chứng): Hợp đồng tư vấn; - Bản scan màu từ bản gốc (hoặc chứng thực/công chứng): Biên bản nghiệm thu hoặc Biên bản thanh lý hợp đồng tư vấn hoặc xác nhận hoàn thành của chủ đầu tư. 	2,00	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 04 công trình (100% điểm): 2,00 điểm; - 03 công trình (90% điểm): 1,80 điểm; - 02 công trình (80% điểm): 1,60 điểm; - 01 công trình (70% điểm): 1,40 điểm; 	

Gói thầu: Đầu tư hệ thống điều khiển giao thông linh hoạt các trục giao thông chính trên địa bàn thành phố

STT	Tiêu chuẩn	Mức điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
	- Tài liệu để chứng minh nhân sự có tham gia thực hiện các hợp đồng đã nêu (xác nhận của chủ đầu tư hoặc biên bản nghiệm thu) (Bản scan màu từ bản gốc (hoặc chứng thực/công chứng)) hoặc bản chụp Quyết định/văn bản của sở ban ngành có tên hoặc chữ ký của nhân sự đề xuất		- Không có công trình: 0 điểm.	
4.5	<p>Chủ trì thiết kế kết cấu xây dựng</p> <p>Yêu cầu tiên quyết: Nhân sự chỉ được xem xét đánh giá khi thỏa mãn các yêu cầu về chứng chỉ. Cụ thể:</p> <p>Có chứng chỉ hành nghề thiết kế xây dựng công trình về lĩnh vực giao thông (hoặc hạ tầng kỹ thuật) hạng III, còn hiệu lực.</p> <p>Nhà thầu gửi kèm E-HSDT các tài liệu sau để chứng minh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản scan màu từ bản gốc (hoặc chứng thực/công chứng) Chứng chỉ theo yêu cầu; - Hợp đồng lao động hoặc tài liệu để chứng minh thuộc biên chế của đơn vị (Đối với Nhân sự chủ chốt của nhà thầu); hoặc Tài liệu chứng minh khả năng huy động nhân sự (Đối với Nhân sự chủ chốt do nhà thầu huy động). 	01	4,00	2,80
4.5.1	<p>Số năm kinh nghiệm (được tính từ ngày bắt đầu thực hiện công việc thiết kế theo hợp đồng cung cấp trong E-HSDT đến thời điểm đóng thầu):</p> <p>Nhà thầu gửi kèm E-HSDT các tài liệu sau để chứng minh số năm kinh nghiệm nhân sự:</p>		2,00	<ul style="list-style-type: none"> - Số năm kinh nghiệm ≥ 05 năm (100% điểm): 2,00 điểm. - Số năm kinh nghiệm từ 02 năm đến dưới 05 năm (70% điểm): 1,40 điểm. - Số năm kinh nghiệm dưới 02 năm

STT	Tiêu chuẩn	Mức điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
	<ul style="list-style-type: none"> - Bản scan màu từ bản gốc (hoặc chứng thực/công chứng): Hợp đồng tư vấn; - Tài liệu để chứng minh nhân sự có tham gia thực hiện hợp đồng đã nêu - Tài liệu chứng minh quy mô. 		(0% điểm): 0 điểm	
4.5.2	<p>Đã làm chủ nhiệm/chủ trì thiết kế kết cấu xây dựng. Nhà thầu gửi kèm E-HSDT các tài liệu sau để chứng minh kinh nghiệm nhân sự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản scan màu từ bản gốc (hoặc chứng thực/công chứng): Hợp đồng tư vấn; - Bản scan màu từ bản gốc (hoặc chứng thực/công chứng): Biên bản nghiệm thu hoặc Biên bản thanh lý hợp đồng tư vấn hoặc xác nhận hoàn thành của chủ đầu tư. - Tài liệu để chứng minh nhân sự có tham gia thực hiện các hợp đồng đã nêu (xác nhận của chủ đầu tư hoặc biên bản nghiệm thu) (Bản scan màu từ bản gốc (hoặc chứng thực/công chứng)) hoặc bản chụp Quyết định/văn bản của sở ban ngành có tên hoặc chữ ký của nhân sự đề xuất - Tài liệu chứng minh quy mô công trình. 	2,00	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 04 công trình (100% điểm): 2,00 điểm; - 03 công trình (90% điểm): 1,80 điểm; - 02 công trình (80% điểm): 1,60 điểm; - 01 công trình (70% điểm): 1,40 điểm; - Không có công trình: 0 điểm. 	
4.6	<p>Chủ trì lập dự toán Yêu cầu tiên quyết: Nhân sự chỉ được xem xét đánh giá khi thỏa mãn các yêu cầu về chứng chỉ. Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có Chứng chỉ hành nghề định giá xây dựng hạng III trở lên, còn hiệu lực. <p>Nhà thầu gửi kèm E-HSDT các tài liệu sau để</p>	01	4,00	2,80

STT	Tiêu chuẩn	Mức điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
	<p>chứng minh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản scan màu từ bản gốc (hoặc chứng thực/công chứng) Chứng chỉ theo yêu cầu; - Hợp đồng lao động hoặc tài liệu để chứng minh thuộc biên chế của đơn vị (Đối với Nhân sự chủ chốt của nhà thầu); hoặc Tài liệu chứng minh khả năng huy động nhân sự (Đối với Nhân sự chủ chốt do nhà thầu huy động). 			
4.6.1	<p>Số năm kinh nghiệm (được tính từ ngày bắt đầu thực hiện công việc lập dự toán theo hợp đồng cung cấp trong E-HSDT đến thời điểm đóng thầu):</p> <p>Nhà thầu gửi kèm E-HSDT các tài liệu sau để chứng minh số năm kinh nghiệm nhân sự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản scan màu từ bản gốc (hoặc chứng thực/công chứng): Hợp đồng tư vấn; - Tài liệu để chứng minh nhân sự có tham gia thực hiện hợp đồng đã nêu - Tài liệu chứng minh quy mô. 	2,00	<ul style="list-style-type: none"> - Số năm kinh nghiệm ≥ 05 năm (100% điểm): 2,00 điểm. - Số năm kinh nghiệm từ 02 năm đến dưới 05 năm (70% điểm): 1,40 điểm. - Số năm kinh nghiệm dưới 02 năm (0% điểm): 0 điểm 	
4.6.2	<p>Đã làm chủ trì lập dự toán dự án công nghệ thông tin.</p> <p>Nhà thầu gửi kèm E-HSDT các tài liệu sau để chứng minh kinh nghiệm nhân sự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản scan màu từ bản gốc (hoặc chứng thực/công chứng): Hợp đồng tư vấn; - Bản scan màu từ bản gốc (hoặc chứng thực/công chứng): Biên bản nghiệm thu hoặc Biên bản thanh lý hợp đồng tư vấn hoặc xác nhận hoàn thành của chủ đầu tư. 	2,00	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 04 công trình (100% điểm): 2,00 điểm; - 03 công trình (90% điểm): 1,80 điểm; - 02 công trình (80% điểm): 1,60 điểm; - 01 công trình (70% điểm): 1,40 điểm; 	

STT	Tiêu chuẩn	Mức điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
	<ul style="list-style-type: none"> - Tài liệu để chứng minh nhân sự có tham gia thực hiện các hợp đồng đã nêu (xác nhận của chủ đầu tư hoặc biên bản nghiệm thu) (Bản scan màu từ bản gốc (hoặc chứng thực/công chứng)) hoặc bản chụp Quyết định/văn bản của sở ban ngành có tên hoặc chữ ký của nhân sự đề xuất - Tài liệu chứng minh quy mô, loại công trình. 		- Không có công trình: 0 điểm.	
4.7	Cán bộ xây dựng thuyết minh phương án đảm bảo an toàn thông tin	3,00		2,10
	<p>Yêu cầu tiên quyết: Nhân sự chỉ được xem xét đánh giá khi thỏa mãn các yêu cầu về chứng chỉ. Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tốt nghiệp từ đại học trở lên chuyên ngành Điện tử/Viễn thông/Công nghệ thông tin. - Có Chứng chỉ cá nhân liên quan đến an toàn thông tin (như CEH, CISSP, CISM, ...) <p>Nhà thầu gửi kèm E-HSDT các tài liệu sau để chứng minh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản scan màu từ bản gốc (hoặc chứng thực/công chứng) bằng cấp, chứng chỉ theo yêu cầu. Đối với chứng chỉ do tổ chức nước ngoài cấp: nhà thầu phải cung cấp bản dịch thuật được công chứng. - Hợp đồng lao động hoặc tài liệu để chứng minh thuộc biên chế của đơn vị (Đối với Nhân sự chủ chốt của nhà thầu); hoặc Tài liệu chứng minh khả năng huy động nhân sự (Đối với Nhân sự chủ chốt do nhà thầu huy động). 			
4.7.1	Số năm kinh nghiệm (được tính từ ngày bắt đầu thực hiện công việc thiết kế theo hợp đồng cung cấp trong E-HSDT đến thời điểm đóng thầu):	1,50	<ul style="list-style-type: none"> - Số năm kinh nghiệm ≥ 03 năm (100% điểm): 1,50 điểm. - Số năm kinh nghiệm từ 02 năm đến 	

STT	Tiêu chuẩn	Mức điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
	<p>Nhà thầu gửi kèm E-HSDT các tài liệu sau để chứng minh số năm kinh nghiệm nhân sự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản scan màu từ bản gốc (hoặc chứng thực/công chứng): Hợp đồng tư vấn; - Tài liệu để chứng minh nhân sự có tham gia thực hiện hợp đồng đã nêu - Tài liệu chứng minh quy mô. 		<p>dưới 03 năm (70% điểm): 1,05 điểm. - Số năm kinh nghiệm dưới 02 năm (0% điểm): 0 điểm</p>	
4.7.2	<p>Đã tham gia xây dựng thuyết minh phương án đảm bảo an toàn thông tin dự án</p> <p>Nhà thầu gửi kèm E-HSDT các tài liệu sau để chứng minh kinh nghiệm nhân sự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản scan màu từ bản gốc (hoặc chứng thực/công chứng): Hợp đồng tư vấn; - Bản scan màu từ bản gốc (hoặc chứng thực/công chứng): Biên bản nghiệm thu hoặc Biên bản thanh lý hợp đồng tư vấn hoặc xác nhận hoàn thành của chủ đầu tư. - Tài liệu để chứng minh nhân sự có tham gia thực hiện các hợp đồng đã nêu (xác nhận của chủ đầu tư hoặc biên bản nghiệm thu) (Bản scan màu từ bản gốc (hoặc chứng thực/công chứng)) hoặc bản chụp Quyết định/văn bản của sở ban ngành có tên hoặc chữ ký của nhân sự đề xuất hoặc Quyết định/thông báo bổ nhiệm nhân sự thực hiện. - Tài liệu chứng minh quy mô công trình. 	1,50	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 02 công trình (100% điểm): 1,50 điểm; - 01 công trình (70% điểm): 1,05 điểm; - Không có công trình: 0 điểm. 	

STT	Tiêu chuẩn	Mức điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
5	Yêu cầu về chuyên giao công nghệ (nếu có) (Từ 0% đến 10% tổng số điểm)	0		
5.1	Không yêu cầu	0		
	Tổng cộng (100%)	100,00		70,00

Nhà thầu có thể đề xuất nhân sự chủ chốt thuộc biên chế của nhà thầu hoặc đi thuê.

2.2 Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật cần đảm bảo các yêu cầu sau:

- Tổng điểm cho các nội dung kinh nghiệm và năng lực, uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng, giải pháp và phương pháp luận, nhân sự, yêu cầu về chuyên giao công nghệ (nếu có) là 100%.

- Đối với tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt: chỉ đưa các tiêu chuẩn đánh giá về trình độ chuyên môn, năng lực, kinh nghiệm trên cơ sở phù hợp với vị trí công việc của mỗi nhân sự chủ chốt nêu tại khoản 4 của Bảng số 01 mà không đưa tiêu chuẩn đánh giá đối với nhân sự khác.

- Đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất, phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá:

+ Mức điểm yêu cầu tối thiểu đối với tiêu chuẩn giải pháp và phương pháp luận, nhân sự, chuyên giao công nghệ (nếu có) không được quy định thấp hơn 60% điểm tối đa của tiêu chuẩn đó (không thấp hơn 70% đối với gói thầu tư vấn có yêu cầu kỹ thuật cao, đặc thù). E-HSDT không đáp ứng mức điểm yêu cầu tối thiểu đối với một hoặc các tiêu chuẩn giải pháp và phương pháp luận, nhân sự, chuyên giao công nghệ (nếu có) được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật;

+ Mức điểm yêu cầu tối thiểu về kỹ thuật không được quy định thấp hơn 70% tổng số điểm về kỹ thuật (80% đối với gói thầu tư vấn có yêu cầu kỹ thuật cao, đặc thù). E-HSDT có điểm kỹ thuật không thấp hơn mức điểm yêu cầu tối thiểu được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.

- Đối với gói thầu áp dụng phương pháp dựa trên kỹ thuật:

+ Mức điểm yêu cầu tối thiểu đối với tiêu chuẩn giải pháp và phương pháp luận, nhân sự, chuyên giao công nghệ (nếu có) không được quy định thấp hơn 70% điểm tối đa của tiêu chuẩn đó. E-HSDT không đáp ứng mức điểm yêu cầu tối thiểu đối với một hoặc các tiêu chuẩn giải pháp và phương pháp luận, nhân sự, chuyên giao công nghệ (nếu có) được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật;

Gói thầu: Đầu tư hệ thống điều khiển giao thông linh hoạt các trục giao thông chính trên địa bàn thành phố

+ *Mức điểm yêu cầu tối thiểu về kỹ thuật không được quy định thấp hơn 80% tổng số điểm về kỹ thuật. E-HSDT có điểm kỹ thuật không thấp hơn mức điểm yêu cầu tối thiểu được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.*

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Áp dụng phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá

3.2 Đối với phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá

Điểm giá được xác định như sau:

$$\text{Điểm giá}_{\text{đang xét}} = \frac{G_{\text{thấp nhất}} \times T}{G_{\text{đang xét}}}$$

Trong đó:

+ Điểm giá_{đang xét}: Điểm giá của E-HSĐXTC đang xét;

+ $G_{\text{thấp nhất}}$: Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất trong số các nhà thầu được đánh giá chi tiết về tài chính (đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng theo thời gian). Đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng trọn gói và hợp đồng theo đơn giá là giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) thấp nhất trong số các nhà thầu được đánh giá chi tiết về tài chính;

+ $G_{\text{đang xét}}$: Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của hồ sơ đề xuất về tài chính đang xét (đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng theo thời gian). Đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng trọn gói và hợp đồng theo đơn giá là giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) của E-HSĐXTC đang xét;

+ T: Mức điểm tối đa kỹ thuật.

- Xác định điểm tổng hợp:

Điểm tổng hợp được xác định theo công thức sau đây:

$$\text{Điểm tổng hợp}_{\text{đang xét}} = K \times \text{Điểm kỹ thuật}_{\text{đang xét}} + G \times \text{Điểm giá}_{\text{đang xét}}$$

Trong đó:

+ Điểm kỹ thuật_{đang xét}: Là số điểm được xác định tại bước đánh giá về kỹ thuật;

+ Điểm giá_{đang xét}: Là số điểm được xác định tại bước đánh giá về giá;

+ K: Tỷ trọng điểm về kỹ thuật quy định trong thang điểm tổng hợp, chiếm tỷ lệ từ 70% đến 80%: **K = 70%**;

+ G: Tỷ trọng điểm về giá quy định trong thang điểm tổng hợp, chiếm tỷ lệ từ 20% đến 30%: **G = 30%**;

+ **K + G = 100%**;

- Xếp hạng nhà thầu: E-HSĐT có điểm tổng hợp cao nhất được xếp hạng thứ nhất.

CHƯƠNG IV - BIỂU MẪU MỜI THẦU VÀ DỰ THẦU

Stt	Biểu mẫu	Cách thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	
			Chủ đầu tư	Nhà thầu
1	Mẫu số 01. Hạng mục công việc của gói thầu	Scan đính kèm lên Hệ thống	X	
E-HSDXKT				
2	Mẫu số 02. Đơn dự thầu thuộc E-HSDXKT			X
3	Mẫu số 03. Thỏa thuận liên danh		X	
4	Mẫu số 04. Cơ cấu tổ chức và kinh nghiệm của nhà thầu tư vấn	Scan đính kèm lên Hệ thống		X
5	Mẫu số 05. Những góp ý (nếu có) để hoàn thiện nội dung điều khoản tham chiếu			X
6	Mẫu số 06. Giải pháp và phương pháp luận tổng quát do nhà thầu đề xuất để thực hiện dịch vụ tư vấn (DVTV)			X
7	Mẫu số 07: Lý lịch chuyên gia tư vấn			X
8	Mẫu số 08: Tiến độ thực hiện công việc		Scan đính kèm lên Hệ thống	
9	Mẫu số 09: Danh sách chuyên gia tham gia thực hiện DVTV			X
10	Mẫu số 10. Phạm vi công việc sử dụng nhà thầu phụ			X
E-HSDXTC				
11	Mẫu số 11. Đơn dự thầu thuộc E-HSDXTC			X
12	Mẫu số 12. Bảng thù lao cho chuyên gia		X	
13	Mẫu số 12A. Bảng phân tích chi phí thù lao cho chuyên gia		X	
14	Mẫu số 13. Chi phí khác cho chuyên gia		X	
15	Mẫu số 14. Chi phí hạng mục công việc dựa trên đơn giá và khối lượng		X	
16	Mẫu số 15. Bảng tổng hợp chi phí		X	

Mẫu số 01 (webform trên Hệ thống)

HẠNG MỤC CÔNG VIỆC CỦA GÓI THẦU

1. Phân công việc dựa trên đơn giá và khối lượng:

Mẫu số 01A

STT	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Khối lượng
(1)	(2)	(3)	(4)
1.	Đo vẽ chi tiết bản đồ địa hình trên cạn bằng máy toàn đạc điện tử và máy thủy bình điện tử; bản đồ tỷ lệ 1/500, đường đồng mức 1m, cấp địa hình IV	ha	200

2. Phân công việc dựa trên lương chuyên gia và chi phí khác ngoài lương:

Mẫu số 01C

STT	Mô tả công việc
1	Tư vấn lập thiết kế chi tiết

Mẫu số 02 (Scan đính kèm)

ĐƠN DỰ THẦU⁽¹⁾

(thuộc E-HSĐXKT)

Ngày: ___ [Nhà thầu điền]

Tên gói thầu: Tư vấn khảo sát, lập thiết kế chi tiết

Tên dự án: Đầu tư hệ thống điều khiển giao thông linh hoạt các trục giao thông chính trên địa bàn thành phố

Kính gửi: Trung tâm Quản lý Điều hành Giao thông Đô thị

Sau khi nghiên cứu E-HSMT, chúng tôi:

- Tên nhà thầu: ___ [Nhà thầu điền], Mã số thuế: ___ [Nhà thầu điền] cam kết thực hiện gói thầu Tư vấn khảo sát, lập thiết kế chi tiết số E-TBMT: ___ [Nhà thầu điền] theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT.

Hiệu lực của E-HSĐXKT: ___ [Nhà thầu điền]

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản (không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhà thầu là hộ kinh doanh).

2. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.

3. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.

4. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu⁽²⁾.

5. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu.

6. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (chủ hộ không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp nhà thầu là hộ kinh doanh).

7. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

8. Những thông tin kê khai trong E-HSĐT là trung thực.

9. Trường hợp trúng thầu, E-HSĐT và các văn bản bổ sung, làm rõ E-HSĐT tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết.

Ghi chú:

(1) Đơn dự thầu được đại diện hợp pháp nhà thầu ký tên, đóng dấu khi nhà thầu nộp E-HSĐT.

(2) E-HSMT không được yêu cầu nhà thầu phải nộp lý lịch tư pháp của nhân sự để chứng minh cho nội dung đánh giá này.

Mẫu số 03 (Scan đính kèm)

THỎA THUẬN LIÊN DANH

Ngày: ___ [Nhà thầu điền]

Tên gói thầu: Tư vấn khảo sát, lập thiết kế chi tiết

Dự án: Đầu tư hệ thống điều khiển giao thông linh hoạt các trục giao thông chính trên địa bàn thành phố

Căn cứ⁽¹⁾ ___ [Nhà thầu điền]

Căn cứ⁽¹⁾ ___ [Nhà thầu điền]

Căn cứ E-HSMT gói thầu: Tư vấn khảo sát, lập thiết kế chi tiết với số E-TBMT: ___
[Nhà thầu điền]

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh thứ nhất: ___

Mã số thuế: ___

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Tên thành viên liên danh thứ hai: ___

Mã số thuế: ___

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

...

Tên thành viên liên danh thứ n: ___

Mã số thuế: ___

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu Tư vấn khảo sát, lập thiết kế chi tiết thuộc dự án Đầu tư hệ thống điều khiển giao thông linh hoạt các trục giao thông chính trên địa bàn thành phố

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: ____ [ghi tên của liên danh].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
- Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác ____ [ghi rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu Tư vấn khảo sát, lập thiết kế chi tiết thuộc dự án Đầu tư hệ thống điều khiển giao thông linh hoạt các trục giao thông chính trên địa bàn thành phố đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Các bên nhất trí phân công ____ làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau⁽²⁾:

- Sử dụng tài khoản, chứng thư số để nộp E-HSDT cho cả liên danh.

[Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư, Chủ đầu tư trong quá trình tham dự thầu, văn bản giải trình, làm rõ E-HSDT hoặc văn bản đề nghị rút E-HSDT;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;
- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ [ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây ⁽³⁾:

STT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận	Tỷ lệ % giá trị đảm nhận so với tổng giá dự thầu
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh	- ____ - ____	- ____ % - ____ %
2	Tên thành viên thứ 2	- ____ - ____	- ____ % - ____ %
....

Tổng cộng	Toàn bộ công việc của gói thầu	100%
------------------	---	-------------

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:
 - Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;
 - Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;
 - Nhà thầu liên danh không trúng thầu;
 - Hủy thầu gói thầu Tư vấn khảo sát, lập thiết kế chi tiết thuộc dự án Đầu tư bổ sung hệ thống camera giám sát phục vụ công tác kiểm soát giao thông trên địa bàn thành phố theo thông báo của Chủ đầu tư.

Thỏa thuận liên danh được lập trên sự chấp thuận của tất cả các thành viên.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

Ghi chú:

- (1) Nhà thầu cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.
- (2) Việc phân công trách nhiệm bao gồm một hoặc nhiều công việc như đã nêu.
- (3) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục công việc nêu trong điều khoản tham chiếu, đề xuất kỹ thuật, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này.

Mẫu số 04 (Scan đính kèm)

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ KINH NGHIỆM CỦA NHÀ THẦU TƯ VẤN

A. Cơ cấu tổ chức của nhà thầu

[Mô tả tóm tắt quá trình hình thành và tổ chức của nhà thầu (trường hợp liên danh thì mô tả tổ chức của mỗi thành viên trong liên danh). Mô tả số lượng chuyên gia tư vấn chuyên ngành mà nhà thầu ký hợp đồng lao động dài hạn hoặc không xác định thời hạn và nêu rõ số năm kinh nghiệm của từng chuyên gia].

B. Kinh nghiệm của nhà thầu

Các gói thầu DVTV tương tự do nhà thầu thực hiện trong vòng _____ [Ghi số năm]¹ năm gần đây.

Nhà thầu phải sử dụng bảng sau để kê khai cho mỗi DVTV tương tự như DVTV được yêu cầu trong gói thầu này mà nhà thầu đã thực hiện (với tư cách là nhà thầu độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác hoặc là nhà thầu phụ). Đối với từng công việc tương tự, nhà thầu tư vấn phải cung cấp bản tóm tắt bao gồm tên của nhân sự chủ chốt và nhà thầu phụ của nhà thầu đã tham gia, thời gian thực hiện công việc, giá hợp đồng (trường hợp nhà thầu tham dự thầu là thành viên liên danh hoặc là nhà thầu phụ thì ghi rõ khối lượng công việc, giá trị đảm nhận với vai trò thành viên liên danh, nhà thầu phụ).

Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng của các chuyên gia với vai trò tư vấn cá nhân hoặc làm chuyên gia cho các nhà thầu tư vấn khác chỉ được tính vào kinh nghiệm làm việc của bản thân chuyên gia, không tính vào kinh nghiệm thực hiện hợp đồng của nhà thầu nộp E-HSDT.

¹ Ghi số năm cụ thể căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu (thông thường là 3, 4 hoặc 5 năm, đối với nhà thầu thành lập ít hơn 3 năm vẫn tiếp tục xem xét, đánh giá mà không loại nhà thầu).

Thời gian	Tên công việc [mô tả tóm tắt các kết quả, sản phẩm chính]	Tên gói thầu, tên dự án/dự toán mua sắm, Chủ đầu tư, địa điểm làm việc	Giá trị hợp đồng [trường hợp liên danh thì nêu giá trị DVTV do nhà thầu thực hiện]	Vai trò trong công việc [ghi nhà thầu, nhà thầu phụ, thành viên trong liên danh]	Thời gian thực hiện gói thầu [ghi rõ từ ngày... đến ngày...]	Thời gian thực hiện gói thầu thực tế [từ ngày... đến ngày...] Trường hợp chậm trễ thì nêu rõ lý do

Nhà thầu phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan.

Mẫu số 05 (Scan đính kèm)

**NHỮNG GÓP Ý (NẾU CÓ) ĐỂ HOÀN THIỆN
NỘI DUNG ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU**

[Nhà thầu trình bày những nội dung sửa đổi để hoàn thiện điều khoản tham chiếu nhằm thực hiện hợp đồng]

Đề xuất bổ sung, sửa đổi điều khoản tham chiếu:

- 1.
- 2.
- 3.
- 4.
- 5.

Mẫu số 06 (Scan đính kèm)

**GIẢI PHÁP VÀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN TỔNG QUÁT
DO NHÀ THẦU ĐỀ XUẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỊCH VỤ TƯ VẤN**

Nhà thầu chuẩn bị đề xuất kỹ thuật (cả biểu đồ) gồm 3 phần:

1. Giải pháp và phương pháp luận
2. Kế hoạch công tác
3. Tổ chức và nhân sự

Giải pháp và phương pháp luận. [Mô tả hiểu biết về mục tiêu của công việc ghi trong Điều khoản tham chiếu, cách tiếp cận kỹ thuật và phương pháp luận sẽ áp dụng để thực hiện công việc nhằm đạt được kết quả dự kiến và mức độ chi tiết của kết quả đó. Đối với gói thầu tư vấn giám sát, giải pháp và phương pháp luận cần bao gồm cả khía cạnh môi trường, xã hội. Nhà thầu lưu ý không sao chép, nhắc lại Điều khoản tham chiếu trong phần này]

Kế hoạch thực hiện. [Đưa ra kế hoạch thực hiện các hoạt động/công việc chính, nội dung và thời gian hoạt động, phân kỳ hoạt động và tương quan giữa các kỳ, các mốc chính (bao gồm các bước phê duyệt tạm thời của Chủ đầu tư) và ngày dự kiến giao nộp báo cáo. Kế hoạch thực hiện phải thống nhất với cách tiếp cận kỹ thuật và phương pháp luận, thể hiện sự hiểu biết về Điều khoản tham chiếu và khả năng chuyển Điều khoản tham chiếu thành kế hoạch thực hiện khả thi. Cần đính kèm danh sách các tài liệu hoàn chỉnh (bao gồm báo cáo) sẽ phải giao nộp. Kế hoạch thực hiện phải thống nhất với Kế hoạch tiến độ]

Tổ chức và Nhân sự. [Mô tả cơ cấu và thành phần nhóm chuyên gia, bao gồm danh sách các nhân sự chủ chốt, nhân sự khác, nhân viên hỗ trợ kỹ thuật và hành chính liên quan]

Mẫu số 07 (Scan đính kèm)

LÝ LỊCH CHUYÊN GIA TƯ VẤN

Tên nhà thầu:

Tên và số của vị trí tư vấn	[Ví dụ: K-1, TRƯỞNG NHÓM]
Tên chuyên gia tư vấn:	[điền tên đầy đủ]
Ngày sinh:	[ngày/tháng/năm]
Quốc tịch	

Trình độ học vấn: [liệt kê trường cao đẳng/đại học hoặc khóa học chuyên ngành, nêu tên của cơ sở đào tạo, thời gian học, loại bằng cấp đã đạt được]

Quá trình công tác phù hợp với công việc: [Liệt kê theo trình tự thời gian quá trình công tác của chuyên gia theo Bảng sau, không cần liệt kê các công việc đã làm không phù hợp với công việc đang yêu cầu]

Thời gian (từ...đến...)	Tên cơ quan, đơn vị, vị trí đảm nhận và thông tin liên hệ để tham chiếu	Địa điểm làm việc	Tóm tắt công việc đã làm phù hợp với công việc đang yêu cầu

Thành viên của Hiệp hội chuyên ngành, tổ chức nghề nghiệp và tác phẩm đã xuất bản:

Ngôn ngữ (Chỉ nêu những ngôn ngữ có thể dùng để làm việc):

Tôi xin cam đoan các thông tin nêu trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Người khai

[Ký tên, chức danh và ghi rõ họ tên]

Ghi chú:

- Từng cá nhân chuyên gia tư vấn trong danh sách nêu tại Mẫu số 09 phải kê khai Mẫu này.
- Nhà thầu scan hợp đồng lao động; bản chụp bằng tốt nghiệp, chứng chỉ hành nghề chuyên môn của các chuyên gia tư vấn nêu trên đính kèm cùng E-HSDT.

TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÔNG VIỆC

Stt	Nội dung công việc ⁽¹⁾	Tháng/ngày thứ ⁽²⁾ [Nhà thầu chọn tháng hoặc ngày]							
		1	2	3	4	5	n	Tổng
1	[Ví dụ: Hạng mục công việc 1:								
	1) Thu thập dữ liệu								
	2) Soạn thảo báo cáo								
	3) Báo cáo sơ bộ								
	4) Tổng hợp ý kiến								
	5) ...								
	6) Báo cáo cuối cùng]								
2	[Hạng mục công việc 2]								
...									
n									

Ghi chú:

- (1) Liệt kê tất cả hạng mục công việc, trong mỗi hạng mục công việc phải nêu tiến độ thực hiện các công việc cụ thể.
- (2) Thời gian cho mỗi công việc cụ thể thể hiện bằng biểu đồ, trường hợp cần thiết nhà thầu có ghi chú, giải thích biểu đồ.

DANH SÁCH CHUYÊN GIA THAM GIA THỰC HIỆN DỊCH VỤ TƯ VẤN

Stt	Tên	Số định danh/CMTND/căn cước công dân/Hộ chiếu	Chức danh bố trí trong gói thầu	Cách thức huy động	Địa điểm làm việc	Số công [Chọn người /tháng hoặc người/ ngày] ¹			Tổng số tháng công/ngày công
						Hạng mục công việc 1	Hạng mục công việc 2	... ²	
I Nhân sự chủ chốt³									
1	Nguyễn Văn A		[Nhà thầu điện]	[Nhà thầu chọn một trong hai phương án: nhân sự của nhà thầu/Nhân sự đi thuê]	[Công ty]				[Nhà thầu điện]
					[Thực địa]				[Nhà thầu điện]
2					[Công ty]				
					[Thực địa]				
								
	Số công nhân sự chủ chốt								
II Nhân sự khác									
1			[Nhà thầu điện]	Nhà thầu chọn một trong hai phương án: nhân sự của nhà thầu/Nhân sự đi thuê]	[Công ty]				[Nhà thầu điện]
					[Thực địa]				[Nhà thầu điện]

Gói thầu: Đầu tư hệ thống điều khiển giao thông linh hoạt các trục giao thông chính trên địa bàn thành phố

2				[Công ty]				
					[Thực địa]				
	Số công nhân sự khác								

Ghi chú:

- (1) Trường hợp Mục 14.3 **E-BDL** có quy định, nhà thầu chọn người/tháng hoặc người/ngày phù hợp với quy định tại Mục này; nhà thầu phải đề xuất tổng số công cho nhân sự chủ chốt không ngắn hơn quy định tại Mục 14.3 **E-BDL**.
- (2) Hạng mục công việc nhà thầu điền theo Mẫu số 08 Chương IV.
- (3) Vị trí, số lượng nhân sự chủ chốt phù hợp với yêu cầu nêu tại Bảng số 01 Mục 2 Chương III.

Mẫu số 10 (Scan đính kèm)

PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ THẦU PHỤ⁽¹⁾

STT	Tên nhà thầu phụ ⁽²⁾	Phạm vi công việc ⁽³⁾	Khối lượng công việc ⁽⁴⁾	Giá trị % ước tính ⁽⁵⁾	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ ⁽⁶⁾
1					
2					
3					
4					
...					

Ghi chú:

(1) Trường hợp E-HSMT có quy định về việc sử dụng nhà thầu phụ thì nhà thầu kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu ghi cụ thể tên nhà thầu phụ. Trường hợp khi tham dự thầu chưa xác định được cụ thể danh tính của nhà thầu phụ thì không phải kê khai vào cột này mà chỉ kê khai vào cột "Phạm vi công việc". Sau đó, nếu được lựa chọn thì khi huy động thầu phụ thực hiện công việc đã kê khai phải được sự chấp thuận của Chủ đầu tư.

(3) Nhà thầu ghi cụ thể tên hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ.

(4) Nhà thầu ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ.

(5) Nhà thầu ghi cụ thể giá trị % công việc mà nhà thầu phụ đảm nhận so với giá dự thầu.

(6) Nhà thầu ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận và đính kèm bản scan các tài liệu này trong E-HSDT. Trường hợp chưa xác định được tên nhà thầu phụ thì để trống cột này.

Mẫu số 11 (Scan đính kèm)

ĐƠN DỰ THẦU⁽¹⁾

(thuộc E-HSDXTC)

Ngày: ___ [Nhà thầu điền]

Tên gói thầu: Tư vấn khảo sát, lập thiết kế chi tiết

Tên Dự án: Đầu tư hệ thống điều khiển giao thông linh hoạt các trục giao thông chính trên địa bàn thành phố

Kính gửi: Trung tâm Quản lý Điều hành Giao thông Đô thị

Sau khi nghiên cứu E-HSMT, chúng tôi:

Tên nhà thầu: ___ [Nhà thầu điền] cam kết thực hiện gói thầu Tư vấn khảo sát, lập thiết kế chi tiết số E-TBMT: ___ [Nhà thầu điền] theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT với giá dự thầu là ___ [Nhà thầu điền] cùng với các bảng tổng hợp giá dự thầu kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với tỷ lệ phần trăm giảm giá là ___ [Ghi tỷ lệ phần trăm (%) giảm giá].

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: ___ [Nhà thầu điền] (đã bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).

Hiệu lực của E-HSDXTC: ___ [Nhà thầu điền]

Chúng tôi cam kết những thông tin kê khai trong E-HSDT là trung thực.

Ghi chú:

(1) Đơn dự thầu được đại diện hợp pháp nhà thầu ký tên, đóng dấu khi nhà thầu nộp E-HSDT.

BẢNG THÙ LAO CHO CHUYÊN GIA (*)

STT	Họ và tên (1)	Chức danh bổ trí trong gói thầu (2)	Địa điểm làm việc (3)	Thù lao/tháng- (ngày) người (4)	Số tháng (ngày) người (5)	Thù lao cho chuyên gia (6) = (4) x (5)	Tổng (7)
I	Nhân sự chủ chốt						
1	[Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 09]	[Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 09]	Công ty	[Hệ thống trích xuất từ Mẫu 12A khi có yêu cầu phân tích thù lao]	[Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 09]	(a)	(a)+(b)
			Thực địa	[Hệ thống trích xuất từ Mẫu 12A khi có yêu cầu phân tích thù lao]	[Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 09]	(b)	
2		Công ty				
			Thực địa				
II	Nhân sự khác						
1	[Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 09]	[Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 09]	Công ty	[Hệ thống trích xuất từ Mẫu 12A khi có yêu cầu phân tích thù lao]	[Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 09]		
			Thực địa	[Hệ thống trích xuất từ Mẫu 12A khi có yêu cầu phân tích thù lao]	[Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 09]		
2		Công ty				
			Thực địa				
						Tổng cộng	(A)

Ghi chú:

Gói thầu: Đầu tư hệ thống điều khiển giao thông linh hoạt các trục giao thông chính trên địa bàn thành phố

- **(*)**: Mẫu này áp dụng cho các công việc thuộc Mục 3 Mẫu số 01C Chương này.
- **(1), (2), (5)**: Nhà thầu điền từ Mẫu số 09 Chương này.
- **(4)**: Nhà thầu điền trong trường hợp E-HSMT không yêu cầu phân tích thù lao cho chuyên gia theo Mẫu số 12A. Trường hợp E-HSMT yêu cầu phân tích thù lao cho chuyên gia thì nhà thầu hoàn thành Mẫu số 12A.
- **(6) (7)**: Nhà thầu điền

BẢNG PHÂN TÍCH CHI PHÍ THÙ LAO CHO CHUYÊN GIA

STT	Họ tên chuyên gia	Chức danh	Địa điểm làm việc	Lương cơ bản	Chi phí xã hội ¹ % của (3)	Chi phí quản lý chung ² % của (3)	Cộng (3)+(4)+(5)	Lợi nhuận % của (6)	Phụ cấp xa nhà	Thù lao cho chuyên gia/tháng (ngày) (6)+(7)+(8)
	(1)	(1a)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Nguyễn Văn A		Công ty							
			Thực địa							
...			Công ty							
			Thực địa							

Ghi chú: Trường hợp không yêu cầu nhà thầu phân tích chi tiết chi phí thù lao chuyên gia thì không sử dụng Mẫu này

¹ Chi phí xã hội: bao gồm các chi phí như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp thuộc trách nhiệm của người sử dụng lao động theo quy định của pháp luật hiện hành;

² Chi phí quản lý chung: là chi phí chung của nhà thầu không liên quan trực tiếp đến việc thực hiện gói thầu được tính theo đầu người, bao gồm các chi phí như: chi phí thuê trụ sở, điện nước, truyền thông, nghiên cứu phát triển...

CHI PHÍ KHÁC CHO CHUYÊN GIA

STT	Miêu tả	Đơn vị tính	Chi phí/đơn vị (1)	Số lượng (2)	Chi phí (3)
1	[Công tác phí]	[Ngày]		[Hệ thống tự tính trên cơ sở tổng số ngày làm việc thực địa của các nhân sự nêu tại Mẫu số 09]	(1)x(2)
2	[Chuyến bay]	[Chuyến]			
3	[Chi phí liên lạc]				
4	[Thiết bị, tài liệu...]				
5	[Chi phí đi lại trong nước]				
6	[Thuê văn phòng, thư ký hỗ trợ]				
7	[Đào tạo nhân sự của Chủ đầu tư]				
Tổng chi phí					(B)

Cột (3): Nhà thầu điền

Mẫu số 14 (Scan đính kèm)

**CHI PHÍ HẠNG MỤC CÔNG VIỆC
DỰA TRÊN ĐƠN GIÁ VÀ KHỐI LƯỢNG**

STT	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (bao gồm VAT)	Thành tiền (bao gồm VAT)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
I	Phần công việc dựa trên đơn giá và khối lượng, áp dụng loại hợp đồng trọn gói				(M1)
1					
2					
...					
II	Phần công việc dựa trên đơn giá và khối lượng, áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá				(M2)
	Các công việc				
1					
2					
...					
Tổng cộng					M=(M1+M2)

Ghi chú:

- (1) (2) (3) (4): Nhà thầu điền từ Mẫu số 01A và 01B thuộc Mẫu số 01
- (5) Nhà thầu điền đơn giá đã bao gồm các chi phí cần thiết để thực hiện dịch vụ, kể cả thuế, phí, lệ phí.
- (6) Nhà thầu điền.

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ

Thù lao cho chuyên gia	(A)
Chi phí khác cho chuyên gia	(B)
Chi phí hạng mục công việc dựa trên đơn giá và khối lượng	(M)
Tổng chi phí	$A + B + M$

Ghi chú:

Mục A, B, M: Nhà thầu điền

Tổng chi phí: Nhà thầu điền

PHẦN 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

"Điều khoản tham chiếu" bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

I. Giới thiệu:

1. Khái quát về dự án, gói thầu:

1.1 Khái quát về dự án:

- Tên gói thầu: Tư vấn khảo sát, lập thiết kế chi tiết
- Thuộc dự án: Đầu tư hệ thống điều khiển giao thông linh hoạt các trục giao thông chính trên địa bàn thành phố.
- Địa điểm xây dựng: Thành phố Hồ Chí Minh
- Nhóm dự án: Nhóm B
- Nguồn vốn: Ngân sách Thành phố
- Quy mô đầu tư: Đầu tư hệ thống điều khiển giao thông linh hoạt các trục giao thông chính trên địa bàn thành phố", bao gồm các thành phần sau:

*** Thiết bị ngoại vi:**

- + Lắp đặt bổ sung 200 tủ điều khiển giao thông có tủ tín hiệu kết nối về Trung tâm.
- + Lắp đặt bổ sung 300 camera thu thập dữ liệu giao thông kết nối về Trung tâm đáp ứng các tiêu chí kỹ thuật theo Công văn số 3288/UBND-KT ngày 08/8/2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành hướng dẫn tiêu chuẩn kỹ thuật khuyến nghị đối với các hệ thống camera quan sát trên địa bàn thành phố.

*** Đầu tư Hệ thống trung tâm bao gồm:**

- + Bản quyền phần mềm tại Trung tâm phục vụ công tác kết nối, điều khiển các tủ tín hiệu và camera.
- + Các thiết bị trung tâm tại phòng máy chủ phục vụ việc quản lý.
- Mục tiêu đầu tư: Đầu tư hệ thống điều khiển thu thập các dữ liệu giao thông về lưu lượng, mật độ, vận tốc trung bình dòng xe di chuyển trên tuyến để cung cấp số liệu theo thời gian thực phục vụ công tác điều khiển tín hiệu giao thông chủ động của hệ thống, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và điều hành giao thông đô thị trên địa bàn Thành phố trên cơ sở ứng dụng công nghệ hiện đại theo định hướng của Thành ủy và Ủy ban nhân dân Thành phố xây dựng thành phố Hồ Chí Minh trở thành Đô thị thông minh
- Các công việc khác do cơ quan, tổ chức được lựa chọn theo quy định của pháp luật.

1.2 Khái quát về gói thầu:

- Tên gói thầu: Tư vấn khảo sát, lập thiết kế chi tiết
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước, qua mạng
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn hai túi hồ sơ
- Loại hợp đồng: Trọn gói
- Thời gian thực hiện gói thầu: 60 ngày
- Chủ đầu tư: Trung tâm Quản lý điều hành giao thông Đô Thị
- Mục đích tuyển chọn nhà thầu: Lựa chọn đơn vị tư vấn phù hợp, có năng lực, kinh nghiệm để thực hiện công tác khảo sát, lập thiết kế chi tiết. Đảm bảo dự án được thực hiện đạt tiến độ, đảm bảo chất lượng theo yêu cầu, quy trình quy phạm và các quy định hiện hành

II. Phạm vi công việc:

II.1 Phạm vi công việc đối với nhà thầu:

II. Phạm vi công việc:

Xem đề cương nhiệm vụ khảo sát và thiết kế được duyệt, phát hành cùng E-HSMT.

(Nội dung chi tiết theo Hồ sơ đính kèm).

II.2 Dự kiến thời gian chuyên gia bắt đầu thực hiện dịch vụ tư vấn:

Bắt đầu thực hiện công việc tư vấn kể từ khi hợp đồng được ký.

III. Báo cáo và thời gian thực hiện:

Tổng thời gian thực hiện dự kiến là 60 ngày kể từ ngày ký kết hợp đồng.

IV. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu:

- Nhà thầu phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về Nhân sự được quy định tại Chương III của Hồ sơ mời thầu này.

- Nhà thầu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với: Tính chính xác của thông tin kê khai và các tài liệu đính kèm trong hồ sơ dự thầu, tính chính xác của các tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu cũng như nhân sự tham dự thầu. Trường hợp chủ đầu tư nghi ngờ tính xác thực của tài liệu, chủ đầu tư sẽ yêu cầu nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh, nhà thầu có trách nhiệm giải trình/ làm rõ theo yêu cầu của chủ đầu tư

- Đối với chứng chỉ/chứng nhận của nhân sự: Trường hợp sau thời điểm đóng thầu mà hiệu lực của chứng chỉ/chứng nhận của nhân sự hết hiệu lực hoặc không đảm bảo thời gian thực hiện gói thầu thì nhà thầu có trách nhiệm cung cấp chứng chỉ/chứng nhận mới của nhân sự còn hiệu lực theo yêu cầu của bên giao thầu trong quá trình thực hiện hợp đồng.

- Đối với các loại thiết bị yêu cầu phải có giấy chứng nhận kiểm định: Trường hợp sau thời điểm đóng thầu mà hiệu lực của giấy chứng nhận kiểm định của thiết bị hết hiệu lực hoặc không đảm bảo thời gian thực hiện gói thầu thì nhà thầu có trách nhiệm kiểm định lại và cung cấp giấy chứng nhận kiểm định mới của thiết bị còn hiệu lực theo yêu cầu của bên giao thầu trong quá trình thực hiện hợp đồng.

- Tổ chức, cá nhân được cấp chứng chỉ năng lực, chứng chỉ hành nghề theo quy định của Luật Xây dựng năm 2014 trước thời điểm Nghị định 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 có hiệu lực thì hành được tiếp tục sử dụng chứng chỉ theo lĩnh vực và phạm vi hoạt động xây dựng được ghi trên chứng chỉ cho đến khi hết hạn. Trường hợp có lĩnh vực được mở rộng phạm vi theo quy định tại Nghị định 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 thì được áp dụng theo quy định tại Nghị định 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024.

V. Trách nhiệm của Chủ đầu tư:

- Hỗ trợ những tài liệu có liên quan đến nhiệm vụ của tư vấn, kể cả các tài liệu nghiên cứu liên quan hiện có nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho nhà thầu thực hiện nhiệm vụ của mình.

- Cử cán bộ phối hợp với nhà thầu khi nhà thầu thực hiện nhiệm vụ của mình.

PHẦN 3. YÊU CẦU VỀ HỢP ĐỒNG

Chương VI. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

1. Định nghĩa	<p>Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>1.1. “Chủ đầu tư” là tổ chức được quy định tại E-ĐKCT;</p> <p>1.2. “Hợp đồng” là thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo;</p> <p>1.3. “Nhà thầu” là nhà thầu trúng thầu (có thể là nhà thầu độc lập hoặc liên danh) và được quy định tại E-ĐKCT;</p> <p>1.4. “Nhà thầu phụ” là tổ chức, cá nhân ký hợp đồng với nhà thầu để tham gia thực hiện công việc tư vấn;</p> <p>1.5. “Tài liệu hợp đồng” là các tài liệu được liệt kê trong Hợp đồng, bao gồm bất kỳ bản sửa đổi, bổ sung nào của Hợp đồng;</p> <p>1.6. “Giá hợp đồng” là giá trị ghi trong hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu. Giá hợp đồng đã bao gồm tất cả các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có);</p> <p>1.7. “Ngày” là ngày dương lịch; “năm” là 365 ngày;</p> <p>1.8. “Dịch vụ tư vấn” là toàn bộ công việc do Nhà thầu thực hiện theo hợp đồng được miêu tả trong Điều khoản tham chiếu;</p> <p>1.9. “Hoàn thành” là việc Nhà thầu hoàn tất toàn bộ công việc theo các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp đồng;</p> <p>1.10. “Địa điểm dự án” là địa điểm được quy định tại E-ĐKCT;</p> <p>1.11. “Ngày hợp đồng có hiệu lực” là ngày được quy định tại E-ĐKCT;</p> <p>1.12. “Chi phí khác” là tất cả chi phí ngoài lương của tư vấn có liên quan đến DVTV;</p> <p>1.13 “Thời gian thực hiện hợp đồng” được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi các bên đã hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký.</p>
2. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên	<p>2.1. Tất cả các tài liệu nêu tại Mục 2.2 E-ĐKC (bao gồm cả các phần của tài liệu) sẽ cấu thành Hợp đồng để tạo thành thể thống nhất, có tính tương hỗ, bổ sung và giải thích cho nhau.</p> <p>2.2. Các tài liệu cấu thành Hợp đồng được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau đây:</p> <p>a) Văn bản hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng;</p> <p>b) E-ĐKCT của hợp đồng đã được điền đầy đủ các nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, thương thảo hợp đồng (nếu có), hoàn thiện hợp đồng (nếu có);</p> <p>c) Biên bản đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng, hoàn thiện hợp đồng;</p> <p>d) E-ĐKC của hợp đồng;</p> <p>đ) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;</p>

	<p>e) Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng;</p> <p>g) E-HSDT và các văn bản làm rõ E-HSDT của Nhà thầu (nếu có);</p> <p>h) E-HSMT và các tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT (nếu có);</p> <p>i) Các tài liệu khác quy định tại E-DKCT.</p> <p>2.3. Tài liệu hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng quy định tại Điều 65 Luật Đấu thầu và được các bên ký số để tạo thành hợp đồng điện tử bao gồm:</p> <p>a) Văn bản hợp đồng;</p> <p>b) Điều kiện cụ thể của hợp đồng được điền đầy đủ toàn bộ nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu;</p> <p>c) Phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi công việc, biểu giá, tiến độ thực hiện (nếu có);</p> <p>d) Tài liệu khác (nếu có).</p>
<p>3. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng</p>	<p>3.1. Luật điều chỉnh hợp đồng là luật Việt Nam.</p> <p>3.2. Ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt.</p>
<p>4. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng</p>	<p>4.1. Các tài liệu, thông tin là sản phẩm của nhà thầu trong khuôn khổ Hợp đồng này thuộc quyền sở hữu của Chủ đầu tư, trừ khi có quy định khác tại E-DKCT. Nhà thầu có thể giữ lại bản sao của các tài liệu và thông tin này nhưng không được sử dụng vào mục đích khác nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Chủ đầu tư.</p> <p>4.2. Chủ đầu tư và Nhà thầu phải bảo mật bất kỳ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin nào khác liên quan đến hợp đồng do một bên cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp cho bên kia, không được tiết lộ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó cho bên thứ ba nếu không có văn bản đồng ý của bên kia cho dù tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó được cung cấp trước, trong hoặc sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng. Nhà thầu có thể chuyển cho nhà thầu phụ các tài liệu, dữ liệu và thông tin phù hợp do Chủ đầu tư cung cấp để nhà thầu phụ thực hiện công việc của mình theo hợp đồng; trong trường hợp này, nhà thầu phụ phải có cam kết với Nhà thầu về việc bảo mật các tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó.</p> <p>4.3. Chủ đầu tư không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Nhà thầu cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến hợp đồng. Nhà thầu không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Chủ đầu tư cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến việc thực hiện hợp đồng.</p> <p>4.4. Nghĩa vụ của Chủ đầu tư và Nhà thầu quy định tại Mục 4.2 và Mục 4.3 E-DKC không áp dụng đối với các thông tin sau đây:</p> <p>a) Thông tin mà Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu cần cung cấp cho cấp có thẩm quyền;</p>

	<p>b) Thông tin đã hoặc sẽ được công bố mà không phải do lỗi của Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu;</p> <p>c) Thông tin thuộc sở hữu của một bên vào thời điểm công bố và trước đó không phải do bên kia cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp;</p> <p>d) Thông tin mà một bên nhận được một cách hợp pháp từ một bên thứ ba không có nghĩa vụ bảo mật thông tin.</p> <p>4.5. Các quy định tại Mục 4 E-ĐKC không làm thay đổi bất kỳ cam kết bảo mật nào do một bên đưa ra trước ngày ký hợp đồng liên quan đến việc cung cấp dịch vụ tư vấn.</p> <p>4.6. Các quy định tại Mục 4 E-ĐKC tiếp tục có hiệu lực sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng vì bất cứ lý do gì.</p>
5. Bảo quyền	<p>5.1. Trừ trường hợp E-ĐKCT có quy định khác, tất cả báo cáo, số liệu và thông tin có liên quan như bản đồ, sơ đồ, kế hoạch, cơ sở dữ liệu, các tài liệu khác do Nhà thầu tổng hợp hoặc thực hiện cho Chủ đầu tư trong quá trình thực hiện hợp đồng phải được bảo mật và thuộc quyền sở hữu duy nhất của Chủ đầu tư.</p> <p>Ngay khi chấm dứt hay hết hạn Hợp đồng, Nhà thầu có nghĩa vụ nộp tất cả các tài liệu nêu trên cho Chủ đầu tư kèm theo bản kê chi tiết về các tài liệu. Nhà thầu có thể lưu giữ bản sao của các tài liệu, dữ liệu, phần mềm này nhưng không được sử dụng cho các mục đích không liên quan đến Hợp đồng khi chưa có sự chấp thuận bằng văn bản của Chủ đầu tư.</p> <p>5.2. Trường hợp phải có thỏa thuận cho phép sử dụng giữa Nhà thầu và bên thứ ba để lập, xây dựng các bản vẽ, thông số kỹ thuật, thiết kế, cơ sở dữ liệu, các tài liệu và phần mềm khác, Nhà thầu phải được Chủ đầu tư chấp thuận trước bằng văn bản đối với các thỏa thuận này. Chủ đầu tư có quyền yêu cầu bù đắp các chi phí liên quan đến việc xây dựng các bản vẽ, thông số kỹ thuật, thiết kế, cơ sở dữ liệu, các tài liệu và phần mềm nêu trên.</p> <p>5.3. Nhà thầu phải cam kết rằng dịch vụ tư vấn mà nhà thầu cung cấp cho Chủ đầu tư không vi phạm quyền sở hữu trí tuệ của bất kỳ bên thứ ba nào.</p> <p>5.4. Nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba (nếu có) về việc vi phạm quyền sở hữu trí tuệ liên quan tới dịch vụ tư vấn mà nhà thầu cung cấp cho Chủ đầu tư.</p>
6. Bảo hiểm	<p>6.1. Nhà thầu phải mua và duy trì đồng thời yêu cầu các nhà thầu phụ (nếu có) mua và duy trì bảo hiểm rủi ro và các loại bảo hiểm khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>6.2. Nhà thầu phải bảo đảm mua các loại bảo hiểm đó trước khi thực hiện công việc tư vấn.</p>
7. Loại hợp đồng	Loại hợp đồng: được quy định tại E-ĐKCT .
8. Giá hợp	Giá hợp đồng quy định tại E-ĐKCT là toàn bộ chi phí để hoàn thành

đồng	toàn bộ nội dung công việc của gói thầu trên cơ sở bảo đảm tiến độ, chất lượng theo đúng yêu cầu của E-HSMT.
9. Thuế, phí	Nhà thầu, nhà thầu phụ có trách nhiệm thanh toán các nghĩa vụ thuế, phí (nếu có) phát sinh từ Hợp đồng.
10. Tạm ứng và thanh toán	Việc tạm ứng và thanh toán thực hiện theo quy định tại E-ĐKCT .
11. Bảo hành sản phẩm của dịch vụ	Việc bảo hành sản phẩm của dịch vụ thực hiện theo quy định tại E-ĐKCT .
12. Thời gian thực hiện hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng quy định tại E-ĐKCT .
13. Sửa đổi hợp đồng	<p>13.1. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp cần phải thay đổi các điều khoản trong hợp đồng thì trong thời hạn nêu tại E-ĐKCT kể từ khi nhận được đề nghị sửa đổi hợp đồng của Chủ đầu tư hoặc nhà thầu, bên nhận được đề nghị có trách nhiệm xem xét và đưa ra các yêu cầu cụ thể cho việc sửa đổi này làm cơ sở để hai bên thương thảo và ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng.</p> <p>13.2. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên được điều chỉnh các mốc thời gian hoàn thành các nội dung quy định cụ thể trong hợp đồng trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Trường hợp bất khả kháng hoặc phát sinh các điều kiện bất lợi, cản trở nhà thầu trong việc thực hiện hợp đồng và không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia hợp đồng;</p> <p>b) Thay đổi, điều chỉnh dự án, phạm vi công việc, phạm vi cung cấp, thiết kế, giải pháp thi công chủ đạo, biện pháp cung cấp do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ hợp đồng;</p> <p>c) Một hoặc các bên đề xuất sáng kiến, cải tiến thực hiện hợp đồng mà cần thay đổi tiến độ nhằm mục đích mang lại lợi ích cao hơn cho Chủ đầu tư;</p> <p>d) Tạm dừng hợp đồng do lỗi của Chủ đầu tư ảnh hưởng đến tiến độ hợp đồng mà không do lỗi của nhà thầu;</p> <p>đ) Tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không do lỗi của Chủ đầu tư, nhà thầu;</p> <p>e) Các trường hợp khác theo quy định của E-ĐKCT</p> <p>Khi điều chỉnh các mốc thời gian hoàn thành mà không vượt thời gian thực hiện hợp đồng thì Chủ đầu tư và nhà thầu thống nhất điều chỉnh, trường hợp vượt thì Chủ đầu tư và nhà thầu chỉ được thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh khi được người có thẩm quyền cho phép.</p> <p>13.3. Trường hợp phạm vi công việc nêu trong hợp đồng và điều khoản tham chiếu có sự thay đổi ảnh hưởng tới giá hợp đồng, hai bên thỏa thuận, thống nhất về thay đổi nội dung công việc, giá hợp đồng để làm</p>

	<p>ơ sở ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng.</p>
14. Nhân sự	<p>14.1. Nhà thầu phải huy động tất cả chuyên gia để thực hiện các nội dung công việc như đã đề xuất trong E-HSDT trừ trường hợp Chủ đầu tư có thỏa thuận khác. Trường hợp cần thiết phải thay đổi nhân sự theo quy định tại Mục 27 E-CDNT thì nhà thầu phải báo cáo và được sự chấp thuận của Chủ đầu tư. Nhân sự thay thế phải có năng lực, kinh nghiệm tương đương hoặc tốt hơn so với nhân sự đã đề xuất trước đó.</p> <p>14.2. Chủ đầu tư có quyền yêu cầu nhà thầu thay thế nhân sự trong trường hợp cá nhân chuyên gia tư vấn mất năng lực hành vi dân sự hoặc không hoàn thành tốt công việc của mình hoặc không đúng với nhân sự đã đề xuất trong E-HSDT. Khi nhận được văn bản yêu cầu thay thế nhân sự của Chủ đầu tư, trong thời gian quy định tại E-ĐKCT, nhà thầu phải thực hiện thay thế chuyên gia có năng lực và kinh nghiệm được Chủ đầu tư chấp nhận. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do nhà thầu chịu. Mức thù lao cho nhân sự thay thế không vượt mức thù lao cho người bị thay thế.</p>
15. Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu	<p>15.1. Quyền của nhà thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Yêu cầu Chủ đầu tư cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan đến việc thực hiện dịch vụ tư vấn; b) Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài nội dung Hợp đồng; c) Được đảm bảo quyền tác giả theo quy định của pháp luật (đối với những sản phẩm tư vấn có quyền tác giả); d) Được quyền yêu cầu Chủ đầu tư thanh toán đúng hạn theo quy định tại Mục 10 Chương này. <p>15.2. Nghĩa vụ của nhà thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Chịu trách nhiệm đối với chất lượng các sản phẩm tư vấn của mình; b) Nộp cho Chủ đầu tư các báo cáo và các tài liệu với số lượng và thời gian quy định trong Hợp đồng. Nhà thầu thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả thông tin liên quan đến công việc tư vấn có thể làm chậm trễ hoặc cản trở việc hoàn thành các công việc theo tiến độ và đề xuất giải pháp thực hiện; c) Có trách nhiệm hoàn thành đúng tiến độ và giao nộp các sản phẩm tư vấn theo quy định trong Hợp đồng. Nhà thầu có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan điểm về các nội dung của công việc tư vấn trong các buổi họp trình duyệt của các cấp có thẩm quyền do Chủ đầu tư tổ chức (nếu có); d) Thực hiện công việc đúng pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng và đảm bảo rằng Nhà thầu phụ (nếu có), nhân lực của Nhà thầu và Nhà thầu phụ sẽ luôn tuân thủ pháp luật. Phải cam kết khi có yêu cầu của Chủ đầu tư, nhà thầu hoặc nhà thầu phụ sẽ cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm theo yêu cầu của Chủ đầu tư (kể cả ngày nghỉ) cho tới ngày nghiệm thu sản phẩm tư vấn; đ) Có trách nhiệm cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo, thẩm định ... với số lượng theo yêu cầu của Chủ đầu tư;

		<p>e) Thu thập các thông tin cần thiết để phục vụ cho công việc tư vấn theo Hợp đồng;</p> <p>g) Giữ bí mật thông tin liên quan đến dịch vụ tư vấn mà hợp đồng và pháp luật có quy định.</p>
16. Nhà thầu phụ		<p>16.1. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các Nhà thầu phụ trong danh sách các Nhà thầu phụ quy định tại E-ĐKCT để thực hiện một phần công việc nêu trong E-HSDT. Việc sử dụng Nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của Nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do Nhà thầu phụ thực hiện.</p> <p>Việc thay thế, bổ sung Nhà thầu phụ trong danh sách các Nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT hoặc thay đổi nội dung thầu phụ nêu trong E-HSDT chỉ được thực hiện khi được Chủ đầu tư, tư vấn giám sát (nếu có) chấp thuận và không vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho Nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng; việc sử dụng Nhà thầu phụ phải phù hợp với nhu cầu của nhà thầu trong thực hiện hợp đồng, Nhà thầu phụ phải đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu của nhà thầu;</p> <p>16.2. Giá trị công việc mà các Nhà thầu phụ quy định tại Mục 16.1 E-ĐKCT thực hiện không được vượt quá tỷ lệ phần trăm theo giá hợp đồng nêu tại E-ĐKCT.</p> <p>16.3. Nhà thầu có trách nhiệm thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Nhà thầu phụ theo các điều khoản thỏa thuận giữa Nhà thầu và Nhà thầu phụ</p> <p>16.4. Yêu cầu khác về Nhà thầu phụ quy định tại E-ĐKCT.</p>
17. Phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại		<p>Phạt vi phạm hợp đồng và bồi thường thiệt hại theo quy định tại E-ĐKCT.</p>
18. Tạm dừng hợp đồng		<p>18.1. Chủ đầu tư có thể tạm dừng toàn bộ hoặc một phần công việc của Nhà thầu bằng cách thông báo bằng văn bản cho nhà thầu về việc tạm dừng nếu nhà thầu không thực hiện một nghĩa vụ cụ thể nào của mình theo Hợp đồng với điều kiện thông báo đó phải (i) nêu rõ nội dung của việc không thực hiện được; và (ii) yêu cầu Nhà thầu có biện pháp khắc phục trong thời gian không quá ba mươi (30) ngày sau khi Nhà thầu nhận được thông báo tạm dừng đồng thời nhà thầu phải bồi thường thiệt hại (nếu có) cho Chủ đầu tư do tạm ngừng công việc</p> <p>18.2. Tạm ngừng công việc bởi Nhà thầu</p> <p>a) Nếu Chủ đầu tư không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, không thanh toán theo các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng này quá 28 ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán, sau khi thông báo cho Chủ đầu tư, Nhà thầu có thể sẽ tạm ngừng công việc (hoặc giảm tỷ lệ công việc).</p> <p>b) Sau khi Chủ đầu tư thực hiện các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng, Nhà thầu phải tiếp tục tiến hành công việc bình thường ngay khi có thể được.</p> <p>c) Nếu các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm ngừng công việc</p>

	<p>(hoặc do giảm tỷ lệ công việc) theo khoản này, Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư để xem xét. Sau khi nhận được thông báo, Chủ đầu tư xem xét và có ý kiến về các vấn đề đã nêu.</p> <p>d) Trước khi tạm ngừng thực hiện công việc trong hợp đồng thì Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư biết bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do tạm ngừng công việc thực hiện.</p>
<p>19. Chấm dứt hợp đồng do sai phạm của nhà thầu</p>	<p>19.1. Chủ đầu tư có thể chấm dứt việc thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng bằng cách thông báo bằng văn bản cho nhà thầu khi nhà thầu không thực hiện nội dung công việc như quy định tại E-ĐKCT.</p> <p>19.2. Chủ đầu tư có thể gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho nhà thầu khi phát hiện nhà thầu lâm vào tình trạng phá sản mà không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Chủ đầu tư được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.</p> <p>19.3. Trong trường hợp Chủ đầu tư chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng theo Mục 19.1 E-ĐKC, Chủ đầu tư có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt đó. Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Chủ đầu tư những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên, nhà thầu vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt.</p>
<p>20. Chấm dứt hợp đồng do lỗi của Chủ đầu tư</p>	<p>Nhà thầu có thể chấm dứt việc thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng bằng cách thông báo bằng văn bản cho Chủ đầu tư khi Chủ đầu tư không thực hiện nội dung công việc như quy định tại E-ĐKCT.</p>
<p>21. Trường hợp bất khả kháng</p>	<p>21.1. Khi xảy ra sự việc bất khả kháng, việc một bên không thực hiện được bất kỳ một nghĩa vụ nào của mình sẽ không bị coi là vi phạm hay phá vỡ Hợp đồng, với điều kiện bên bị ảnh hưởng bởi vụ việc này: (a) đã tiến hành những biện pháp ngăn ngừa hợp lý, cần trọng và các biện pháp thay thế cần thiết, tất cả với mục đích thực hiện được những điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này, và (b) phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình trong phạm vi Hợp đồng chừng nào việc thực hiện này còn hợp lý và thực tế.</p> <p>21.2. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không thể lường trước, không thể tránh được và khiến cho việc thực hiện hợp đồng là không khả thi mà nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các bên. Sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch hoặc các chính sách, quy định của Nhà nước.</p> <p>21.3. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện trong vòng 14 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.</p>

	<p>Nhà thầu bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để hạn chế hậu quả của sự việc bất khả kháng.</p> <p>21.4. Thời hạn mà một bên phải hoàn thành một công việc theo Hợp đồng này được gia hạn thêm một khoảng thời gian bằng đúng thời gian bên đó không thể thực hiện được công việc do sự kiện bất khả kháng gây ra.</p> <p>21.5. Trong thời gian không thực hiện được Dịch vụ do sự kiện bất khả kháng, theo yêu cầu của Chủ đầu tư, Nhà thầu có nghĩa vụ:</p> <p>(a) Ngừng huy động chuyên gia, trong trường hợp này, Nhà thầu sẽ được hoàn trả những chi phí phát sinh mà họ phải chi trả một cách hợp lý và cần thiết. Trường hợp được Chủ đầu tư yêu cầu phục hồi lại Dịch vụ thì nhà thầu còn được hoàn trả chi phí này; hoặc</p> <p>(b) Tiếp tục thực hiện Dịch vụ trong chừng mực có thể; trong trường hợp này, Nhà thầu sẽ tiếp tục được thanh toán theo điều khoản của Hợp đồng và được hoàn trả những chi phí phát sinh thêm một cách hợp lý và cần thiết.</p> <p>Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các bên do sự kiện bất khả kháng xảy ra hoặc kéo dài thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định tại Mục 22 Chương này.</p> <p>21.6. Chấm dứt hợp đồng và thanh toán hợp đồng trong trường hợp bất khả kháng (nếu có)</p> <p>a) Nếu việc thực hiện các công việc của hợp đồng bị dừng do bất khả kháng đã được thông báo theo quy định của hợp đồng trong khoảng thời gian mà tổng số ngày bị dừng lớn hơn số ngày do bất khả kháng đã được thông báo, thì một trong hai bên có quyền gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho bên kia.</p> <p>b) Đối với trường hợp chấm dứt này, Chủ đầu tư sẽ phải thanh toán cho Nhà thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các khoản thanh toán cho bất kỳ công việc nào đã được hoàn thành theo giá đã được nêu trong hợp đồng. - Chi phí cho thiết bị và vật tư được đặt hàng cho gói thầu (nếu có) đã được chuyển tới cho Nhà thầu. Thiết bị và vật tư này sẽ trở thành tài sản (và là rủi ro) của Chủ đầu tư khi đã được Chủ đầu tư thanh toán và Nhà thầu sẽ để cho Chủ đầu tư sử dụng.
<p>22. Giải quyết tranh chấp</p>	<p>22.1. Nhà thầu và Chủ đầu tư có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hoà giải.</p> <p>22.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hoà giải trong thời gian quy định tại E-ĐKCT kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế được xác định trong E-ĐKCT.</p>
<p>23. Thông báo</p>	<p>23.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản, theo địa chỉ được ghi trong E-ĐKCT.</p> <p>23.2. Thông báo của một bên sẽ có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận</p>

	được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.
--	---

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

E-ĐKC 1.1	<p>Chủ đầu tư: Trung tâm Quản lý Điều hành Giao thông Đô thị</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: - Mã số thuế: - Số tài khoản: - Điện thoại: - Số Fax: - Email: - Địa chỉ:
E-ĐKC 1.3	<p>Nhà thầu: _____</p> <p><i>[ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu]</i></p>
E-ĐKC 1.10	Địa điểm dự án: TP Hồ Chí Minh
E-ĐKC 1.11	Ngày hợp đồng có hiệu lực: Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký hợp đồng.
E-ĐKC 2.2 (i)	Các tài liệu khác: Không có.
E-ĐKC 4.1	Việc sử dụng tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng: Chi tiết theo hoàn thiện và ký kết hợp đồng.
E-ĐKC 5.1	Các trường hợp khác: Không áp dụng.
E-ĐKC 7	Loại hợp đồng: Trọn gói.
E-ĐKC 8	<p>Giá hợp đồng bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp.</p> <p>Đối với loại hợp đồng trọn gói: giá hợp đồng là cố định đối với phạm vi công việc nêu trong hợp đồng và điều khoản tham chiếu.</p>
E-ĐKC 10	<p>10.1. Tạm ứng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trên cơ sở kế hoạch vốn được giao, sau khi Hợp đồng có hiệu lực, Chủ đầu tư nhận được bảo lãnh tạm ứng; Chủ đầu tư tạm ứng cho Nhà thầu 20% giá trị hợp đồng - Tiền tạm ứng sẽ được thu hồi bằng cách giảm trừ trong các lần thanh toán. Tỷ lệ thu hồi tiền tạm ứng qua các đợt thanh toán được tính theo công thức: $(\text{Tỷ lệ tạm ứng thực tế} / 80\%) \times \text{giá trị thanh toán}$, khi tổng giá trị các đợt thanh toán đạt 80% giá trị hợp đồng, Chủ đầu tư thu hồi 100% số tiền tạm ứng. <p>10.2. Thanh toán</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương thức thanh toán: Chuyển khoản. - Đồng tiền thanh toán: VND. - Số lần thanh toán: 03 lần <p>+ Lần 1: Sau khi hồ sơ thiết kế chi tiết, dự toán được cấp thẩm quyền phê duyệt, Chủ đầu tư nghiệm thu và thanh toán cho Nhà thầu đến 90% giá trị khối lượng thực hiện được nghiệm thu nhưng không vượt chi phí khảo sát, thiết kế chi tiết, dự toán được cấp thẩm quyền phê</p>

	<p>duyệt và không vượt giá hợp đồng.</p> <p>+ Lần 2: Sau khi công trình thi công hoàn thành được nghiệm thu đưa vào sử dụng, Chủ đầu tư nghiệm thu hoàn thành công tác giám sát tác giá; Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu đến 95% giá trị khối lượng thực hiện được nghiệm thu nhưng không vượt chi phí khảo sát, thiết kế chi tiết, dự toán được cấp thẩm quyền phê duyệt và không vượt giá hợp đồng.</p> <p>+ Sau khi dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt quyết toán, căn cứ giá trị quyết toán Chủ đầu tư thanh toán giá trị còn lại cho Nhà thầu.</p> <p>- Thời hạn thanh toán: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ của Nhà thầu, Chủ đầu tư hoàn thành các thủ tục và chuyển đề nghị thanh toán đến cơ quan cấp phát vốn để thanh toán cho Nhà thầu.</p>
E-ĐKC 11	Bảo hành sản phẩm của dịch vụ: Không áp dụng
E-ĐKC 12	Thời gian thực hiện hợp đồng: 60 ngày.
E-ĐKC 13.1	Thời gian bên nhận yêu cầu trả lời yêu cầu sửa đổi hợp đồng của Chủ đầu tư hoặc nhà thầu: 10 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu điều chỉnh hợp đồng, căn cứ yêu cầu cụ thể của nội dung điều chỉnh.
E-ĐKC 13.2 (e)	Các trường hợp khác: Không có.
E-ĐKC 14.2	<p>Thời gian nhà thầu thực hiện việc thay thế nhân sự: 03 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu thay thế nhân sự của chủ đầu tư.</p> <p>Trong trường hợp có thay đổi nhân sự thì Nhà thầu đề xuất nhân sự có năng lực kinh nghiệm tương đương hoặc cao hơn nhân sự đã đề xuất và phải được Chủ đầu tư chấp thuận bằng văn bản.</p>
E-ĐKC 16.1	Danh sách nhà thầu phụ: _____ [Ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSĐT].
E-ĐKC 16.2	Tổng giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 10% giá hợp đồng [Hệ thống trích xuất theo Mục 26.3 E-CDNT].
E-ĐKC 16.4	Yêu cầu khác về nhà thầu phụ: Có tên trong danh sách E-HSĐT hoặc có văn bản chấp thuận từ Chủ đầu tư.
E-ĐKC 17	<p>Vừa áp dụng phạt vi phạm hợp đồng vừa áp dụng bồi thường thiệt hại.</p> <p>1. Phạt vi phạm hợp đồng: Đối với Nhà thầu tư vấn: Nếu chậm tiến độ thực hiện hợp đồng 10 ngày đầu tiên thì phạt 0,8% giá trị hợp đồng; mỗi đợt chậm 05 ngày tiếp theo thì mức phạt là 2% giá trị hợp đồng nhưng tổng số tiền phạt không quá 12% giá trị hợp đồng. Khi đó, Chủ đầu tư có quyền đơn phương xem xét ngưng thực hiện hợp đồng</p> <p>2. Bồi thường thiệt hại: trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế.</p>
E-ĐKC 19.1	<p>Chấm dứt hợp đồng do sai phạm của nhà thầu:</p> <p>Nhà thầu tư vấn có thể chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho Chủ đầu tư tối thiểu là 10 ngày trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Công việc bị ngừng do lỗi của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian 45</p>

	<p>ngày.</p> <p>b) Chủ đầu tư không thanh toán cho Nhà thầu tư vấn theo hợp đồng và không thuộc đối tượng tranh chấp theo Điều 25 [Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp] sau khoảng thời gian 45 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.</p> <p>c) Chủ đầu tư không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 25 [Khiếu nại và giải quyết tranh chấp].</p> <p>d) Do hậu quả của sự kiện bất khả kháng mà Nhà thầu tư vấn không thể thực hiện một phần quan trọng công việc trong thời gian 45 ngày.</p> <p>đ) Chủ đầu tư bị phá sản, vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản phải điều đình với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự điều hành của người được ủy thác hoặc người đại diện cho quyền lợi của chủ nợ hoặc nếu đã có hành động hoặc sự kiện nào đó xảy ra (theo các Luật hiện hành) có tác dụng tương tự tới các hành động hoặc sự kiện đó.</p>
<p>E-ĐKC 20</p>	<p>Chấm dứt hợp đồng do lỗi của Chủ đầu tư:</p> <p>Chủ đầu tư có thể chấm dứt hợp đồng sau 10 ngày kể từ ngày gửi văn bản kết thúc hợp đồng đến Nhà thầu tư vấn. Chủ đầu tư sẽ được quyền chấm dứt hợp đồng khi:</p> <p>a) Nhà thầu tư vấn không sửa chữa được sai sót nghiêm trọng mà Nhà thầu tư vấn không thể khắc phục được trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình trong vòng 10 ngày mà Chủ đầu tư có thể chấp nhận được kể từ ngày nhận được thông báo của Chủ đầu tư về sai sót đó.</p> <p>b) Nhà thầu không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo Điều 23 [Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi], hoặc 10 ngày liên tục không thực hiện công việc theo hợp đồng.</p> <p>c) Chuyển nhượng hợp đồng mà không có sự thỏa thuận của Chủ đầu tư.</p> <p>d) Nhà thầu tư vấn bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được ủy quyền hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các Luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này.</p> <p>e) Nhà thầu tư vấn từ chối không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 25 [Khiếu nại và giải quyết tranh chấp].</p> <p>f) Nhà thầu tư vấn cố ý trình Chủ đầu tư các tài liệu không đúng sự thật gây ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ và lợi ích của Chủ đầu tư.</p> <p>g) Trường hợp bất khả kháng quy định tại Điều 18 [Rủi ro và bất khả kháng].</p> <p>Sau khi chấm dứt hợp đồng, Chủ đầu tư có thể thuê các Nhà thầu tư</p>

	vấn khác thực hiện tiếp công việc tư vấn. Chủ đầu tư và các Nhà thầu tư vấn này có thể sử dụng bất cứ tài liệu nào đã có.
E-ĐKC 22.2	Giải quyết tranh chấp: - Thời gian để tiến hành hòa giải: tối đa 30 ngày. - Trường hợp thương lượng không có kết quả thì khoảng thời gian các bên được quyền gửi vấn đề lên Trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam (hoặc Tòa án Nhân dân) theo quy định của pháp luật 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp hợp đồng không thể hòa giải. Quyết định của Trọng tài (hoặc Tòa án Nhân dân) là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.
E-ĐKC 23.1	Địa chỉ để hai bên thông báo cho nhau những thông tin theo quy định: - Địa chỉ liên lạc của chủ đầu tư: Trung tâm Quản lý Điều hành Giao thông Đô thị Điện thoại: Fax: _____ E-mail: _____ - Địa chỉ liên lạc của nhà thầu: _____ Điện thoại: _____ Fax: _____ E-mail: _____

CHƯƠNG VIII. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Tùy theo tính chất và yêu cầu của gói thầu mà áp dụng loại hợp đồng DVTV cho phù hợp.

Trường hợp hợp đồng có một hoặc nhiều hợp đồng bộ phận, Chủ đầu tư vận dụng biểu mẫu hợp đồng DVTV loại hợp đồng trọn gói và loại hợp đồng theo thời gian để xây dựng hợp đồng DVTV.

Khi sử dụng cần chú ý không được thay đổi E-ĐKC, các điều khoản trong E-ĐKCT cần được thực hiện như mô tả trong ghi chú bằng chữ in nghiêng cho từng điều khoản.

HỢP ĐỒNG

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: _____

Thuộc dự án: _____

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;
- Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;
- Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 06 năm 2023; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29 tháng 11 năm 2024;
- Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014 và Luật sửa đổi ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước
- Căn cứ Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.
- Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;
- Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật đầu tư công;
- Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; Nghị định số 17/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu;
- Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

- Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 tháng 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 tháng 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BXD ngày 03 tháng 3 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng;
- Căn cứ Thông tư số 96/2021/TTT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định về hệ thống biểu mẫu sử dụng trong công tác quyết toán;
- Căn cứ Thông tư số 04/2020/TT-BTTTT ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Bộ Thông tin Truyền thông Quy định về lập và quản lý chi phí dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin;
- Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 14 tháng 3 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố về chủ trương đầu tư dự án Đầu tư hệ thống điều khiển giao thông linh hoạt các trục giao thông chính trên địa bàn thành phố;
- Căn cứ Quyết định số 6570/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Ủy Ban nhân dân Thành phố về việc giao kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương;
- Căn cứ Quyết định số 4382/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2024 của Ủy Ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư dự án Đầu tư hệ thống điều khiển giao thông linh hoạt các trục giao thông chính trên địa bàn thành phố;
- Căn cứ Quyết định số ____/QĐ-UBND ngày ____ tháng ____ năm 2025 của Ủy Ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt dự án Đầu tư hệ thống điều khiển giao thông linh hoạt các trục giao thông chính trên địa bàn thành phố;
- Căn cứ Quyết định số ____/QĐ-UBND ngày ____ tháng ____ năm 2025 của Ủy Ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án Đầu tư hệ thống điều khiển giao thông linh hoạt các trục giao thông chính trên địa bàn thành phố;
- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] và Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của Bên mời thầu;
- Căn cứ biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng đã được chủ đầu tư và Nhà thầu trúng thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____; [Chủ đầu tư kê khai thông tin]
- Căn cứ Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu số ____ / ngày tháng năm 2025 của ____ về kết quả lựa chọn nhà thầu thầu gói thầu: Tư vấn khảo sát, lập thiết kế chi tiết dự án Đầu tư hệ thống điều khiển giao thông linh hoạt các trục giao thông chính trên địa bàn thành phố;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Đối với trường hợp Chủ đầu tư trực tiếp ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng với nhà thầu:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên Chủ đầu tư: **TRUNG TÂM QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH GIAO THÔNG ĐÔ THỊ**

Địa chỉ: 02 Mai Chí Thọ, Phường Thủ Thiêm, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.39 143 560

Fax: 028.39 143 561

E-mail: _____

Tài khoản : 9552.2.8082315 tại Kho bạc Nhà nước Khu vực II.

Mã số thuế: 0310374372

Đại diện là ông/bà: Đoàn Văn Tấn

Chức vụ: Giám đốc

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ tư vấn với các nội dung sau:

Điều 1. Diễn giải

Các từ và cụm từ trong hợp đồng này được hiểu theo các định nghĩa và diễn giải sau đây:

1. Chủ đầu tư là *Trung tâm Quản lý điều hành giao thông đô thị*.
2. Nhà thầu tư vấn là
3. Dự án là dự án Đầu tư hệ thống điều khiển giao thông linh hoạt các trục giao thông chính trên địa bàn thành phố.

4. Công trình là *Đầu tư hệ thống điều khiển giao thông linh hoạt các trục giao thông chính trên địa bàn thành phố*.

5. Gói thầu là Tư vấn khảo sát, lập thiết kế chi tiết.

6. Đại diện Chủ đầu tư là người được Chủ đầu tư nêu ra trong hợp đồng hoặc được ủy quyền và thay mặt cho Chủ đầu tư điều hành công việc.

7. Đại diện Nhà thầu tư vấn là người được Nhà thầu tư vấn nêu ra trong hợp đồng hoặc được Nhà thầu tư vấn chỉ định và thay mặt Nhà thầu tư vấn điều hành công việc.

8. Nhà thầu phụ là tổ chức hay cá nhân ký hợp đồng với Nhà thầu tư vấn để trực tiếp thực hiện công việc.

9. Hợp đồng là toàn bộ Hồ sơ hợp đồng tư vấn khảo sát, thiết kế chi tiết và dự toán theo quy định tại Điều 3 [Hồ sơ hợp đồng tư vấn và thứ tự ưu tiên].

10. Bên là Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu tư vấn tùy theo hoàn cảnh cụ thể.

11. Ngày được hiểu là ngày dương lịch và tháng được hiểu là tháng dương lịch.

12. Ngày làm việc được hiểu là các ngày theo dương lịch, trừ ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật.

13. Luật là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng;
2. Phụ lục hợp đồng gồm điều khoản tham chiếu, nhân sự của nhà thầu, trách nhiệm báo cáo của nhà thầu;
3. E-ĐKCT của hợp đồng đã được điền đầy đủ các nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, thương thảo hợp đồng (nếu có), hoàn thiện hợp đồng (nếu có);
4. Biên bản thương thảo hợp đồng, biên bản hoàn thiện hợp đồng (nếu có);
5. E-ĐKC của hợp đồng;
6. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
7. Thư chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng;
8. E-HSĐT và các văn bản làm rõ E-HSĐT của Nhà thầu (nếu có);
9. E-HSMT và các tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT (nếu có);
10. Các tài liệu khác quy định tại E-ĐKCT.

Điều 3. Trao đổi thông tin

1. Các thông báo, chấp thuận, chứng chỉ, quyết định,... đưa ra phải bằng văn bản và được chuyển đến bằng đường bưu điện, bằng fax, hoặc email theo địa chỉ các bên đã quy định trong hợp đồng.

2. Trường hợp bên nào thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo cho bên kia để đảm bảo việc trao đổi thông tin. Nếu bên thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho bên kia thì phải chịu trách nhiệm do việc thay đổi địa chỉ mà không thông báo.

Điều 4. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng

- Hợp đồng này chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật của Việt Nam.
- Ngôn ngữ của hợp đồng: Tiếng Việt

Điều 5. Bảo đảm thực hiện hợp đồng (nếu có) và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng (đối với trường hợp các bên thỏa thuận phải có bảo lãnh tiền tạm ứng)

1. Việc thực hiện bảo đảm thực hiện hợp đồng và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng theo quy định lần lượt tại Điều 16 và Điều 18 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 50/2021/NĐ-CP.

2. Nhà thầu tư vấn phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng tương đương với 3% giá trị hợp đồng có giá trị là: Đồng.

3. Nhà thầu tư vấn sẽ không được nhận lại bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp nhà thầu từ chối thực hiện hợp đồng sau khi hợp đồng có hiệu lực và các trường hợp vi phạm khác được quy định trong hợp đồng.

4. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được hoàn trả cho Nhà thầu tư vấn khi đã hoàn thành các công việc theo thỏa thuận của hợp đồng.

5. Nhà thầu tư vấn phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh tạm ứng hợp đồng tương đương giá trị khoản tiền tạm ứng trước khi Chủ đầu tư thực hiện việc tạm ứng. Nếu là liên danh các Nhà thầu tư vấn thì từng thành viên trong liên danh phải nộp bảo lãnh tạm ứng hợp đồng tương đương với giá trị khoản tiền tạm ứng cho từng thành viên.

6. Giá trị của bảo lãnh tạm ứng hợp đồng sẽ được khấu trừ tương ứng với giá trị giảm trừ tiền tạm ứng qua mỗi lần thanh toán.

Điều 6. Đối tượng hợp đồng

Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của Nhà thầu tư vấn thực hiện được thể hiện trong Phụ lục 1 [Bảng giá thanh toán hợp đồng] và các thỏa thuận khác tại biên bản thương thảo hợp đồng giữa các bên, bao gồm các công việc chủ yếu sau:

Nội dung và khối lượng công tác khảo sát bao gồm các công việc chủ yếu sau:

- a) Lập nhiệm vụ khảo sát theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP
- b) Công tác thu thập số liệu:

Thu thập các số liệu, hồ sơ liên quan đến dự án: hệ thống tủ điều khiển; thông tin về hệ thống hạ tầng kỹ thuật tại vị trí khảo sát; hệ thống hạ tầng công nghệ tại trung tâm

c) Công tác khảo sát tại hiện trường:

Khảo sát, xác định vị trí thay thế, lắp đặt tủ tín hiệu, tủ nguồn UPS tại các nút giao hiện hữu theo dự kiến theo danh sách.

Khảo sát, xác định 300 vị trí lắp đặt các camera thu thập dữ liệu giao thông tại các vị trí theo danh sách (cách vị trí nút giao từ 30m – 150m)

Khảo sát 200 vị trí lắp đặt hệ thống đèn tín hiệu tổ chức giao thông hiện hữu tại các nút giao thông;

Khảo sát lưới nguồn điện hạ thế tại khu vực: vị trí trụ hoặc tủ lấy nguồn;

Khảo sát mạng truyền dẫn tại khu vực (vị trí kết nối mạng của các nhà cung cấp dịch vụ);

Kiểm tra, đối chiếu với thực địa, hồ sơ thu thập về: địa hình, tuyến hầm, cáp ngầm... để lưu ý và điều chỉnh trong phương án kỹ thuật và hồ sơ khảo sát;

Sơ họa các vị trí, thông tin khảo sát của từng vị trí khảo sát thành bản vẽ;

Kiến nghị các vị trí lắp đặt, kết nối hệ thống thiết bị.;

d) Khảo sát hiện trạng hạ tầng CNTT, kết nối, điều khiển hệ thống THGT, camera thu thập dữ liệu giao thông tại trung tâm; hệ thống bản quyền phần mềm kết nối.

e) Xử lý số liệu và lập báo cáo kết quả khảo sát.

f) Các công việc khảo sát khác.

g) Báo cáo kết quả khảo sát theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP.

2. Nội dung công tác lập thiết kế chi tiết: bao gồm các công việc theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP và được điều chỉnh, bổ sung tại Nghị định số 82/2024/NĐ-CP.

3. Nội dung công tác lập dự toán: theo quy định tại Khoản 2 Điều 28 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP

4. Nhà thầu cung cấp sản phẩm của hợp đồng bao gồm:

- Báo cáo kết quả khảo sát;
- Thiết kế chi tiết (bao gồm thuyết minh và bản vẽ).
- Dự toán thiết kế chi tiết.
- USB/đĩa CD ghi lại tất cả các dữ liệu sau khi đã chỉnh sửa theo đề nghị của đơn vị tư vấn thẩm tra và cơ quan thẩm định.

Điều 7. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn khảo sát, thiết kế chi tiết

1. Chất lượng sản phẩm tư vấn phải phù hợp với nội dung hợp đồng tư vấn đã ký kết giữa các bên; đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng tư vấn. Những sai sót trong sản phẩm của hợp đồng tư vấn phải được Nhà thầu tư vấn hoàn chỉnh theo đúng các điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng tư vấn.

2. Số lượng hồ sơ sản phẩm tư vấn:

Số lượng hồ sơ sản phẩm tư vấn của hợp đồng là **10 bộ** và 01 đĩa CD/USB dữ liệu chứa file (báo cáo khảo sát, thuyết minh thiết kế, bản vẽ, dự toán và các file tính toán ...)

Điều 8. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm tư vấn khảo sát, thiết kế chi tiết và dự toán

- Hợp đồng Tư vấn khảo sát, thiết kế chi tiết đã ký giữa các bên;
- Nhiệm vụ khảo sát được duyệt;
- Báo cáo kết quả khảo sát;
- Thiết kế chi tiết (bao gồm thuyết minh và bản vẽ);
- Dự toán thiết kế chi tiết.

Điều 9. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Hợp đồng trọn gói ⁽³⁾

a) Giá hợp đồng: *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng]*

Giá hợp đồng: _____ *[Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng]*. Số tiền này bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp.

b) Thời hạn thanh toán:

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ của Nhà thầu, Chủ đầu tư hoàn thành các thủ tục và chuyển đề nghị thanh toán đến cơ quan cấp phát vốn để thanh toán cho Nhà thầu.

2. Phương thức thanh toán: chuyên khoản.

3. Nội dung của giá hợp đồng

a) Nội dung của giá hợp đồng bao gồm:

- Chi phí chuyên gia, chi phí vật tư vật liệu, máy móc, chi phí quản lý, chi phí khác, chi phí bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp (nếu có), thu nhập chịu thuế tính trước và thuế giá trị gia tăng.

- Chi phí cần thiết cho việc hoàn chỉnh sản phẩm tư vấn sau các cuộc họp, báo cáo, kết quả thẩm định, phê duyệt.

- Chi phí đi thực địa.

– Chi phí đi lại khi tham gia vào quá trình nghiệm thu theo yêu cầu của Chủ đầu tư, xử lý vướng mắc trong hồ sơ thiết kế chi tiết.

– Chi phí khác có liên quan.

b) Giá hợp đồng không bao gồm:

– Chi phí cho các cuộc họp của Chủ đầu tư.

– Chi phí thẩm tra, phê duyệt sản phẩm của hợp đồng tư vấn.

– Chi phí chưa tính trong giá hợp đồng mà các bên đã thỏa thuận, đảm bảo phù hợp quy định về quản lý chi phí dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin.

Điều 10. Loại hợp đồng

– Loại hợp đồng: *Trọn gói.*

Điều 11. Điều chỉnh hợp đồng tư vấn khảo sát

1. Điều chỉnh giá hợp đồng:

Các trường hợp điều chỉnh giá hợp đồng, trình tự và thủ tục thực hiện:

– Trường hợp dự toán chi phí khảo sát, thiết kế chi tiết được cấp thẩm quyền phê duyệt thấp hơn giá trị hợp đồng đã ký thì giá hợp đồng được điều chỉnh theo dự toán được phê duyệt nhân với tỷ lệ giảm giá của gói thầu.

– Trường hợp dự toán chi phí khảo sát, thiết kế được cấp thẩm quyền phê duyệt cao hơn giá trị hợp đồng đã ký thì giá hợp đồng vẫn giữ nguyên không thay đổi.

2. Điều chỉnh khối lượng công việc của hợp đồng tư vấn

Điều chỉnh khối lượng công việc trong hợp đồng được quy định như sau:

– Trường hợp có phát sinh hợp lý những công việc ngoài phạm vi hợp đồng đã ký (khối lượng nằm ngoài nhiệm vụ tư vấn phải thực hiện). Trường hợp này, khi điều chỉnh khối lượng không làm vượt giá gói thầu được phê duyệt thì chủ đầu tư và nhà thầu tính toán, thỏa thuận và ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng; trường hợp vượt giá gói thầu được phê duyệt thì phải được người có thẩm quyền quyết định đầu tư xem xét, quyết định; trường hợp thỏa thuận không được thì khối lượng các công việc phát sinh đó sẽ hình thành gói thầu mới, việc lựa chọn nhà thầu để thực hiện gói thầu này theo quy định hiện hành.

– Đối với những khối lượng phát sinh nằm ngoài phạm vi hợp đồng đã ký mà chưa có quy định về đơn giá hoặc phương pháp xác định đơn giá trong hợp đồng, các bên tham gia hợp đồng phải thỏa thuận, thống nhất đơn giá hoặc nguyên tắc, phương pháp xác định giá để thực hiện khối lượng công việc này trước khi thực hiện

3. Điều chỉnh tiến độ của hợp đồng tư vấn

Các trường hợp được điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn:

a) Do ảnh hưởng của động đất, bão, lũ, lụt, sóng thần, hỏa hoạn, dịch họa hoặc các sự kiện bất khả kháng khác.

b) Thay đổi, điều chỉnh dự án, phạm vi công việc, thiết kế, biện pháp thi công theo yêu cầu của bên giao thầu làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng.

c) Do việc bàn giao mặt bằng không đúng với các thỏa thuận trong hợp đồng, tạm dừng hợp đồng do lỗi của bên giao thầu, các thủ tục liên quan ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng xây dựng mà không do lỗi của bên nhận thầu gây ra.

d) Tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không do lỗi của bên giao thầu gây ra.

Điều 12. Trách nhiệm của Bên B

1. Quyền của Nhà thầu tư vấn (Bên B):

a) Yêu cầu Chủ đầu tư cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ tư vấn.

b) Được đề xuất thay đổi điều kiện cung cấp dịch vụ tư vấn vì lợi ích của Chủ đầu tư hoặc khi phát hiện các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm tư vấn.

c) Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài phạm vi hợp đồng và những yêu cầu trái pháp luật của Chủ đầu tư.

d) Được đảm bảo quyền tác giả theo quy định của pháp luật (đối với sản phẩm tư vấn có quyền tác giả).

đ) Được quyền yêu cầu Chủ đầu tư thanh toán đúng hạn, yêu cầu thanh toán các khoản lãi vay do chậm thanh toán theo quy định.

2. Nghĩa vụ của Nhà thầu tư vấn:

a) Hoàn thành công việc đúng tiến độ, chất lượng theo thỏa thuận trong hợp đồng.

b) Bảo quản và giao lại cho Chủ đầu tư những tài liệu do Chủ đầu tư cung cấp theo hợp đồng sau khi hoàn thành công việc (nếu có).

c) Thông báo ngay bằng văn bản cho Chủ đầu tư về những thông tin, tài liệu không đầy đủ để hoàn thành công việc.

đ) Giữ bí mật thông tin liên quan đến dịch vụ tư vấn mà hợp đồng và pháp luật có quy định.

e) Thu thập các thông tin cần thiết để phục vụ cho công việc của hợp đồng:

Nhà thầu tư vấn phải thu thập các thông tin liên quan đến các vấn đề có thể ảnh hưởng đến tiến độ, giá hợp đồng hoặc trách nhiệm của Nhà thầu tư vấn theo hợp đồng, hoặc các rủi ro có thể phát sinh cho Nhà thầu tư vấn trong việc thực hiện công việc tư vấn khảo sát, thiết kế chi tiết và dự toán được quy định trong hợp đồng.

Trường hợp lỗi trong việc thu thập thông tin, hoặc bất kỳ vấn đề nào khác của Nhà thầu tư vấn để hoàn thành công việc tư vấn khảo sát, thiết kế chi tiết và dự toán theo các điều khoản được quy định trong hợp đồng thì Nhà thầu tư vấn phải chịu trách nhiệm.

f) Thực hiện công việc đúng pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng và đảm bảo rằng tư vấn phụ (nếu có), nhân lực của tư vấn và tư vấn phụ sẽ luôn tuân thủ luật pháp.

g) Nộp cho Chủ đầu tư các báo cáo và các tài liệu với số lượng và thời gian quy định trong hợp đồng. Nhà thầu tư vấn thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả các thông tin liên quan đến công việc tư vấn khảo sát, thiết kế chi tiết và dự toán có thể làm chậm trễ hoặc cản trở việc hoàn thành các công việc theo tiến độ và đề xuất giải pháp thực hiện.

h) Nhà thầu tư vấn có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan điểm về các nội dung của công việc tư vấn khảo sát, thiết kế chi tiết và dự toán trong các buổi họp trình duyệt của các cấp có thẩm quyền do Chủ đầu tư tổ chức.

i) Sản phẩm tư vấn khảo sát, thiết kế chi tiết và dự toán phải được thực hiện bởi các chuyên gia có đủ điều kiện năng lực hành nghề theo quy định của pháp luật. Nhà thầu tư vấn phải sắp xếp, bố trí nhân lực của mình hoặc của nhà thầu phụ có kinh nghiệm và năng lực cần thiết như danh sách đã được Chủ đầu tư phê duyệt để thực hiện công việc tư vấn khảo sát, thiết kế chi tiết và dự toán.

j) Cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm theo yêu cầu của Chủ đầu tư cho tới ngày nghiệm thu sản phẩm tư vấn khảo sát, thiết kế chi tiết và dự toán.

k) Cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo, thẩm định,... với số lượng và thời gian theo đúng tiến độ được thỏa thuận trong hợp đồng tư vấn khảo sát, thiết kế chi tiết và dự toán đã ký kết.

l) Tuân thủ các yêu cầu và hướng dẫn của Chủ đầu tư, trừ những hướng dẫn hoặc yêu cầu trái với luật pháp hoặc không thể thực hiện được.

m) Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra khi thực hiện không đúng nội dung hợp đồng tư vấn khảo sát, thiết kế chi tiết và dự toán đã ký kết.

o) Chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư và pháp luật về chất lượng công việc đảm nhận; bồi thường thiệt hại (nếu có) khi thực hiện không đúng nội dung hợp đồng và các hành vi vi phạm khác gây ra thiệt hại.

p) Chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin giao dịch của Nhà thầu cung cấp cho Chủ đầu tư. Trường hợp Nhà thầu cung cấp thông tin sai dẫn đến việc thanh toán sai, bị cơ quan có thẩm quyền xử phạt Chủ đầu tư thì Nhà thầu có trách nhiệm thay mặt Chủ đầu tư đóng các khoản phạt (nếu có).

Điều 13. Trách nhiệm của Bên A

1. Quyền của Chủ đầu tư (Bên A)

a) Được quyền sở hữu và sử dụng sản phẩm tư vấn khảo sát, thiết kế chi tiết và dự toán theo hợp đồng.

b) Từ chối nghiệm thu sản phẩm tư vấn khảo sát, thiết kế chi tiết và dự toán không đạt chất lượng theo hợp đồng.

c) Kiểm tra chất lượng công việc của Nhà thầu tư vấn nhưng không làm cản trở hoạt động bình thường của Nhà thầu tư vấn.

d) Yêu cầu sửa đổi, bổ sung sản phẩm tư vấn không đảm bảo chất lượng theo thỏa thuận hợp đồng.

đ) Yêu cầu Nhà thầu tư vấn thay đổi cá nhân tư vấn không đáp ứng được yêu cầu năng lực theo quy định.

2. Nghĩa vụ của Chủ đầu tư:

a) Cung cấp cho Nhà thầu tư vấn thông tin về yêu cầu công việc, tài liệu, bảo đảm thanh toán và các phương tiện cần thiết để thực hiện công việc theo thỏa thuận trong hợp đồng (nếu có).

b) Bảo đảm quyền tác giả đối với sản phẩm tư vấn có quyền tác giả theo hợp đồng.

c) Giải quyết kiến nghị của Nhà thầu tư vấn theo thẩm quyền trong quá trình thực hiện hợp đồng đúng thời hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

d) Thanh toán đầy đủ cho Nhà thầu tư vấn theo đúng tiến độ thanh toán đã thỏa thuận trong hợp đồng.

đ) Hướng dẫn Nhà thầu tư vấn về những nội dung liên quan đến dự án; tạo điều kiện để Nhà thầu tư vấn được tiếp cận với công trình, thực địa.

e) Cử người có năng lực phù hợp để làm việc với Nhà thầu tư vấn.

f) Tạo điều kiện cho Nhà thầu tư vấn thực hiện công việc tư vấn khảo sát, thiết kế chi tiết và dự toán, thủ tục hải quan (nếu có).

g) Chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các tài liệu do mình cung cấp. Bồi thường thiệt hại cho Nhà thầu tư vấn nếu Chủ đầu tư cung cấp thông tin không chính xác, không đầy đủ theo quy định của hợp đồng.

Điều 14. Nhà thầu phụ (nếu có)

1. Đối với nhà thầu phụ chưa có danh sách trong Hợp đồng, nhà thầu phải trình danh sách, hồ sơ năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ cũng như phạm vi công việc mà nhà thầu phụ sẽ đảm nhận để Chủ đầu tư xem xét chấp thuận bằng văn bản trước khi ký hợp đồng thầu phụ.

2. Nhà thầu tư vấn phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Chủ đầu tư về chất lượng, tiến độ cũng như các sai sót của nhà thầu phụ.

3. Nhà thầu tư vấn cam kết với Chủ đầu tư rằng sẽ thanh toán đầy đủ, đúng hạn các khoản chi phí cho nhà thầu phụ được quy định trong hợp đồng thầu phụ.

Điều 15. Nhân lực của Nhà thầu tư vấn

1. Nhân lực của Nhà thầu tư vấn và nhà thầu phụ phải đủ điều kiện năng lực, có chứng chỉ hành nghề theo quy định, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp về nghề nghiệp, công việc của họ và phù hợp với quy định về điều kiện năng lực trong pháp luật xây dựng được quy định cụ thể tại Phụ lục 2 [Nhân lực của Nhà thầu].

2. Chức danh, công việc thực hiện, trình độ và thời gian dự kiến tham gia thực hiện được quy định trong Phụ lục 2 [Nhân lực của Nhà thầu]. Trường hợp thay đổi nhân sự, Nhà thầu tư vấn phải trình bày lý do, đồng thời cung cấp lý lịch của người thay thế cho Chủ đầu tư, người thay thế phải có trình độ tương đương hoặc cao hơn người bị thay thế. Nếu Chủ đầu tư không có ý kiến về nhân sự thay thế trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Nhà thầu tư vấn thì nhân sự đó coi như được Chủ đầu tư chấp thuận.

3. Chủ đầu tư có quyền yêu cầu Nhà thầu tư vấn thay thế nhân sự nếu người đó không đáp ứng được yêu cầu của Chủ đầu tư hoặc không đúng với hồ sơ nhân sự trong hợp đồng. Trong trường hợp này, Nhà thầu tư vấn phải gửi văn bản thông báo cho Chủ đầu tư trong vòng 03 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư về việc thay đổi nhân sự. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do Nhà thầu tư vấn chịu. Mức thù lao cho nhân sự thay thế không vượt mức thù lao cho người bị thay thế.

4. Nhà thầu tư vấn có thể điều chỉnh thời gian làm việc của nhân sự nếu cần thiết nhưng không làm tăng giá hợp đồng. Những điều chỉnh khác chỉ được thực hiện khi được Chủ đầu tư chấp thuận.

5. Nhà thầu tư vấn tổ chức thực hiện công việc theo tiên độ đã thỏa thuận. Giờ làm việc, làm việc ngoài giờ, thời gian làm việc, ngày nghỉ,... thực hiện theo Bộ Luật Lao động. Nhà thầu tư vấn không được tính thêm chi phí làm ngoài giờ (giá hợp đồng đã bao gồm chi phí làm ngoài giờ).

Điều 16. Bản quyền và quyền sử dụng tài liệu

Nhà thầu tư vấn sẽ giữ bản quyền công việc tư vấn do mình thực hiện. Chủ đầu tư được toàn quyền sử dụng các tài liệu này để phục vụ công việc quy định trong hợp đồng mà không cần phải xin phép Nhà thầu tư vấn.

Nhà thầu tư vấn phải cam kết rằng sản phẩm tư vấn do Nhà thầu tư vấn thực hiện và cung cấp cho Chủ đầu tư không vi phạm bản quyền hoặc quyền sở hữu trí tuệ của bất cứ cá nhân hoặc bên thứ ba nào.

Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm hoặc hậu quả nào từ việc khiếu nại sản phẩm tư vấn theo hợp đồng này đã vi phạm bản quyền hay quyền sở hữu trí tuệ của một cá nhân hay bên thứ ba nào khác.

Điều 17. Bảo hiểm

Nhà thầu mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp theo quy định.

Điều 18. Rủi ro và bất khả kháng

1. Rủi ro là nguy cơ ảnh hưởng tiêu cực đến việc thực hiện Hợp đồng trong tương lai. Các bên phải đánh giá các nguy cơ rủi ro, lập kế hoạch quản lý rủi ro, các phương án quản lý, xử lý rủi ro của mình; trách nhiệm khắc phục hậu quả của mỗi bên trong trường hợp gặp rủi ro.

2. Bất khả kháng là một sự kiện rủi ro xảy ra một cách khách quan không thể lường trước khi ký kết hợp đồng và không thể khắc phục được khi nó xảy ra mặc dù

đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép như: động đất, bão, lũ, lụt, lốc, sóng thần, lở đất, núi lửa, chiến tranh, dịch bệnh ...

3. Thông báo về bất khả kháng:

a) Khi một bên gặp tình trạng bất khả kháng thì phải thông báo bằng văn bản cho bên kia trong thời gian sớm nhất, trong thông báo phải nêu rõ các nghĩa vụ, công việc liên quan đến hậu quả của bất khả kháng.

b) Bên thông báo được miễn thực hiện công việc thuộc trách nhiệm của mình trong thời gian xảy ra bất khả kháng ảnh hưởng đến công việc theo nghĩa vụ hợp đồng.

4. Trách nhiệm của các bên đối với rủi ro:

a) Đối với những rủi ro đã tính trong giá hợp đồng thì khi rủi ro xảy ra Nhà thầu tư vấn phải chịu trách nhiệm bằng kinh phí của mình.

b) Đối với những rủi ro đã được mua bảo hiểm thì chi phí khắc phục hậu quả các rủi ro này do đơn vị bảo hiểm chi trả và không được tính vào giá hợp đồng.

c) Nhà thầu tư vấn phải bồi thường và gánh chịu những tổn hại cho Chủ đầu tư đối với các hỏng hóc, mất mát và các chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) có liên quan do lỗi của mình gây ra.

d) Chủ đầu tư phải bồi thường những tổn hại cho Nhà thầu tư vấn đối với các thiệt hại, mất mát và chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) liên quan do lỗi của mình gây ra.

5. Trách nhiệm của các bên đối với bất khả kháng:

a) Nếu Nhà thầu tư vấn bị cản trở thực hiện nhiệm vụ của mình theo hợp đồng do bất khả kháng mà đã thông báo theo các điều khoản của hợp đồng dẫn đến chậm thực hiện công việc và phát sinh chi phí do bất khả kháng, Nhà thầu tư vấn sẽ có quyền đề nghị xử lý như sau:

– Được kéo dài thời gian do sự chậm trễ theo quy định của hợp đồng (gia hạn thời gian hoàn thành).

– Được thanh toán các chi phí phát sinh theo các điều khoản quy định trong hợp đồng.

b) Chủ đầu tư phải xem xét quyết định các đề nghị của Nhà thầu tư vấn.

c) Việc xử lý hậu quả bất khả kháng không áp dụng đối với các nghĩa vụ thanh toán tiền của bất cứ bên nào cho bên kia theo hợp đồng.

6. Chấm dứt và thanh toán hợp đồng trong trường hợp bất khả kháng (nếu có):

a) Nếu việc thực hiện các công việc của hợp đồng bị dừng do bất khả kháng đã được thông báo theo quy định của hợp đồng trong khoảng thời gian mà tổng số ngày bị dừng lớn hơn số ngày do bất khả kháng đã được thông báo, thì một trong hai bên có quyền gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho bên kia.

b) Đối với trường hợp chấm dứt này, Chủ đầu tư sẽ phải thanh toán cho Nhà thầu tư vấn:

– Các khoản thanh toán cho bất kỳ công việc nào đã được hoàn thành theo giá đã được nêu trong hợp đồng.

– Chi phí cho thiết bị và vật tư được đặt hàng cho công trình đã được chuyển tới cho Nhà thầu tư vấn, hoặc những thứ Nhà thầu tư vấn có trách nhiệm chấp nhận giao hàng: Thiết bị và vật tư này sẽ trở thành tài sản (và là rủi ro) của Chủ đầu tư khi đã được Chủ đầu tư thanh toán và Nhà thầu tư vấn sẽ để cho Chủ đầu tư sử dụng.

Điều 19. Tạm ngừng công việc trong hợp đồng

1. Tạm ngừng công việc bởi Chủ đầu tư

Nếu nhà thầu không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, Chủ đầu tư có thể tạm ngừng toàn bộ hoặc một phần công việc của nhà thầu bằng văn bản thông báo. Trong nội dung văn bản, Chủ đầu tư phải nêu rõ phần lỗi của nhà thầu và yêu cầu nhà thầu phải thực hiện và sửa chữa các sai sót trong khoảng thời gian hợp lý cụ thể, đồng thời nhà thầu phải bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư do tạm ngừng công việc.

2. Tạm ngừng công việc bởi Nhà thầu tư vấn

a) Nếu Chủ đầu tư không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, không thanh toán theo các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng này quá 28 ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán, sau khi thông báo cho Chủ đầu tư, Nhà thầu tư vấn có thể sẽ tạm ngừng công việc (hoặc giảm tỷ lệ công việc).

b) Sau khi Chủ đầu tư thực hiện các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng, Nhà thầu tư vấn phải tiếp tục tiến hành công việc bình thường ngay khi có thể được.

c) Nếu các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm ngừng công việc (hoặc do giảm tỷ lệ công việc) theo khoản này, Nhà thầu tư vấn phải thông báo cho Chủ đầu tư để xem xét. Sau khi nhận được thông báo, Chủ đầu tư xem xét và có ý kiến về các vấn đề đã nêu.

3. Trước khi tạm ngừng thực hiện công việc trong hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do tạm ngừng công việc thực hiện. Hai bên cùng nhau thương lượng giải quyết để tiếp tục thực hiện hợp đồng.

Điều 20. Chấm dứt hợp đồng

1. Chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư

Chủ đầu tư có thể chấm dứt hợp đồng sau **10 ngày** kể từ ngày gửi văn bản kết thúc hợp đồng đến Nhà thầu tư vấn. Chủ đầu tư sẽ được quyền chấm dứt hợp đồng khi:

a) Nhà thầu tư vấn không sửa chữa được sai sót nghiêm trọng mà Nhà thầu tư vấn không thể khắc phục được trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình trong vòng **10 ngày** mà Chủ đầu tư có thể chấp nhận được kể từ ngày nhận được thông báo của Chủ đầu tư về sai sót đó.

b) Nhà thầu không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo Điều 23 [Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi], hoặc **10 ngày** liên tục không thực hiện công việc theo hợp đồng.

c) Chuyển nhượng hợp đồng mà không có sự thỏa thuận của Chủ đầu tư.

d) Nhà thầu tư vấn bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được ủy quyền hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các Luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này.

e) Nhà thầu tư vấn từ chối không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 25 [Khiếu nại và giải quyết tranh chấp].

f) Nhà thầu tư vấn cố ý trình Chủ đầu tư các tài liệu không đúng sự thật gây ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ và lợi ích của Chủ đầu tư.

g) Trường hợp bất khả kháng quy định tại Điều 18 [Rủi ro và bất khả kháng].

Sau khi chấm dứt hợp đồng, Chủ đầu tư có thể thuê các Nhà thầu tư vấn khác thực hiện tiếp công việc tư vấn. Chủ đầu tư và các Nhà thầu tư vấn này có thể sử dụng bất cứ tài liệu nào đã có.

2. Chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu tư vấn

Nhà thầu tư vấn có thể chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho Chủ đầu tư tối thiểu là **10 ngày** trong các trường hợp sau đây:

a) Công việc bị ngừng do lỗi của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian 45 ngày.

b) Chủ đầu tư không thanh toán cho Nhà thầu tư vấn theo hợp đồng và không thuộc đối tượng tranh chấp theo Điều 25 [Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp] sau khoảng thời gian 45 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

c) Chủ đầu tư không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 25 [Khiếu nại và giải quyết tranh chấp].

d) Do hậu quả của sự kiện bất khả kháng mà Nhà thầu tư vấn không thể thực hiện một phần quan trọng công việc trong thời gian 45 ngày.

đ) Chủ đầu tư bị phá sản, vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản phải điều đình với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự điều hành của người được ủy thác hoặc người đại diện cho quyền lợi của chủ nợ hoặc nếu đã có hành động hoặc sự kiện nào đó xảy ra (theo các Luật hiện hành) có tác dụng tương tự tới các hành động hoặc sự kiện đó.

3. Khi chấm dứt hợp đồng, thì các quyền và nghĩa vụ của các bên sẽ chấm dứt trừ điều khoản về giải quyết tranh chấp.

4. Khi một trong hai bên chấm dứt hợp đồng thì ngay khi gửi hay nhận văn bản chấm dứt hợp đồng, Nhà thầu tư vấn sẽ thực hiện các bước cần thiết để kết thúc công việc tư vấn một cách nhanh chóng và cố gắng để giảm tối đa mức chi phí.

5. Thanh toán khi chấm dứt hợp đồng: Việc thanh toán thực hiện theo Điều 9 [Giá hợp đồng] và Điều 24 [Tạm ứng và thanh toán] cho các công việc đã thực hiện trước ngày chấm dứt có hiệu lực (bao gồm chi phí chuyên gia, chi phí mua sắm thiết bị, các chi phí khác,...).

Điều 21. Quyết toán và thanh lý hợp đồng

1. Quyết toán hợp đồng

a) Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn theo hợp đồng, khi nhận được Biên bản nghiệm thu và xác nhận của Chủ đầu tư rằng Nhà thầu tư vấn đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ theo quy định của hợp đồng, Nhà thầu tư vấn sẽ trình cho Chủ đầu tư **06 bộ** tài liệu quyết toán hợp đồng, hồ sơ quyết toán bao gồm:

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn.
- Bản xác nhận giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có).
- Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng trong đó nêu rõ phần đã thanh toán và giá trị còn lại mà Chủ đầu tư phải thanh toán cho Nhà thầu tư vấn.

b) Nếu Chủ đầu tư không đồng ý hoặc cho rằng Nhà thầu tư vấn chưa cung cấp đủ cơ sở để xác nhận một phần nào đó của tài liệu quyết toán hợp đồng, Nhà thầu tư vấn sẽ cung cấp thêm thông tin khi Chủ đầu tư có yêu cầu hợp lý và sẽ thay đổi theo sự thống nhất của hai bên. Nhà thầu tư vấn sẽ chuẩn bị và trình cho Chủ đầu tư quyết toán hợp đồng như hai bên đã thống nhất.

c) Sau khi hợp đồng được quyết toán theo quy định, Chủ đầu tư sẽ thanh toán toàn bộ giá trị còn lại của hợp đồng cho nhà thầu.

2. Việc thanh lý hợp đồng phải được hoàn tất trong thời hạn **45 ngày** kể từ ngày các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc bị chấm dứt theo Điều 20 [Chấm dứt hợp đồng].

Điều 22. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn

Sản phẩm tư vấn được nghiệm thu 01 lần sau thiết kế chi tiết được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành là biên bản nghiệm thu chất lượng có ghi cả khối lượng.

Điều 23. Thời gian thực hiện hợp đồng

1. Tiến độ thực hiện hợp đồng được quy định cụ thể tại Phụ lục 3 [Tiến độ thực hiện] với tổng thời gian thực hiện là ... ngày, kể từ ngày hợp đồng này có hiệu lực, bao gồm cả ngày lễ, tết và ngày nghỉ (*thời gian trên không bao gồm thời gian thẩm định, phê duyệt, giám sát tác giả và các trường hợp bất khả kháng*)..

2. Tiến độ chi tiết:

- Thời gian khảo sát: ngày
- Thời gian thiết kế chi tiết: ... ngày.
- Thời gian lập dự toán: Ngày.

3. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, trường hợp Nhà thầu tư vấn hoặc Chủ đầu tư gặp khó khăn dẫn đến chậm trễ thời gian thực hiện hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết, đồng thời nêu rõ lý do cùng thời gian dự tính kéo dài. Sau khi nhận được thông báo kéo dài thời gian của một bên, bên kia sẽ nghiên cứu xem xét. Trường hợp chấp thuận gia hạn hợp đồng, các bên sẽ thương thảo và ký kết Phụ lục bổ sung hợp đồng.

4. Việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng không được phép làm tăng giá hợp đồng nếu việc chậm trễ do lỗi của Nhà thầu tư vấn.

Điều 24. Tạm ứng và thanh toán

1. Tạm ứng:

Trên cơ sở kế hoạch vốn được giao, sau khi Hợp đồng có hiệu lực, Chủ đầu tư nhận được bảo lãnh tạm ứng; Chủ đầu tư tạm ứng cho Nhà thầu **20%** giá trị hợp đồng, tương ứng với số tiền là đồng.

Tiền tạm ứng sẽ được thu hồi bằng cách giảm trừ trong các lần thanh toán. Tỷ lệ thu hồi tiền tạm ứng qua các đợt thanh toán được tính theo công thức: (Tỷ lệ tạm ứng thực tế / 80%) x giá trị thanh toán), khi tổng giá trị các đợt thanh toán đạt 80% giá trị hợp đồng, Chủ đầu tư thu hồi 100% số tiền tạm ứng.

Trường hợp tạm ứng vẫn chưa được hoàn trả trước khi ký biên bản nghiệm thu công trình và trước khi chấm dứt hợp đồng theo Điều 20 [Chấm dứt hợp đồng], hoặc Điều 18 [Rủi ro và bất khả kháng] (tùy từng trường hợp), khi đó toàn bộ số tiền tạm ứng chưa thu hồi được này sẽ là nợ đến hạn và Nhà thầu phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Chủ đầu tư trong thời gian **10 ngày**.

Nhà thầu phải sử dụng tiền tạm ứng theo đúng mục đích, đúng đối tượng, có hiệu quả. Nghiêm cấm việc tạm ứng mà không sử dụng hoặc sử dụng không đúng mục đích của hợp đồng tư vấn đã ký.

2. Tiến độ thanh toán

Số lần thanh toán là 03 lần

Căn cứ kế hoạch vốn được giao, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu như sau:

– Lần 1: Sau khi hồ sơ thiết kế chi tiết, dự toán được cấp thẩm quyền phê duyệt, Chủ đầu tư nghiệm thu và thanh toán cho Nhà thầu đến 90% giá trị khối lượng thực hiện được nghiệm thu nhưng không vượt chi phí khảo sát, thiết kế chi tiết, dự toán được cấp thẩm quyền phê duyệt và không vượt giá hợp đồng.

– Lần 2: Sau khi công trình thi công hoàn thành được nghiệm thu đưa vào sử dụng, Chủ đầu tư nghiệm thu hoàn thành công tác giám sát tác giả; Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu đến 95% giá trị khối lượng thực hiện được nghiệm thu nhưng không vượt chi phí khảo sát, thiết kế chi tiết, dự toán được cấp thẩm quyền phê duyệt và không vượt giá hợp đồng.

– Sau khi dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt quyết toán, căn cứ giá trị quyết toán Chủ đầu tư thanh toán giá trị còn lại cho Nhà thầu.

Trong thời gian chờ cấp thẩm quyền phê duyệt quyết toán, hai bên thống nhất để Chủ đầu tư thực hiện các thủ tục đề nghị cơ quan cấp phát vốn chuyển khoản số tiền còn lại vào tài khoản tiền gửi chờ quyết toán của Chủ đầu tư mở tại Kho bạc Nhà nước. Khi có thông báo hoặc quyết định phê duyệt quyết toán của cấp thẩm quyền, căn cứ giá trị được duyệt, Chủ đầu tư sẽ thanh toán số tiền còn lại cho Nhà thầu.

Giá trị thanh toán chính thức là giá trị quyết toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trong trường hợp các cơ quan có thẩm quyền như Thanh tra, Kiểm toán, Kiểm tra ... thay đổi về giá trị đã được quyết toán thì giá trị thay đổi này là giá trị thay đổi chính thức cuối cùng. Trường hợp giá trị Chủ đầu tư thanh toán chò Nhà thầu vượt giá trị quyết toán của cấp thẩm quyền phê duyệt hoặc giá trị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán ... (nếu có) thì Nhà thầu phải hoàn trả giá trị vượt đó vào ngân sách Thành phố trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Chủ đầu tư.

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ của Nhà thầu, Chủ đầu tư hoàn thành các thủ tục và chuyển đề nghị thanh toán đến cơ quan cấp phát vốn để thanh toán cho Nhà thầu.

3. Hồ sơ thanh toán gồm:

- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành theo mẫu 03.a/TT tại Phụ lục hệ thống biểu mẫu của Nghị định số 99/2021/ND-CP.

(Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành là biên bản nghiệm thu chất lượng (theo quy định về quản lý chất lượng công trình) có ghi cả khối lượng).

- Bảng tính giá trị khối lượng phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi hợp đồng theo mẫu 03.c/TT tại Phụ lục hệ thống biểu mẫu của Nghị định số 99/2021/ND-CP.

- Đề nghị thanh toán của Nhà thầu tư vấn bao gồm: Giá trị hoàn thành theo hợp đồng, giá trị cho những công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng (nếu có), giá trị đề nghị thanh toán sau khi đã bù trừ các khoản này.

- Đồng tiền thanh toán là đồng tiền Việt Nam.

4. Tài khoản thanh toán :

Điều 25. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp

1. Khi một bên phát hiện bên kia thực hiện không đúng hoặc không thực hiện nghĩa vụ theo đúng hợp đồng thì có quyền yêu cầu bên kia thực hiện theo đúng nội dung hợp đồng đã ký kết. Khi đó bên phát hiện có quyền khiếu nại bên kia về nội dung này. Bên kia phải đưa ra các căn cứ, dẫn chứng cụ thể để làm sáng tỏ nội dung khiếu nại trong vòng 10 ngày. Nếu những các căn cứ, dẫn chứng không hợp lý thì phải chấp thuận những khiếu nại của bên kia.

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát hiện những nội dung không phù hợp với hợp đồng đã ký, bên phát hiện phải thông báo ngay cho bên kia về những nội dung đó và khiếu nại về các nội dung này. Ngoài khoảng thời gian này nếu không bên nào có khiếu nại thì các bên phải thực hiện theo đúng những thỏa thuận đã ký.

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, bên nhận được khiếu nại phải chấp thuận với những khiếu nại đó hoặc phải đưa ra những căn cứ, dẫn chứng về những nội dung cho rằng việc khiếu nại của bên kia là không phù hợp với hợp đồng đã ký. Ngoài khoảng thời gian này nếu bên nhận được khiếu nại không có ý kiến thì coi như đã chấp thuận với những nội dung khiếu nại do bên kia đưa ra.

2. Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.

Thời gian để tiến hành hòa giải: tối đa 30 ngày.

Trường hợp thương lượng không có kết quả thì khoảng thời gian các bên được quyền gửi vấn đề lên Trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam (hoặc Tòa án Nhân dân) theo quy định của pháp luật 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp hợp đồng không thể hòa giải. Quyết định của Trọng tài (*hoặc Tòa án Nhân dân*) là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.

3. Hợp đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các điều khoản về giải quyết tranh chấp.

Điều 25. Thuởng, phạt, bồi thường thiệt hại

1. Thuởng hợp đồng: không áp dụng.

2. Phạt vi phạm hợp đồng

Đối với Nhà thầu tư vấn: Nếu chậm tiến độ thực hiện hợp đồng 10 ngày đầu tiên thì phạt 0,8% giá trị hợp đồng; mỗi đợt chậm 05 ngày tiếp theo thì mức phạt là 2% giá trị hợp đồng nhưng tổng số tiền phạt không quá 12% giá trị hợp đồng. Khi đó, Chủ đầu tư có quyền đơn phương xem xét ngưng thực hiện hợp đồng.

3. Bồi thường thiệt hại

- Bồi thường thiệt hại: trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế.

Điều 26. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ hai bên ký kết.

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng này bao gồm trang, và 04 Phụ lục, được lập thành 07 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Chủ đầu tư sẽ giữ 06 bản Nhà thầu tư vấn sẽ giữ 01 bản.

Hợp đồng được lập trên sự chấp thuận của tất cả các bên.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA

NHÀ THẦU

[xác nhận, chữ ký số]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA

**CHỦ ĐẦU TƯ/ĐƠN VỊ ĐƯỢC ỦY
QUYỀN**

[xác nhận, chữ ký số]

PHỤ LỤC

- Phụ lục A: Điều khoản tham chiếu
Phụ lục B: Nhân sự của nhà thầu
Phụ lục C: Trách nhiệm báo cáo của nhà thầu.

Mẫu số 17

THƯ CHẤP THUẬN E-HSDT VÀ TRAO HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu trúng thầu] (sau đây gọi tắt là “Nhà thầu”)

Về việc: *Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng*

Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của _____ [ghi tên chủ đầu tư] (sau đây gọi tắt là “Chủ đầu tư”) về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu _____ [ghi tên, số hiệu gói thầu], Chủ đầu tư _____ [ghi tên Chủ đầu tư] (sau đây gọi tắt là “Chủ đầu tư”) thông báo: Chúng tôi chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng cho Nhà thầu để thực hiện gói thầu _____ [ghi tên, số hiệu gói thầu.] với giá hợp đồng là _____ [ghi giá trúng thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu] với thời gian thực hiện gói thầu là _____ [ghi thời gian thực hiện gói thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu].

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng theo kế hoạch như sau:

Trường hợp hoàn thiện hợp đồng thông qua phương tiện điện tử:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: _____ [ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng];
- Địa chỉ phương tiện điện tử: _____ [ghi đường link, tên đăng nhập, mật khẩu (nếu có)...];
- Việc ký biên bản hoàn thiện hợp đồng thực hiện qua Hệ thống.

Trường hợp hoàn thiện hợp đồng trực tiếp:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: _____ [ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng], tại địa điểm⁽²⁾ _____ [ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng].

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà thầu hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo quy định nêu trên. Chủ đầu tư sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Nếu đến ngày ____ tháng ____ năm ____ mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại.

Đại diện hợp pháp của chủ đầu tư
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, các bên phải điền đầy đủ và đưa toàn bộ nội dung, bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà

thầu, thương thảo hợp đồng (nếu có), hoàn thiện hợp đồng (nếu có) vào điều kiện cụ thể của hợp đồng để hình thành tài liệu hợp đồng điện tử.

(2) Khuyến khích thực hiện hoàn thiện hợp đồng qua phương tiện điện tử. Trường hợp việc hoàn thiện hợp đồng thực hiện trực tiếp thì Chủ đầu tư điền thông tin về địa điểm (văn phòng, cơ quan Chủ đầu tư...) để Nhà thầu đến tiến hành hoàn thiện hợp đồng.

GIẤY ỦY QUYỀN ⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu], là người đại diện theo pháp luật của ____ [ghi tên nhà thầu] có địa chỉ tại ____ [ghi địa chỉ của nhà thầu] bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] do ____ [ghi tên Chủ đầu tư] tổ chức:

[- Tham gia quá trình đối chiếu tài liệu;

- Thương thảo hợp đồng (nếu có) đối với trường hợp thương thảo hợp đồng trực tiếp;

- Tham gia quá trình hoàn thiện hợp đồng đối với trường hợp hoàn thiện hợp đồng trực tiếp.]⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [ghi tên nhà thầu]. ____ [ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____ ⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản, Chủ đầu tư giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[ghi tên, chức danh, ký tên và
đóng dấu (nếu có)]

Người ủy quyền

[ghi tên người đại diện theo pháp luật của
nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Chủ đầu tư khi đối chiếu tài liệu, thương thảo, hoàn thiện hợp đồng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình đối chiếu tài liệu, thương thảo, hoàn thiện, ký hợp đồng. Giấy ủy quyền phải bảo đảm có hiệu lực trước ngày thực hiện các công việc được ủy quyền.